

REVUE POUR TOUS

TU DÂN TẠP CHÍ



*Đã được cấp
Chứng nhận
của Bộ Văn hóa
Đến từ 2.000
Hà Nội 9-2-34*

四民雜覽

CLIQUE AN - PHONG

Cơ quan quản lý và phân phối và khoa học
Hàng năm 1000 số

IMP. LONG-QUANG HANOI



BỆNH QUỲ ĐÃ CÓ THUỐC TIỀN
Đau mắt không gì bằng dỏ
nước **QUANG-MINH**

Vậy các ngài đau mắt, bất cứ nổi nhiều tia máu, hai mắt đỏ ngầu, hoặc nhiều rử, lúc nhìn vật nọ vật kia, lơ mờ không rõ, trông ra bóng nắng hai mắt đều hoa và lóa cả lên, hay đau quá sinh ra mạng khò che người; vậy kíp dỏ nước này sẽ thấy kiến hiệu một cách mau chóng, mua thuốc xin nhận kỹ hai chữ Đại-Quang kéo m liền mắt lại lật mang. Trong-hộp đã có ống bơm dỏ dỏ.

Mỗi lọ : 0\$20

ĐẠI-QUANG DƯỢC-PHÒNG

47, Phố hàng Đường, Hanoi — Giây nói 805

Haiphong Đại-lý: N° 78, 80, Viễn-Xương phố Khách

Bản Dược-Phòng và các nơi đại-lý đều có sách thuốc biểu

GIẢI THƯỞNG 500\$00

Tên khách Sui-A-Seng ở phố Poterie Nam-dinh làm thuốc ngã nước sốt rét sốt nóng giả mạo tên hiệu Phúc-Đình Père, bán 0\$25 một gói lừa người không biết.

Tòa án Haiphong đã kết án tên khách ấy 3 tháng tù và bồi thường 500\$00 cùng các tiền án phí nữa cho hiệu Phúc-Đình Père ở gốc hàng Kèn « Cây-thị » số 88 Hanoi.

Nếu ai bắt được tên nào giả mạo tên hiệu Phúc-Đình Père, sẽ lĩnh thưởng 500\$00.

Hiệu Phúc-Đình Père đã chữa khỏi hàng mấy triệu người ngã nước, sốt rét, sốt nóng, cảm, cúm, rức đầu, đau xương, đau tức, dầy hơi, phỏng thối, đau bụng kinh niên, đau dạ dày, lặn, tim-la, đi tả, trẻ con cam sài và đủ các thứ thuốc khác nữa, danh tiếng nổi khắp cõi Đông Pháp và các nước M. Gentizon và M. Vild, Ingénieurs ở Paris ở gửi giấy khen và bảo hiệu Phúc-Đình Père gửi thuốc sang để Ngài gửi đi bán giúp các nước, rồi Ngài sẽ lấy bằng các nước cho. M. Gille Georges Chánh (Douanes) Cầu Giát, M. Apos'oli Chánh (Douanes) Hà Trai M. Robert Kraemer ở Service Santé Hongay và các quan tây khác có cho nhiều Certificats khen nhiều thứ thuốc rất hay.

Thơ và Mandat xin cử để Phúc-Đình Père dit Trần-viết-Bính Boulevard Gia Long N° 88 Hanoi.

Téléphone N° 880.

TU' DAN TAP CHI

REVUE POUR TOUS

Cơ quan truyền bá văn-chương và khoa-học

MỖI TUẦN LỄ RA MỘT KỲ

TÒA SOẠN VÀ TÒA TRI-SỰ - SỐ 26, Phố Hàng Đậu, Hanoi - Téléphone n° 847

Giá mua báo ĐÔNG - PHÁP

Một năm. . .	5p.00
Sáu tháng . .	2 50
Ba tháng . . .	1 30
Một	0 10

NGOẠI QUỐC

Một năm . . .	7p00
Sáu tháng . . .	3 50

Fondateur : H. TISSOT

Résident Supérieur honoraire

CHỦ-NHIỆM : TIẾT-KIM-BÀNG

TRI-SỰ KIỂM QUẢN-LÝ : TIẾT-NHƯ-NGỌC

Tarif des abonnements INDOCHINE

Un an.	5p.00
Six mois. . . .	2 50
Trois mois. . .	1 30
Le numéro. . .	0 10

HORS DE L'INDOCHINE

Un an.	7p.00
Six mois. . . .	3 50

Số 40 và 41

MỤC-LỤC

Cách thiệp-thế ở bên Pháp.
Ý tưởng giầy con trẻ.
Con đường thành công của bạn thanh niên.
Cách dao dịch về tiền nong (giao ngân phiếu)-- (du change de chèque)
Rạo qua làng khoa-học - Người biết buy. (tiếp theo)
Vệ sinh chốn thôn quê.
Một chứng bệnh ghê gớm (bệnh lao.)
Liền ông có nên lấy nhiều vợ không
Chuyện con lừa tuốt mặt giăng (chuyện phương tây)
Ai bảo giống vật không biết thừa-phiếu (chuyện phương đông)
Văn thơ
Văn dịch - Nhớ thương (Souvenir)
Câu chuyện thuốc (nói về các giống trùng trong người (dư sản) tiếp theo
Trường giầy người mù.
Một phép tính lạ (câu chuyện phiếm)
Trong xã hội giao thiệp với nhau nên dùng tiếng gì (dư luận)
Cùng bạn trẻ - (cậu bé can đảm)
Những điều công ích công nghệ nhỏ
Tiểu-thuyết David Copperfield
Tiểu-thuyết Nhất thiên Nhất gia thoại
Một hội chuyên nghĩ việc trừ bệnh lao.
Chuyện lạ : lão thổ nhĩ-y. Cuộc đấu sáo.
Câu chuyện thứ bảy (nghèo của giàu lòng.

SOMMAIRE

Savoir-vivre et usages du monde en France
Le mariage - Rites matrimoniaux à l'étranger (suite)
Education des enfants.
Culture physique (suite)
Comment choisir sa carrière
Transactions commerciales
(du change - chèque)
Excursions à travers le pays de la science
Les hommes volants (suite)
Causerie médicale
Les parasites de l'homme (suite)
(tacnias et asarides)
Une maladie terrible « La tuberculose »
L'hygiène à la campagne
Contes amusants
La bigamie - L'âne qui avale la lune -
L'animal et l'opium
Poésies annamites
Souvenir - A. de Lamartine
L'école des aveugles
Calcul amusant
Tribune libre
David Copperfield (suite)
Les mille et une nuits « Le Vizir puni »
Un enfant courageux

CÁCH THIỆP THỂ Ở BÊN PHÁP

Hôn Lễ.—Tục lệ riêng các xứ ngoài nước Pháp (tiếp theo)

Hôn lễ Nhật-Bản

Theo tục Nhật-Bản thì phụ nữ phải ở trong nhà, ít khi người ngoài thấy mặt được. Đây là nói cái lệ thường trong nước, còn bọn giang hồ, cầu hợp với chồng ngoại quốc thì không kể. Bọn này chính trong nước họ cũng khinh bỉ, nếu muốn hoàn-lương (trở về lấy chồng) thì tất phải có tư bản với người bản quốc để nhờ tay chế độ vớt ra cho khỏi bể trầm-luân.

Lệ bên Nhật-Bản cũng cốt đạo gia-đình làm trọng. Chẳng những phải có mệnh phụ mẫu mà thôi, lại còn phải có cả ông tộc trưởng thuận. trong Hoàng-phái thì tất phải có nhà vua sắc chỉ cho mới được.

Nội người Nhật-Bản người nào cũng lấy vợ cả. Ngay từ lúc còn bé cha mẹ đã kén vợ cho rồi, đến khi nhớn lên cưới cho là phải thuận, thuận nhận chẳng khác nào như cha mẹ sắm cho một cái đồ vật gì thiết dụng vậy. Chồng không được biết mặt vợ trước mấy khi.

Đối với vợ chính thất, người chồng phải dãi tử tế. Người vợ cốt để đẻ cho được nhiều con mà phải nuôi lấy nhưng họ quen cho bú đến nhớn quá, có khi cho con bú đến ngoài hai tuổi, thành ra người mẹ kiệt khí lực, rạc cả người.

Việc cưới gả bên Nhật Bản cốt ở lễ, có cả sư làm lễ kết-hôn ở trên chùa cho nữa.

Các đàn bà con gái nhật búi tóc có phân biệt lắm, con gái đến thì đàn bà có chồng, đàn bà ở hóa đều khác nhau cả; con gái đến tuổi lấy chồng thì búi tóc rõ cao ra trước mặt, chải sệ đằng sau hai bên như cánh bướm. Đàn bà hóa ở vậy thì cắt tóc ngắn chải ra đằng sau, không trang điểm gì.

Tại Nhật-bản, lệ được lấy nhiều vợ, mà hiện cũng nhiều người có nhiều chồng. Quyền người chồng rộng lắm, nếu vợ ghen, lắm nhời lắm điều thì được phép bỏ.

Đã có tòa án riêng xử các việc gia-đình như là việc Hưong-Hỏa, con cái bất-hiểu bất-mục, vợ hư hoang.

Các nhà khá giả cần giấy con gái nữ-công nữ-bạn lắm, cốt phải cho cò nê-nếp, thạo mọi việc tề-gia,

màu thanh vẽ lịch phải biết cho đủ. Có trang giấy con gái hát, đàn, vẽ, làm thơ, lại có cả giấy đến sửa cày sửa cấy nữa.

Nhưng hiện kim thời-đại là thời buổi, đâu cũng thế, thay cũ đổi mới. Con gái nhật cũng không chịu «cha mẹ đặt đầu con ngồi đấy nữa», nếu chưa được biết người hỏi mình là người thế nào thì không chịu lấy; cũng đã thấy các nữ-sỹ cùng đi chơi với nam học-sinh lá-lả loi-loi ở ngoài đường, khiến cho các nhà thủ-cự Nhật-bản phải chán ngán. Chính-phủ phải lưu tâm đến, phải đặt cảnh-sát để trừng-giới trai gái bậy bạ, nhưng mỗi khi cảnh sát có hỏi đến cặp nào thì họ lại nhận nhau là anh em.

Trong những thành phố lớn bên Nhật, cái phong trào phụ nữ xem ra tân - tiến lắm.

Nhà nào nhà nấy, kẻ làm cha mẹ lo cho duy trì phong hóa, nên phải trăm giầy con về gia - đình giáo dục, xã hội đối phó, đạo đức, nữ công, nữ hạnh dặn bảo cặn kẽ cả từ cách tiếp khách, làm bếp vân vân.

Cách trang điểm thì phụ nữ Nhật-bản lại tài hoa lắm, họ cần thận cả từ tắm rửa nắn bóp phần sáp nước hoa, nhuộm tóc đánh, móng tay đánh răng.

Thủa xưa, hễ con gái ra ngoài tất phải có nữ-tỳ, nghĩa là vú già theo hầu, nhưng ngay nay thì đã thấy họ đi chơi ung dung hoặc đi xem hát, hoặc vào các tiệm ăn bánh uống nước.

Hiện ở Hồng kinh (đô thành Nhật-bản) có mở nhiều trang giấy nấu ăn. Các phụ nữ vừa con gái vừa có chồng rồi, đến đấy học nấu ăn các món Nhật bản và các món Âu-tây. Cả đến sự ăn uống họ cũng tuay đòi. Các nhà, về hạng trung bình bữa thường cũng đã thấy có được một món đồ ăn Tây (1)

(1) Bản-chi định mở riêng một mục về các nấu ăn gồm đủ các món Tây, Tầu, Ta, mỗi số sẽ có đủ trọn một bữa

Theo về tôn giáo thì ngày xưa người Nhật - bản kiêng ăn thịt trâu thịt bò, cho là ăn thì phải tội, nhưng ngày nay họ cũng đã ăn cả khỉ; còn kiêng khem chi nữa.

Con gái Nhật hề lấy chồng tức là xuất giá rồi thì theo về nhà chồng. Để bao nhiêu con là con chồng cả. Nếu duyên không ưa phần chẳng đẹp mà bỏ nhau, thì chồng được bắt hết con mà phải về với bố mẹ vợ.

Đạo làm vợ là phải thức khuya dậy sớm đi ngủ sau mà giặt trước chồng để trông nom quán xuyến mọi việc trong nhà. Bữa ăn chồng có cho cùng ngồi mới được ngồi vào ăn chung.

Mẹ chồng cũng hay áp chế lắm, nếu con dâu không thuận thủ thì buộc cho tội bất hiếu mà bắt phải phải về.

Con gái đã có chồng thì ra ngoài một mình được. Cứ theo lệ cổ thì cũng được cùng đi với chồng nhưng phải nhường một vài bước chứ không được đi sánh vai với chồng. Hiện ngày nay cũng vẫn chưa có mấy đôi gám khoác tay nhau mà đi. Nhưng trong các thành-thị lớn thì họ cũng đã tập tục Thái-tây dần dần rồi, duy có ở nhà quê thì họ cải-lương vẫn chậm.

Họ không có lệ cho của hồi môn cho con gái. Nhà nào đi kén vợ cho con thì chỉ cần nhất xem tính nết người con gái, cần nhất là hiếu hạnh.

Việc giặt con cái phần người mẹ nhiều. Mẹ yêu đương con, gầy bảo con cho đến tuổi con đi học trường được; nhiều bà mẹ đưa con đến trường rồi ở đấy để kèm thêm cho con, bảo ban từng tý để con làm bài.

Tại Đông-kinh, có trường thầy giòng pháp-học lớp nào cũng có kê một cái ghế dài ngay liền với

cái bảng viết để cho các bà có con đi học ngồi.

Đàn-Bà nhất thích đẻ con lắm. Người nào bắt hạnh hiếm hoi thì lấy làm buồn bực, thường vẫn bế bông nưng niu búp-bê giả cho khuây khỏa.

Cái tục lấy nhiều vợ bên Nhật cũng thịnh hành. Vua Minh-Trị có năm bà phi, được hai mươi con.

Khổng giáo và Phật-giáo cũng không cấm nhiều vợ. Trong Lễ-Ký nói rằng nhà vua có một Hoàng-Hậu, ba thứ-hậu, 37 con nhà bình thường, và 81 cung nhân.

Tục lấy nhiều vợ có hại đến phong hóa. Lắm nhà Trĩ-tết-học danh nhân bên Nhật đã bài bác nhiều lần nhưng vô hiệu, vì đàn ông Nhật cũng phong tình lắm. Một người cưới vợ năm sáu lượt cũng không lấy gì là lạ. Việc ly dị vì dẫy mà sinh ra nhiều. Năm 1898 (mậu-tuất) đến nay mới 32 năm, bên Nhật-bản đã thành lệ cho phép vợ chồng nên cùng thuận bỏ nhau được ly-di.

...

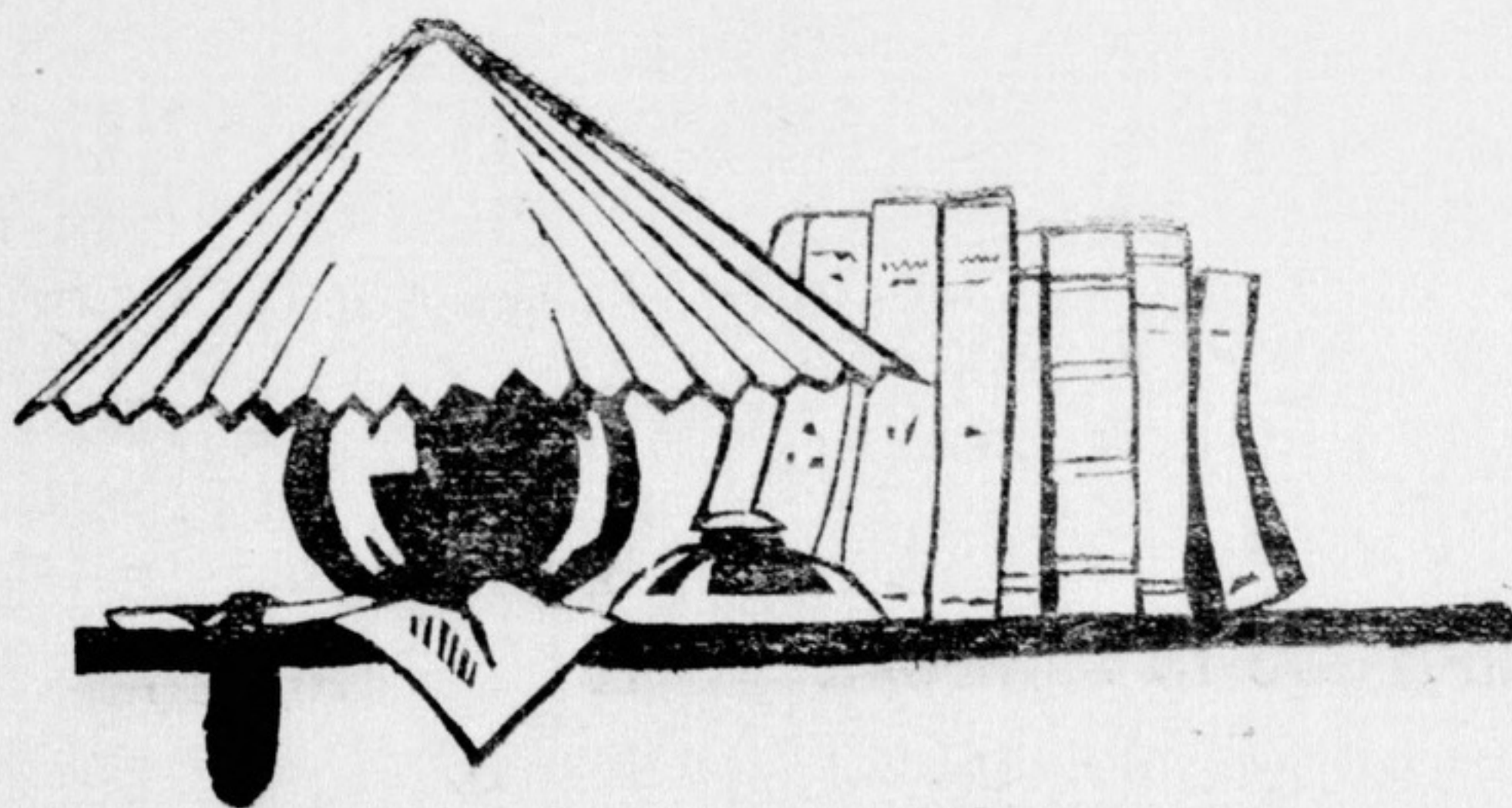
Có câu chuyện kỳ đến thế này :

Một bà quan bên Nhật, giòng thế-phiệt, người cực nhan-sắc, một hôm được tin chồng thăng chức trọng quyền cao, đã không lấy gì làm xướng mà lại mặt ủ mày chau. Có bà bạn thân đến mừng thấy vậy lấy làm lạ. Hỏi vì có gì thế. Bà chủ thở dài mà đáp rằng : Ông nhà tôi tất lại lấy thêm nhiều hầu nữa, lại nay ca lâu mai tiểu-quán luôn ».

Ta cứ xem câu chuyện này thì đủ là đàn ông Nhật cũng thường hay đàn đúm rượu chè hát xướng cũng hay mê kỹ nữ (tiếng Nhật gọi là *geishais*) tỷ tề đàn ngọc thất hay.

(Còn-nữa)

N.V.R.





Y TƯƠNG VỀ VIỆC GIẬY CON TRẺ

Thê-dục (Tiếp-theo)

Tập thể thao. — Xe-đạp hai bánh, ba bánh.

Trong số 37, chúng tôi đã nói trong bài thê-dục về mấy môn thao luyện như đánh gươm, múa nhảy, săn bắn; nay xin bàn về sự ích lợi xe đạp.

Người ta chế ra xe đạp đã từ lâu lắm. Tính ra đến nay kể đã vừa 115 năm. Đầu thế kỷ thứ 19 năm trước Drais đã chế ra thứ xe hai bánh bằng gỗ nhưng chưa đạp được, phải để chân xuống đất lê đi để cho nó lấy đà đi quãng một năm 1817 năm trước bán được nhiều lắm, người ta khi ấy đã cho làm tài lắm rồi. Đến năm 1850 có ông Fischer chế ra hai bàn đạp vào bánh trước, như thế đời ấy đã cho là tiến bộ lắm đấy. Đến năm 1868 mới có người Pháp tên là Michaux lập xưởng làm xe đạp là lần thứ nhất. Dần dần mới biết làm bánh sắt, sau mãi mới biết làm bằng thép.

Hiện ngày nay khắp hoàn cầu có dùng cả. Tưởng chả cần phải kể những điều tiện lợi, ích chung cho mọi người, nói đây làm gì, chắc các độc giả cũng thừa biết rồi. Cái máy nhẹ nhàng ấy thực là một đồ thể thao rất hay, rất ích lợi cho sức khỏe. Dùng nó đi đây đi đó nhanh chóng, được việc. Các công sở dùng nó cũng lợi lắm. Nhà binh cũng phải dùng, các quân đoàn nào cũng có một đội lính xe đạp để chạy các hiệu lệnh và để đi giao thám.

Giảng vệ sinh tất phải dặn nên đi xe đạp, nhưng tất nhiên là phải đi vừa vừa thôi chứ không được quá.

Có ba thứ xe đạp, tiếng pháp là « Vélocipède » Chữ Vélocipède gio ở tiếng latin *Vélos* nghĩa là nhanh và *pes* nghĩa là chân) Ba hạng xe ấy là *le bicycle* một bánh to một bánh nhỏ, *la bicyclette* hai bánh đều nhau, *le tricycle* ba bánh. Mấy chữ này gio tiếng Hy-Lạp *kuklos* nghĩa là vòng tròn, bánh xe.

Le bicycle, xe hai bánh, bánh trước to bánh sau nhỏ, cũng nhẹ, nhưng chỉ dùng đi đường phẳng được thôi, hơi vấp một tý thì đổ. Hiện nay dùng ít lắm. (vào khoảng độ 35, 36 năm nay tại Hanoi có thấy còn một hai cái),

La bicyclette xe hai bánh bằng nhau, mà ở giữa khoảng hai bánh thì thực cần cho nên được vững chãi hơn cái xe kia. Dùng xe này đi được xa lắm, Nếu đi thực chạp thì lại mệt mà nếu đứng gài thì phải xuống chứ không ngồi yên trên ấy được. **Le tricycle**, xe ba bánh xe này thì vững vàng lắm. Ai cũng đi được không cần phải tập tành gì, đi nhanh đi chậm cũng được cả, mà có đứng lại đều cứ ngồi trên ấy cũng được. Nhưng cũng có điều bất tiện là đạp nặng, không nhanh bằng xe trên mà lại mệt hơn.

Nói tóm lại thì đạp xe đạp được ích lợi như thế này :

Lợi cho hai cơ thể nhất trong người là hô hấp và hành huyết.

Nở nang các bắp thịt, nhất là chân và thêm khỏe chân ra.

Làm cho rẻo các khủy, tiêu bớt được mỡ béo cho người trẻ.

Phấn khởi được trí cả quyết và thêm vững tâm; Làm cho người nhớn trẻ con biết ngồi cho cân người.

Thực là một môn thao luyện khỏe người và bổ não.

Các lương-y thường những người thiếu máu, những người hay lo ốm mà âu sầu, những người anh ách khó tiêu (đi tiểu có chất đường nước tiểu đặc, đau bụng, đau gan, tự dưng sưng đốt xương).

Nhất là trai trẻ mà dùng xe đạp thì thích hợp lắm. Nếu biết dùng có chừng độ thì ích lợi trông thấy. Nhưng nếu tuổi càng cao bao nhiêu thì lại nên dùng càng ít đi bấy nhiêu.

Đây là kể nhiều điều ích lợi, còn những điều bất lợi là dùng quá độ. xe đi vào những đường hà ri hà rồ lóc sọc, yên không được ríp mềm, sóc nảy lên thì động đến khiếu giác thần kinh và động tim.

Người ta đã nghiệm chạy xe đạp thật lực có khi chết ngay vì quả tim đứng sững lại không chạy được máu nữa.

Lại nếu chạy xe đạp mà há mồm thở thì bị không khí lạnh thấu vào men răng thành ra sâu răng.

Đi nhanh quá bị sức không khí và gió ném mồi vào mu mắt thành ra sưng mắt

Nội các thể thao phổ quát thì cách nào cũng vậy, xe đạp cũng có thể làm cho gan ngưng trệ được. Nếu ra nhiều mồ hôi quá cũng có thể yếu và bị cảm hàn.

Nhưng nhà chuyên trị khoa vệ sinh có giấy về môn xe đạp rằng :

Không nên đi nhanh quá độ, chỉ từ 12 đến 20 cây-lô-mét một giờ thôi ;

Hi đường xa chớ đạp nhanh ,

Chớ để bị lạnh, mùa đông phải mặc cho ấm, mặc quần áo chật ;

Nên mặc áo rộng để cử động được phóng túng. chân cũng không nên để vương ;

Ngồi xe phải ngồi cho thẳng thắn ;

Khi xuống xe, nếu mồ hôi mồ kê nhễ nhại thì đừng có đứng hóng gió ;

Thở ra đằng mũi mà hít vào đằng mồm ;

Nên tắm nước ấm ấm luôn ;

Kết luận. — Dùng xe đạp vừa thú, vừa hợp vệ sinh vừa lành.

Đàn bà con gái nên dùng, nhưng không nên lạm quá độ. Những ngày nguyệt-tín hay là có bệnh đau gĩa-con thì nên kiêng đừng đi xe đạp.

...

Nghỉ-ngơi và nằm ngủ. — Khi tập thì tất xương thịt và gân cốt làm việc cả, xong rồi thì cần phải nghỉ, cho rần và cho bồi bổ lại.

Đại khái như thôi không tập nữa, hoặc đi làm việc khác cũng là nghỉ. Nhưng nghỉ như vậy chưa đủ là nghỉ hẳn được. Tất phải đi nằm ngủ mới thực là nghỉ ngơi.

Trong khi ngủ thì bao nhiêu tinh thần về trí não được yên tĩnh. Chỉ có các bộ phận về cơ thể trong người là vẫn làm việc (như là tiêu hóa, bồi bổ, vân vân....) mà lại chính trong lúc ngủ các bộ phận ấy lại làm nhiều. Cho nên ngủ tức là dưỡng sức lại đây.

Thì giờ cần ngủ thì tùy theo tuổi, theo tạng người đàn ông hay đàn bà, theo thói quen, theo nghề nghiệp, vân vân....

Như trẻ con mới sinh thì cần ngủ ngon luôn, mà người già thì ngủ ít.

Từ 5 đến 8 tuổi thì cần ngủ từ 8 giờ tối đến 7 giờ sáng, nghĩa là ngủ cả thảy 11 giờ ;

Từ 8 đến 12 tuổi, cần ngủ mười giờ ;

Từ 12 đến 15 tuổi, cần ngủ 9 giờ.

Thường thì người nhớn mà tạng khỏe thì không cần quá 6 cho đến tám giờ. Ngủ mà cho hợp lúc thì không gì bằng ngủ đêm. — thức khuya mới ngủ sáng giãy chưa thì hại lắm.

Ở xứ nóng, dĩa chưa nóng bức thì nằm đường, nằm võng, hoặc nằm ghế dài mà nghỉ một chút cũng được, người ta gọi ngủ chưa là thế. Nhưng nếu trong người mạnh khỏe thì cũng nên nghỉ lâu.

Trẻ con thì nên cho nó đi ngủ sớm không nên cho nó thức. Trước khi đi ngủ nên cho nó đi chơi, hoặc đùa với nhau độ một giờ đã. Thức giãy nên bảo nó xuống ngay để đi đánh răng rửa mặt ngủ mấy giờ thì phải giãy cho đúng, chớ nên để nó nằm mãi mà hại sức khỏe và tổn cả tinh thần.

Đến như thể thao, chúng tôi giám khuyên các nhà làm cha mẹ chớ để cho con cái ham mê quá độ. Chẳng cứ là thể thao, mà cái gì cũng vậy hề quá là hỏng. Tập quá sức, hay là học quá, hai cái cũng hại như nhau.

Lại xin có một điều nữa là các bà nên giảng cho trẻ biết các nỗi nguy hiểm ác hại của thuốc lá, đừng để cho trẻ tự do mà hút không có chừng độ nào. Các cậu trai trẻ hay hút nhiều quá.

Chúng tôi định đến kỳ sau sẽ bàn đến mục tri-dục và đức-dục.

Nói đến mục này lại nhớ những câu của nhà Triết-học *Montaigne* người Pháp làm trong quyển sách trừ danh của tiên-sinh nhan đề là « *Les Essais* » :

« Est un mauvais éducateur qui meuble la tête de science et n'enseigne pas la vertu, préfère une tête bien pleine à une tête bien faite. »

Mieux vaut former l'entendement et la conscience, que de remplir la mémoire.

Ai mà giãy trẻ chỉ nhồi cho đầy đầu những khoa-học chứ không giãy đức tính, coi cái óc nhồi đầy hơn là cái óc hoàn toàn, thì là ông thầy sấu.

Nên phải luyện cho được thấu nghĩa lý hiểu biết lương tâm hơn là giãy nhai nhai cho nhớ !

L. V. R.
(Còn nữa)

CON ĐƯỜNG THÀNH CÔNG CỦA BẠN THANH-NIÊN

Thanh-niên ra đời

Thanh niên ! Thanh niên ! Cái tuổi thanh niên là cái thời-đại hoàng-kim trong nhân thế. Lúc người ta còn trai trẻ là lúc quan-kien cả một đời người. Lúc ấy là muôn việc điều bắt đầu làm, là lúc mà người ta rất giàu cái tinh-thần tiến-thủ. Xem đó thời cái thời-đại thanh-niên há chẳng phải là một cái thời-kỳ rất nghiêm-trọng, rất quý-báu trong bước đường đời của con người ta đó ư ? Cái thời kỳ ấy đã quý báu nhường vậy, đã trang nghiêm nhường vậy, bọn thanh-niên trai trẻ chúng ta, phải nên biết đường lợi dụng lấy mà làm cho nên mọi sự - nghiệp ở đời, mới là biết đến lẽ phải. Nếu bằng cứ hồ-đồ chẳng có chủ trương gì gặp chẳng hay chớ không có lập chí gì, không biết chấn-tác tinh-thần, hăng hái mà dần bước lên, làm nên những sự nghiệp long giò lở đất, oanh-liệt ở đời ; đem cái thời-kỳ rất quý-báu ấy coi rẻ bỏ hoài ; như vậy thời ta nên tự hỏi lại ta rằng : quốc gia có cần chi đến lũ người giá áo túi cơm làm những « bộ máy nghiền phân » như chúng ta không ? Xã-hội có cần chi đến chúng ta làm một lũ giò họ ăn gửi nằm nhờ trong xã-hội không ? Vì thế cho nên bọn thanh niên ta phải nên suy nghĩ cho đến nơi đến chốn, biết rằng cái tiền-trình của chúng ta rất là xa lớn. Nhưng mà bước chân lên lối tiền-trình ta cất gót, đi con đường đá có bằng phẳng, dễ dàng, chẳng gặp sự gì ngăn trở đâu. Cái con đường ấy thật là mờ mờ, mịt mịt, gian hiểm gặp ghềnh, đen tối chông gai, lắm ma nhiều quỷ, hơi có một chút gì không cần thận thời liền sẩy bước sai chân, lảo đảo té ngã. Vì thế mà bọn ta phải sẵn bước trong thời-đại thanh-niên, trông thẳng trước mặt, hăng hái mà đi, chiến-thắng hoàn cảnh, mà đuổi quỷ ma, muôn nghìn chớ có tự đề mình vào địa-vị sang, quen cư-sử ở nơi sung-sướng làm việc thời đầu hùm đuôi rắn, chẳng có liên lạc cùng nhau. Ông Mạnh-tử nói rằng : « Giời sắp đem cái trách nhiệm lớn cho người nào, tất khiến cho khổ lòng nhọc chí, mệt sức, mỗi sương dãi nắng lả sác, trong mình thiếu-thốn ; làm việc gì cũng là bị rắc rối. Như thế là cho tính được

nhẫn, lòng được bền, thêm những điều mà mình chưa được giỏi » Tục ngữ : « chịu đựng được cái khổ, mới là người trên người ta. » Lấy đó mà xem, bọn ta có thể biết được rằng : bọn thanh-niên ta phải đi cho đến cái mục đích thành công nếu không chịu ăn kham ở khổ thời sao mà thành được công to.

Nay nhờ nhà nước Đại-Pháp lấy một tấm lòng khoan hồng đại độ mà bảo hộ cho nước Nam ta mở ra nhiều trường Tây-học, những mong riu dắt bọn thanh-niên nước ta lên cỏi thành-công. Vậy thời thanh-niên nước ta nên vững lòng tin cậy ở nước Đại-Pháp là ông thầy hướng-đạo, hết sức nghĩ lấy đường mở mang trí tuệ, tăng tiến nhân cách, quyết lòng cho tới cái mục-dịch thành-công. Vậy thời thanh-niên chúng ta lần phải khắc khổ chịu khó, mà sự k hắc khổ và chịu khó ấy không nên lúc nào là dừng, nhất-định lập một cái chí cần học cho khôn biết, học lấy những cái văn-minh của nước Pháp để mong đề-tỉnh nước mình, dắt đồng bào lên cỏi hạnh-phúc. Hết sức lập chí và chuyên-môn chú trọng về sự mở mang cái hạnh phúc riêng của mình cho lên bậc cao siêu. Trên con đường khoa học kinh-tế, thực nghiệp nước mình còn hèn kém; phong-tục còn nhiều điều hủ bại, xã hội còn chưa thoát khỏi thời đại bán khai. Thế mà thanh-niên chỉ chú-trọng có vào một sự thăng quan phát tài mà thôi. Vậy thời ai ai cũng tính đến việc thăng quan phát tài cả còn ai nghĩ đến những việc làm ruộng đi buôn, vun bón mầm khoa-học, gây dựng nền kinh-tế. Cái vinh dự của mọi người trong tứ-dân sĩ, nông, công thương, ai nấy hết bỏn-phận mở-mang trí tuệ, tăng tiến hạnh phúc cho đồng bào thời cũng được sung sướng sang trọng như sự thăng quan phát-tài vậy.

Dưới cái công khai-hóa của nước Đại-pháp đương thi-hành cho người nước mình đây, cứ như ý tôi thời hết thấy các bạn thanh-niên ta nên chú-

trọng vào sự làm cho nhân-quần được phát-đạt, quốc-dân được hạnh-phúc; hết thấy các bạn thanh-niên nên nghĩ cách khai-hóa cho đồng-bào, cải-lương xã-hội để làm cho công việc cải-lương hương-tục, chỉnh đốn dân-phong; sao cho sự-nghiệp bài-trừ hủ-tục, tăng tiến nhân-cách được có ngày nhờ vào nước Pháp mà thành-công mới là phải lẽ. Cái chí-nguyện lớn lao của thanh-niên ta làm thế nào cho được thành-công. Bọn ta đọc các lịch-sử xưa nay của Đông Tây Vạn-quốc, biết rằng những bậc thật có đại danh trong thế-giới không phải hết thấy là những người làm việc chính-trị. không phải là chỉ có các nhà chính-trị mới làm được nên công nghiệp có ích-lợi cho đời. Cũng có người rất có danh-dự ở trong trường chính-trị mà phải là người lạm dụng cái chính-quyền ở trong tay mình mà làm hại dân hại nước. Thế mà cũng có vô số người không có ăn thua gì trong phạm-vi chính-trị tiêu-dao ở ngoài cõi chính-trị mà làm các việc, Về khoa-học, kinh-tế, thực nghiệp cũng chiếm được một phần danh-dự lớn trong sử-sách..... Nay ta đã chịu cái ảnh-hưởng giáo-dục của Tây học..... cũng nên tán-thành những việc nghiên-cứu khoa-học, vận-động kinh-tế, chuyên-tâm thực-nghiệp, cho nên tôi mới nói tử-dân đều trọng cả. Nếu thanh-niên ta mà làm nên được một sự-nghiệp gì cho đến nơi đến chốn được thành-công thời cũng được hưởng danh-dự lớn. Vậy cho nên tôi muốn khuyên các bạn thanh-niên ta nên lập chí mà có cái quan-niệm về danh-sức, cùng khoa-học thời hợp thời hơn.

...

Thế nào gọi là sự-nghiệp lớn? Cứ ý tôi thời sự-nghiệp lớn không cứ ở cõi nào, hề làm việc gì mà từ đầu đến cuối, làm cho đến nơi đến chốn được nên công, ấy là một sự-nghiệp lớn. Ví như ông Pasteur bên nước Pháp ngay xưa, ông chuyên tâm nghiên-cứu xem xét những con vi-trùng lý-tý mà con mắt tầm-thường của mọi người không thể nhìn đến. Những con vi-trùng ấy cứ như người thường ta cho là vô dụng, giả thấy ai chuyên tâm làm những việc nghiên-cứu xem xét như thế đã cho là gàn, những con vi-trùng vô-dụng ấy để thời giờ xem xét mà làm gì? Thế mà ông Pasteur ông ấy không như bọn người mắt trịt chúng ta, ông ấy lấy con mắt thần-thánh một mình mình biết, một

mình mình hay, từ đầu đến cuối, nghiên cứu được cho ra, làm nên được một sự-kết-quả có hệ-trọng. Dem những thứ trùng ấy ra gọi là vi-sinh-vật (microbe). Xem những con vi-sinh-vật ấy mà biết chúng nó đối với các giống động-vật và thực-vật nó làm hại được rất to, phải cần tìm cách mà giết bỏ những con vi-sinh-vật ấy đi mới được. Từ đấy mà đi cả thế-giới dần-dần ai ai cũng biết đi tìm cách mà trừ diệt những giống vi-sinh-vật chúng ta quen gọi là vi-trùng ấy gì. Ví như ngày xưa không ai biết con tằm mắc bệnh cho nên vương tơ được ít, được lợi không mấy. Bây giờ người ta đã biết rằng tằm có bệnh, vì có bệnh mới vương được ít tơ xét đến nguyên nhân cái bệnh tằm ấy do một thứ vi-sinh-vật làm ra, người ta phải cần giết những con vi-sinh-vật ấy đi thời tằm mới khỏi được. Vậy mới biết cách chữa thuốc cho tằm, thời tằm vương tơ được nhiều ngay. Tiếc rằng người nước Nam ta, nuôi tằm rất nhiều, sao không biết cách chữa bệnh tằm tức là làm cho tiêu diệt những con vi-sinh-vật làm hại tằm để cho tằm vương được nhiều tơ, số thu-nhập tăng tiến. Sự biết đường chữa thuốc cho tằm ích lợi là như thế. Xem như thế có phải là nhờ ông Pasteur mà loài người ta biết được rằng cái giống vi-sinh-vật ở trong bầu giời gây nên tai họa cho động thực vật rất nhiều, không những nghiên cứu ra được cách chữa bệnh tằm, còn ra lắm cách có ích cho y-học. giới như giống đậu, chữa các thứ bệnh chẳng qua chỉ là tìm cách giết các giống vi-sinh-vật làm ốm người đi là khỏi. Có phải nhờ có ông Pasteur để lòng để trí, suốt đời theo đuổi vào có một sự tìm-kiếm vi trùng mà công hiến cho loài người một sự ích lợi lớn, làm ân nhân cho thế-giới, đến nay cả nhân loại tôn-sùng. Vậy chẳng phải như tôi đã nói, không cứ làm việc gì, hề cứ để lòng để trí làm một việc kỳ cho thấy kết quả rồi mới nghe. Đền khi kết quả là trở nên một bậc người đại-nhân-vật, có danh dự lớn ở trong đời. Đó chẳng qua trước là vì cái địa-vị gì có thể đem thân mình làm nên một cái sự-nghiệp có quan-hệ với quần-chúng. Hễ làm được một cái sự-nghiệp gì có ích cho đời thời sẽ trở nên một người rất hữu-dụng cho đời và trở nên một bậc người có danh-vọng, có phẩm giá có hương hoa sùng-bái, có lịch-sử làm người vậy.

HỒNG-LIỆU-HỌC-SĨ

CÁCH GIAO DỊCH VỀ TIỀN NONG

Giao ngân phiếu (*Du change: le chèque*)

Đồng tiền đối riêng với cá nhân là huyết-mạch, nói về toàn thể xã hội trong đời kinh-tế thì là cái môi-giới thiết-yếu của các nhà buôn.

Đời xưa, cái môi-giới thiết-yếu đó có thể là những hàng-hóa. Thí-dụ người làm ruộng đem gạo đổi lấy áo của thợ may. Người làm công đem mồ-hôi nước mắt đổi lấy ngày hai bữa cơm ăn và các đồ chi-dụng của vợ con ở nhà. Song le cái cách đó sinh ra lắm điều phiền-phức và tốn công vận-tải các hàng-hóa chỗ này để đem đổi lấy hàng-hóa nơi kia. Vì vậy người xưa phải nghĩ ra một thứ để làm môi-giới trong sự giao-dịch cho mọi điều được thiện-tiện và khỏi tốn công.

Thứ đó tức là đồng tiền vừa nhẹ nhàng và không cồng-kênh cho nên dễ đem đi đem lại. Từ khi đồng tiền thành cái môi-giới thiết-yếu trong việc thương giao, cách thông-dụng lan truyền khắp xứ.

Thoạt kỳ thủy tiền nong dùng trong sự giao-dịch chỉ là nén bạc hay thoi vàng chưa được thật là đồng tiền, đồng kẽm, đồng xu, đồng bạc như bây giờ.

Dần dần phong-hội ngày một mở mang, trong thương-giới nhất nhất điều gì cũng hoàn cải, thời những thoi vàng, nén bạc kia thường dễ dùng cho các thợ kim-hoàn đúc lại mà làm các đồ trang sức như nhẫn, vòng, hoa, hột, vân vân. Đến cái thời-kỳ ấy đồng kẽm, đồng xu, đồng hào, đồng bạc dần đứng vào địa-vị thiết yếu, nhưng xem ra cũng chưa được tiện-dụng và nhẹ nhàng.

Bởi thế cho nên người ta lại nghĩ làm ra các giấy bạc một trăm, 20 đồng, 5 đồng, một đồng. Lại cũng có hồi trong nước thấy lưu-hành những « giấy tiền » nhỏ nhỏ bằng giá 5 hào, 2 hào, 1 hào.

Kể từ thời-kỳ thứ nhất về thượng-cổ người xưa dùng hàng-hóa để giao-dịch với nhau; đến thời-kỳ thứ hai dùng thoi vàng nén bạc; lại tới thời kỳ thứ ba dùng các đồng hào, đồng xu; rồi nữa đến thời-kỳ thứ tư dùng các giấy bạc, giấy tiền. Thật đã thấy có điều cải cách khác nhau xa trong cách giao-dịch về tiền nong là nhường nào! Đến thời-kỳ thứ tư cũng tưởng là bậc thang tiến-bộ cuối cùng của cách giao-dịch về tiền-nong. Vì lấy một nghìn đồng bạc-giấy bằng mười cái giấy một trăm chẳng hạn mà đem đổi lấy một nghìn bạc hàng-hóa, cứ thử cân nhắc hai đẳng nặng nhẹ

thời hiện nhiên nghìn bạc đồ hàng nặng và khó mang hơn nghìn bạc giấy.

Ài ngờ đâu giấy bạc tuy vậy cũng chưa thật là tiện-dụng và nhẹ-nhàng. Các nhà kinh-tế học lại còn nghĩ ra một cách giao-dịch về tiền nong thiết-dụng và tiện lợi hơn trong việc thương giao to tát như mua bán đồ hàng từ năm mười vạn trở lên với khắp các nước trên hoàn-cầu.

Là cách dùng giao-ngân-phiếu (*Chèque*) của các nhà «băng» chế ra

Giao-ngân-phiếu là một mảnh giấy của nhà «banque» chế ra trông tựa như cái vé vào xem của các rạp hát.

Giao-ngân-phiếu có phần lớn hơn cái vé vào xem hát, cũng có hai mảnh, ở giữa có đường rãnh cưa, cũng đóng thành một tập vé vậy.

Hình thù cái giao-ngân-phiếu đại khái như thế. Nay ta nên biết qua cái nghĩa giao-ngân-phiếu là gì? Thứ giao-ngân-phiếu ấy cách dùng làm sao? Dùng nó có điều gì ngại không? Ích lợi của giao-ngân-phiếu thế nào? Những ai có thể dùng được?

Giao ngân-phiếu là gì? Giở luật ra thì giao-ngân-phiếu là một thứ mǎng-đa «mandat», như các «mǎng-đa» của nhà Bru-diện, nhưng mà lại là «mǎng đa» dùng riêng cho những người có tiền gửi Banque để đòi tiền của mình ở Banque ra. Lấy cái nghĩa thường dùng mà nói thì giao-ngân-phiếu là một mảnh giấy có giá-trị của người có tiền gửi Banque viết cho nhà Banque ấy để lấy ít tiền ra trả cho một người khác. Dựa vào nghĩa thứ nhất mà nói thì người khác có giao-ngân-phiếu cầm ra Banque lĩnh bạc tức cũng như người có «mandat» ra nhà giấy thép lĩnh tiền. Cũng có khi người có tiền gửi Banque làm giao-ngân-phiếu cho mình ra Banque lĩnh bạc. Như vậy trong phiếu chỉ phải thay đổi một vài chữ thôi.

Có mấy thứ giao-ngân-phiếu? Trước khi ta muốn rõ giao-ngân-phiếu có những thứ gì, ta hãy nên biết nhà Banque chế ra giao-ngân-phiếu để cho ai? Phàm ai có tiền gửi Banque trừ các biên lai của Banque không kể, còn có thể xin một tập giao-ngân-phiếu đóng thành hình một tập vé, Mảnh trong đường kẻ rãnh cưa thì dính liền với tập phiếu dùng để ghi những số tiền lấy ở Banque rạ vào

ngày nào? Lấy đề giả ai? Mảnh ngoài đề biên giả cho ai? Bao nhiêu tiền. Biên xong sẽ đưa cho người mình giả tiền đem ra Banque lĩnh.

Ở mảnh ngoài đó, nhà Banque bắt buộc người có tiền gửi phải biên rõ toàn tiền bằng chữ cái ngày làm phiếu và bằng số món tiền bao nhiêu ở trên góc bên tay phải. Bản dưới phải dùng đại khái những mẫu như sau này: Xin giao giả ông X... món tiền 200 đồng.

Nếu không đề rõ người lĩnh thì đề giả cho người cầm giấy này 200 đồng lại còn có khi người ta dùng cái mẫu sau này nữa cho tiện việc người được lĩnh giao-ngân-phiếu muốn gán cho ai thì gán.

Giả cho ông X hay là giả cho ai tùy lệnh ông X định liệu 200 đồng

Nếu ông X... muốn gán cho ông Y chỉ phải biên ra đằng mặt trái cái giao-ngân-phiếu mẫu sau này:

Giả cho ông Y hay là ai tùy lệnh ông ấy món tiền hai trăm đồng. Khi biên phải nhớ chữ à l'ordre de, nghĩa là cho ai tùy lệnh của ông Y... đề nhớ khi ông Y... có nợ của ông khác nữa là Z chẳng hạn một món tiền cũng 200 đồng thời ông Y lại theo cái mẫu ông Y... làm trước mình mà biên giả cho ông Z cũng thế. Như vậy cái giao ngân-phiếu có thể chuyển vắn đi mãi mãi.

Đó cách giao-ngân-phiếu tiện dụng như thế đấy.

Có hai thứ giao-ngân-phiếu, một là phiếu giả trong 5 ngày, nghĩa là những phiếu của người trong tỉnh có nhà Banque giả lẫn cho nhau kể từ khi làm phiếu đến khi đem ra Banque lĩnh, chỉ hạn trong 5 ngày.

Thứ phiếu này phải dán tem ít thôi. Hai là phiếu giả trong tám hôm kể từ ngày làm phiếu. Nhưng phiếu ấy đã gấp đôi tiền tem vì là những phiếu của người tỉnh khác.

Cách dùng giao-ngân-phiếu làm sao? Trên kia đã nói các mẫu của người có tiền gửi Banque giả tiền người khác bằng giao ngân-phiếu phải viết thế nào? Viết ở mảnh ngoài các phiếu đó cũng chưa đủ, phải ghi vào mảnh bên trong y-thức số tiền đề phòng nhớ về sau. Đoạn lại phải biên vào một quyển sổ tay kế-toán (carnet de compte) những số tiền đó cho rõ ràng và tên người được phiếu lĩnh cùng ngày tháng cho cẩn thận. Quyển carnet de compte đó nhà Banque phải cho mình cùng với tập giao-ngân-phiếu (carnet de chèques) để tiện tra cứu và kiểm soát ngày nào giả cho ai?

bao nhiêu tiền? Trong Banque của mình còn bao nhiêu tiền gửi.

Đến khi các giao-ngân-phiếu đã làm cẩn thận là trao tay cho người đi lĩnh cái trách-nhiệm mất hay còn, thừa hay thiếu, ở người sau cùng cầm phiếu ra « kết » nhà Banque phải chịu. Giản hoặc người có phiếu đi lĩnh, không ra đúng hẹn 5 hay 8 ngày, giản hoặc người có phiếu để cho kẻ khác lĩnh mất số tiền biên trong phiếu hay là đánh rơi mất mà không trình cho nhà Banque biết ngay, không có thì phải nhờ thầy kiện báo hộ....

Lúc nhận tiền phải biên đằng sau cái giao-ngân-phiếu chữ: « Pour Acquit » nghĩa là « đã giả, nhận đủ số rồi » xong biên ngày tháng rồi ký tên và đề chỗ ở.

Dùng giao-ngân-phiếu có ngại gì không? Người có tiền gửi Banque muốn lấy quyền giao-ngân-phiếu kẻ không có gì đáng ngại cả. Chỉ sợ quyền phiếu mình để sống ra mà có kẻ mạo được chữ tên ký của mình sẽ viết ra Banque lĩnh. Nhưng đó là sự hiểm có lắm, vì tự dạng mỗi người có một cái đặc tính riêng. Có đều ngại rằng: Trong giao-ngân-phiếu không đề rõ tên ai ai thời có kẻ gian cầm ra Banque lĩnh « chẳng » được.

Nếu ngại thế thì ta đừng dùng cái mẫu giả cho người cầm giấy này) mẫu đó không được chắc chắn bằng các mẫu kia.

Ích lợi của giao-ngân-phiếu. Tiền ta gửi Banque còn chắc hơn để nhà mà lại được lãi nữa. Vả chẳng nhờ có tập giao ngân phiếu ta muốn giả tiền ai và giả lúc nào cũng tiện.

Nhưng ai có thể dùng được cách giao dịch về tiền nong bằng giao-ngân-phiếu. Bất cứ ai. Hễ có tiền gửi Banque là có phép xin một tập giao ngân phiếu độ mười mười lăm tờ.

Các nhà buôn ở nước ta phàm ai đã là người có máu mặt, phàm ai đã từng giao thiệp với nhiều các nơi đều nên dùng cách giao dịch tiền nong bằng giao-ngân-phiếu. Không dùng quen cũng bỏ ngỡ lúc đầu, nhưng sau thạo rồi khi làm giao-ngân-phiếu không khác chi móc ví lấy tiền đem giả ai..

Bài bàn sơ lược này chủ đích để bà con trong thương giới biết qua cái chèque (giao ngân-phiếu) là thế nào, cách dùng nó ra làm sao? chưa dám tự cho rằng đã nói hết ý tứ.

Dám mong các nhà buôn ta nên tập quen cách giao thiệp với nhà Banque. Hễ được trực tiếp luôn, thì bất cứ điều gì dần dần là cũng thành quen, khó rồi hóa dễ.

T



Rạo qua làng khoa học

Người biết bay

Nhưng nói cho đích đáng, thì trước đây ít lâu tuy nhiên gọi là máy bay nhưng kỳ thực là cứ chệt xuống đất chứ đã có cái nào tự đứng mà bỗng lên được đâu. Tại sao mà nó cứ chệt xuống đất thế? Các bà già cũng hiểu được ngay: chỉ vì khi ấy chỉ biết có hai thứ máy, một thứ tất phải dùng hơi nước, một thứ dùng điện-khí, cơ quan máy phải nặng, máy hơi thì phải có nồi súp-re máy điện thì phải có ắc-qui, cho nên không tự lực mà bỗng lên được.

Mãi đến năm 1896 (năm bình thân) kể đến nay, mới 34 năm, có người Hoa-ý tên là Lãng - Lê (M. Langley) thả được một chiếc máy bay trên sông Bô-tô-mắc (fleuve Potomac) thì bay bỗng lên cao được 25 thước, lượn được một vòng 900 thước sức nhanh một giây đồng hồ là 10 thước. Cái máy ấy nặng cả thảy có 11 cân, thà thử không có người ngồi trên ấy được.

Đến sau mới chế ra được máy nổ hơi (moteurs à explosions) nhẹ hơn những cái kia, tự thử việc tàu bay (l'aéronautique) (1) mới tiến bộ được. Nhờ thế mà Săng-lốt-Duy-Mông (Santos Dumont) mới bước được bước đầu trong trang hành không. Vì sự cả gan làm được nên nhiều người bắt trước. Hôm 30 Mai 1907 (20 tháng tư năm Đinh mùi Thanh-Thái 19) ông Đơ-la-gơ-răng-dơ (M. Delagrangé) làm một cái máy theo như kiểu Săng-lốt-Duy-Mông mà bay được 60 thước. Ngày 26 juillet năm ấy (17 tháng sáu ta).

Ông Bờ-lê-ri-ô (M. Blériot) làm một cái máy đặt tên là con chuồn chuồn (La Libellule) bay được 120 thước.

Đến năm 1908 (cuối năm Đinh-mùi, Duy Tân nguyên niên) mới thực gọi là có kết quả. Bữa 13 janvier năm ấy (mồng 10 tháng chạp năm Đinh mùi) ông Ăng-Ri-Pha-Măng (Henri Farman) bay vòng quanh được một ki lô mét chiếm được giải quán quân về nghề bay được 5 vạn quan

bay ngay trên bãi bờ tập (Jussy-les-moulineaux) gần thành Ba-lê. Ngày 11 Avril (11 tháng ba năm Mậu thân) ông Đơ-la-gơ-răng-dơ giữ giải vô địch thế giới bay trên không được 19 phút đồng hồ.

Sau rồi đến anh em ông Wright mang máy bay sang Pháp mà nói rằng đã lấy được ở bên Hoa-kỳ từ năm 1903 (năm quĩ mao) Điều ấy quả thực thế chẳng? Hôm 16 Septembre năm ấy (25 tháng 7 năm Quĩ-mao) anh em nhà ấy bay trong 39 phút được 40 ky-lô-mét, thế là một phút được gần một cây một tỷ, đến ngày 30 Septembre là 14 hôm sau thì được hội hành-không (l'aéro-club) bên Pháp tặng giải thưởng vì đã bay được 48 cây trong một giờ 7 phút 24 giây.

Đấy mới từ bước đầu của Săng-lốt-Duy-Mông đến đấy mà đã tiến bộ biết là nhường nào.

Từ đấy mà đi thì việc hàng không lại tiến hóa nhanh chóng lạ thường. Nếu kể đủ từng chinh độ ra đây thì lắm lắm, vậy chúng tôi chỉ gộp những tin có giá trị nhất liệt kê ra đây từng ngày để độc giả được biết chừng đại khái đây mà thôi.

Ngày 30 Octobre 1908 (mồng 6 tháng 10 năm Mậu-Thân) Ăng - Ri-Pha - Măng, đi đường hành-không lần thứ nhất từ bãi bay Sa-Lông (Chalons) sang Rem (Reims).

Hôm 31 Octobre 1908 (7 tháng mười năm Duy-Tân thứ hai) ông Bờ-lê-rơ-ô bay từ Toury đến Artenay nhanh được 85 cây một giờ.

25 Juillet 1909 (9 tháng sáu năm kỷ-dậu, Duy-Tân thứ ba) Bờ-lê-ri-ô bay một mạch qua bể Măng (Manche) từ Sangatte đến Douvre 48 cây lô-mét trong 38 phút. Nước Anh lấy cuộc ấy làm hoan nghênh lắm.

Ăoút 1909 (tháng bảy năm kỷ-dậu, Duy-Tân thứ ba) trong khi đại hội ở Champagne, ông La-tham (Latham) cưỡi cái máy một cánh đặt tên là Antoinette bay 155 ky-lô-mét trong 2 giờ 20 phút.

1er Septembre 1910 (28 tháng bảy năm Canh-tuất) Bi-ê-lô-vuy-sích (Biélovucie) người ở Nam-Mỹ bay được lâu lần thứ nhất từ Ba-Lê đến Bọc-đô, hơn 500 cây mà chỉ nghỉ có hai chỗ O-lê-ăng (Orléans) và Sa-ten-lơ-rô (Chatellerault).

31 Octobre 1910 (29 tháng chín năm Canh-tuất) ông Ôt-Ca-Banh-Đe (Oscar Binder) bay từ Bô (Pau) sang Ma-đích (Madrid) kinh thành Y-pha-nho, mà phải vượt qua dãy núi Bi-rê-nê (Pyrénées) cao đến 1640 thước.

1912 (năm Nhâm-tý) lại một nhà Phi-công người Nam-Mỹ tên là Sa-vê (Chavez) bay qua dãy núi hoành-sơn (des Alpes) là dãy núi cao lắm, nhưng bất hạnh khi đổ xuống thì bị thiệt mạng. Sau rồi lại đến phi-công Bi-ê-lô-vuy-sích (đã nói ở trên) ngày 25 Janvier 1913 (19 tháng chạp năm Nhâm-tý) bay qua dãy núi ấy, vượt được ngọn núi Sem-bơ-lông (Simplon) cao đến 2500 thước, mà bay cả thảy có 26 phút lại đổ xuống.

Janvier 1913 (tháng chạp năm Nhâm-tý) phi-công Bờ-ranh-đờ-rông (Brindejone) bay từ Ba-Lê đến Va-sô-vi là kinh thành Bồ-lan-Nhã, cả thảy 1360 ky-lo-mét mà phải nghỉ có hai độ ở Vét-pha-ly và Bá-linh (nước Phổ), khi máy bay nghỉ đỗ ở đấy, công chúng lố lăm ngạc nhiên lắm. Lấy trung bình tính thì mỗi giờ bay được 170 ky-lô-mét; có lúc bay nhanh tới 215 ky-lô-mét.

Septembre 1913 (tháng chín năm Quý-Sửu) phi-công Ga-rốt (Garros) bay qua địa-trung-hải, từ tỉnh Sanh-Ra-pha-en (Saint Raphaël) đến tỉnh Bi-đec (Bizerte) là hải-cảng Tuy-Ni (Tunisie) ở đấy có xưởng đúc súng lớn cho thủy quân Pháp. Bay thẳng một mạch được 800 ky-lô-mét, tất cả hết 8 giờ 23 phút.

Octobre 1913 (tháng chín năm Quý sửu) phi-công Đãng-cua (Dancourt) định bay từ Ba-Lê đến Lơ-Ke (Paris-Le Caire) cả thảy 6000 ky-lô-mét. Trên máy bay lại có một người ngồi là M. Roux, ngày 31 Octobre mồng 3 (tháng mười năm Quý-sửu) ở Jssy-lez-moulineaux khởi hành, 2 novembre (mồng 5 tháng mười) đến kinh thành nước Áo, hôm sau đến kinh-thành Thổ. Nhưng khi đương bay qua dãy núi Taurus thì bị bão phải hạ xuống, bất hạnh máy bay bị cháy. Dầu rằng không bay được

được nữa, nhưng chuyến ấy cũng là một chuyến bay đáng khen lắm.

Ngày 8 mars 1919 (mồng bốn tháng 2 năm Kỷ-mùi) có hội khánh thành đường hành không mang thư tín từ Pháp sang Ma-rốc. Bay từ tỉnh Toulouse đến Casabranca cả thảy 1900 ky-lô-mét mà đổ xuống ba nơi, mất có 11 giờ 45 phút thể mà trước mang thư bằng tàu hỏa hay tàu thủy thì mất chín mươi hôm.

Juin 1919 (tháng năm năm Kỷ-mùi)

Phi-công người anh tên là W. Alcock bay qua hai-tây-dương, từ tỉnh Terre Neuve đến Clifden cả thảy 3000 ky-lô-mét mà hết có 16 giờ 12 phút.

11 Août 1919 (mồng 7 tháng 7 năm Kỷ-mùi).

Quan hai tàu bay người Pháp tên là Boussoutrot cưỡi máy bay đi từ tỉnh Villacoublay gần thành Ba-Lê để sang Sénégal (Tây đen). Bay 17 giờ đã đến Casabranca (Maroc). ở đấy đến hôm 15 thì lại bay đi. Nhưng chẳng may bị một cánh quạt gió gãy nên phải đổ xuống một cái bãi biển nhỏ hẹp, rồi nước thủy chiều chồi cả máy lẫn người ra biển. Rồi sau người ta tìm thấy cứu được mạng về, cưỡi lạc đà mà đến thành Saint-Louis ở Sénégal.

12 Novembre- 10 Décembre 1919 (từ mồng 7 tháng 10 đến mồng 5 tháng 11 năm Kỷ-mùi) phi-công Ross-Smith người Anh bay từ kinh thành Anh đến Hải cảng Đặc-vinh (Úc-đại-lợi) cả thảy 16500 ky-lô-mét, nghỉ làm 23 độ, mất 140 giờ, tính ra mỗi giờ bay trung bình là 120 ky-lô-mét.

14 Février-19 juin 1920 (từ mồng 8 tháng giêng đến 13 tháng sáu năm Canh-thân) hai phi-công người nước Ý bay từ La-mã (kinh thành Ý) đến Đông-kinh (kinh thành Nhật) cả thảy 17000 ky-lô-mét mất 107 ngày. Cuộc bay này do chính-phủ Ý tổ chức, chi phí hết 16 triệu quan.

9 Février 1921 (2 tháng riêng năm Tân-dậu) phi-công Farman (xem trên đã nói đến phi-công đã từng được giải năm 1908 bay vòng được 1 ky-lô-mét) bay từ kinh thành Pháp sang kinh thành Anh trong máy bay chở 12 hành khách và 120 cân hành lý, tiết giờ rét đến 35 độ dưới zéro, trong phòng khách phải có lò sưởi bằng điện khí.

VỆ - SINH CHỖN HƯƠNG - THÔN

Ngày nay ai ai cũng đã rõ rằng phải có vệ-sinh thì người mới mạnh khỏe, mới chánh khỏi được những bệnh nguy hiểm.

Tuy vậy nhưng vẫn thường thấy nói rằng : « Những người phong-lưu, người tỉnh thành có theo được vệ-sinh chẳng, chứ còn ở nơi quê mùa, ăn bữa tối lo bữa sáng làm gì có tiền, đâu « tát mặt tối còn đâu là thì giờ, còn lúc nào nghĩ đến vệ-sinh nữa. Vệ-sinh mà lúc chết chẳng chết à ? Càng những người vệ-sinh lắm, ăn « trắng mặc chơn lên xe xuống ngựa lại càng lắm « bệnh, hơi một tý thì rức đầu sổ mũi, cảm hàn, « cảm thử, đau ngực, ho, lao, vân vân... mà « càng những người nhà quê, chân lấm tay bùn, « bẩn bẩn thỉu thỉu, chẳng biết vệ-sinh là cái gì « thì lại càng khỏe khoắn. »

Câu nói ấy cũng có hơi thực một chút. Thực là thực thế này : sở dĩ người nhà quê được mạnh khỏe là vì, nhất là : được ở rộng rãi thoáng khí ; nhị là được làm lụng nhiều, thân thể cử động luôn, giảm xương giải năng đã quen, nên sức vóc được mạnh mẽ. Còn người ở tỉnh thành là nơi đô hội, ở chen chúc chật hẹp (thường có nhà năm sáu chủ ở chung) phố xá chợ búa lúc nào cũng nghìn nghịt những người làm thợ làm thuyền các nhà các xưởng, làm công các sở các tòa, thuần là những chỗ đông người cả, thành ra bỏ hấp tinh những không khí chẳng lành, mà lại phần nhiều là không biết giữ mình, chơi bời quá độ, hết hát xướng lại bài bạc, cho nên hay đau yếu, hay mắc bệnh lao là thế. Tuy có ăn mặc chải chuốt cũng không đủ là vệ-sinh được.

Còn như nói rằng phải phong lưu có tiền mới vệ-sinh được thì thực là nhầm.

Chớ có tưởng rằng phải sà-phòng nước-hoa, phải phấn, phải sáp mới là vệ-sinh đâu. (Hãy cứ xem như mấy ả làng chơi giở về già, môi thì đồi mồi loang chỗ đen chỗ trắng, ấy là tại lúc trẻ đánh sáp son lắm ; gia thì đốm tàn hương sạm sì sạm sít như chì, ấy là tại đánh phấn lắm. — Người ta nói rằng trong thứ phấn tàu có chì có lẽ cũng phải thực).

Nay xin nói qua cách vệ-sinh chốn hương thôn nên dùng những thứ mà cổ nhân vẫn thường dùng, không tốn thêm tiền mà nhà nào nhà ấy cũng sẵn cả.

Hãy xin kể những cái nên dùng hàng ngày, như là lấy muối rửa mặt ; lấy bồ hòn, bồ kết, quả găng rất quần rất áo.

Muối là một thứ rất quý mà rất rẻ tiền. Không những là trong đồ ăn không có muối không được, mà lại còn dùng được không biết bao nhiêu là việc rất ích nữa. Chữa bệnh người và chữa cho loài vật cũng dùng đến luôn.

Cách dùng để rửa mặt : Đun độ vài gáo nước cho sôi, pha vào độ nửa xu muối, chắt cạn gạn lấy nước chong đổ vào chai sạch sẽ để cho sáng sáng rửa mặt thì sẵn có mà dùng khỏi phải mỗi chốc mỗi pha. Một chai thì dùng được đến mười lăm ngày.

Sáng ngày thức giấc khi đi rửa mặt thì trước hết hãy rửa tay cho thực sạch, rót nước muối vào trong lòng bàn tay mà vạ lên mắt, chớp cho nước muối vào mắt rồi cúi mắt xuống chậu vục cho nhiều nước lã lên rửa ủa đi. Như thế thì sạch rửa mắt, thêm sáng ra mà lại đỡ đau mắt nữa. Nước muối rửa mắt lại sạch cả bồ hôi hết cả các chất nhờn nhờn ở mắt. Nước muối dùng súc miệng rửa răng lại càng hay lắm, vừa khỏi hơi mồm vừa khỏi sâu răng nữa.

Sáng nào cũng rửa mặt thì đỡ đau mắt, không bao giờ toét. (Nếu ai cũng làm như thế thì có lẽ trong xứ đỡ bệnh đau mắt, tất nhiên là ít người toét ; hiện nay thường có làng toét cả làng

Rất quần áo bằng quả bồ hòn, quả găng hay quả bồ kết cũng sạch lắm. Nhưng đồ trắng thì không nên rửa bằng bồ kết vì nó vàng ra, chỉ nên rửa đồ thâm và đồ nâu thôi. Rửa bằng bồ kết thì cũng ngâm hay là nấu lấy nước như nước gội đầu vậy.

Rửa đồ trắng bằng bồ hòn bằng găng thì nên làm thế này : Ngâm quần áo lã với quả bồ hòn cho mềm bồ hòn ra đã (vì bồ hòn thì người ta vẫn bán khô) còn quả găng thì dùng tươi. Bồ đôi quả ra sát khắp vào quần áo, rồi lại ngâm một đêm. Sáng mai đem ra vò rồi rũ đi bằng nước sạch khác cho hết nước ngâm hôm trước. Xong rồi lại lấy những nửa quả bồ hòn ấy hay là găng, sát lại một lần nữa rồi mới vò, vò cho ra bọt sà-phòng. Xong rồi rũ cho nhiều nước, vắt ráo rồi phơi lên.

MỘT CHỨNG BỆNH GHÊ GỚM

Bệnh lao

Sách thuốc ta có nói đến bốn thứ bệnh không thuốc nào chữa được, trong bốn thứ bệnh ấy bệnh lao đứng vào bậc nhì. Người mắc phải bệnh lao thì chỉ thấy hơi ho, sau sốt âm, ít ăn, ít ngủ, thân thể gầy mòn rồi cứ dần dần kiệt sức như ngọn đèn hết dầu mà tắt. Người nào mắc phải bệnh lao, thì mười phần chắc đã chết đến năm sáu phần, thuốc ta từ xưa đến nay, kể cũng nhiều phương mà đến bệnh ấy các thầy thuốc vẫn cho là khó chữa.

Theo y-học Thái-tây, bệnh lao do một thứ vi trùng gọi là « bacille de Kock » thường ở không trung. Người ta hô hấp không khí con vi-trùng ấy có khi vào cuống phổi, nếu phải người phổi yếu thì sẽ sinh sản ra mà ăn hại buồng phổi cho đến khi bệnh nhân phải vì thế mà thiệt mạng. Các nhà khoa-học đã hết sức nghĩ cách trừ con trùng ấy, mà vẫn không công hiệu gì. Gần đây ở Pháp mới có hai Bác-sĩ là Calmette và Guérin để tâm nghiên-cứu mãi mới tìm thấy một thứ thuốc trừ lao mà ngày nay các nhà thương hay dùng để cho trẻ con khi mới đẻ uống.

Sự tìm tòi ấy không phải một ngày mà ra được, tưởng cũng nên nhắc qua ra đây cái công lao của các nhà khoa-học đã vì nhân loại mà cực cung tận tụy.

Thoạt đầu tiên, các Bác-sĩ nghĩ cách lấy trùng lao của người mà dùng như cách trứng đậu, nhưng con trùng ấy sức khỏe quá không thể nào hạn chế cách sinh hoạt của nó được. Một nhà Bác-sĩ nước Đức là Friecknian nhân các cách tìm tòi trên đây, nghĩ ra cách lấy trùng lao ở con rùa (Bacille Tuberculeux de la Tortue) nhưng không công-hiệu gì là vì con rùa thuộc loài máu lạnh đem dùng vào người tính chất khác nhau không được. Bác-sĩ Calmette và Guérin thì không tìm trùng ở con rùa nghĩ ra cách tìm vi-trùng bệnh lao con chuột là loài máu nóng. Về cách này thì hai Bác-sĩ nghiên-cứu thật đã có công. Ròng rã trong hai-mươi-năm giờ lấy trùng ở loài chuột ra

lại sợ trùng ấy còn mạnh có thể hại đến cơ quan mới dùng khoa-học mà hạn chế cái sức của nó; mãi ngoài hai mươi năm kinh nghiệm mới dám tuyên bố rằng tìm ra thứ thuốc vi-trùng lao loài chuột để tiêm trừ bệnh lao (Bacille avirulent des souris) nhưng tìm thấy mà không thể đem tiêm như cách trứng đậu được lại nghĩ ra cách cho trẻ con khi mới đẻ uống để giữ bệnh lao. Ngày nay ở các bệnh viện, khi trẻ con sinh được hai hôm là cho uống thuốc trừ bệnh lao gọi là Vaccin B. C. G. (nghĩa là thuốc trừ lao của hai bác-sĩ Calmette và Guérin) trong mười hôm lấy nhẽ rằng đứa bé mới sơ sinh lực quá ngũ tạng còn dễ thấm thuốc, và dùng như vậy trong năm năm giờ đứa bé có thể tránh được trùng lao, ngoài năm năm ra thì cái sức của các cơ quan đứa trẻ đã đủ để chống lại với bệnh ghê gớm ấy. Khoa ngoan thay sự phát-minh của khoa học! Hiện nay nước Pháp công nhận rằng phương thuốc ấy có kết quả mỹ mãn. Trong lúc ai ai cũng đều công nhận thuốc tiêm trừ bệnh lao thì vừa rồi ở nước Đức có một việc xảy ra làm cho náo-dộng cả trong làng khoa-học.

Tỉnh Lubeck nước Đức có một nhà thương trẻ con, Quan thầy thuốc nhà thương ấy thấy thuốc chữa bệnh lao Calmette, Guérin có nhiều kết quả hay, phải người sang Pháp mua về dùng không ngờ khi đem ra cho ngót trăm đứa trẻ uống thì có đến năm mươi đứa thiệt mạng. Tin ấy truyền ra tỉnh thành, người Đức đã nhao nhao lên rằng người Pháp có ý hại dân Đức các báo đã bắt đầu công kích bai nhà Bác-sĩ tìm ra phương thuốc ấy. Hội vạn-quốc mới đặt phải một hội đồng Bác-sĩ xét cho ra việc ấy. Sau khi đã xem xét kỹ lưỡng, thì hội đồng mới rõ là nguyên nhân sự dữ do ấy tại một viên khản hộ; viên này nhân khi vô ý đánh mất mấy ống thuốc trừ lao Calmette-Guérin mua ở Pháp, sợ quan trên trách phạt, ra ngay phòng thí nghiệm tỉnh Lubeck mua những ống thuốc giống trùng lao của loài người, đem về

thế vào, đến khi đem cho uống, vì những thuốc này mạnh quá, nên mới sinh ra như vậy. Quan tỉnh trưởng sau khi đã tường tở biên bản của ban hội đồng Bác - sĩ lập tức nã bắt những người đã can vào vụ ấy hạ ngục để chờ ngày xét xử. Vì việc ấy xảy ra làm náo động cả các nước cho nên cái danh tiếng của hai nhà khoa

học kia thêm vẻ vang và lừng lẫy trên hoàn cầu.

Xem thế thì khoa học kể cũng cần cho sự sinh tồn của loài người, Nước ta xưa nay việc học chỉ chú trọng về văn chương cho nên khoa học không mấy người để ý đến, vậy bạn thiếu niên tân-tiến đối với khoa học nghĩ sao.

TIÊN ĐÀM

LIỀN ÔNG CÓ NÊN LẤY NHIỀU VỢ KHÔNG?

Liên ông có nên lấy nhiều vợ không? Nếu ta đem hỏi các Bà, thì không kể những Bà chỉ biết găm lên như sư tử, chắc nhiều Bà viện câu:

« Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai! »
Mà bảo rằng không nên. Còn nếu ta đem hỏi các ông, thì trừ ra mấy ông đạo đức bề ngoài xua tay nhả mặt, còn phần nhiều chắc cũng viện câu:

« Giai anh hùng năm thê bảy thiếp »
mà bảo rằng nên.

Như thế thì một bên bảo nên, một bên bảo chẳng nên chẳng lấy gì làm tiêu chuẩn. Ta bảo phải, họ bảo trái, phải trái lấy gì mà định đoạt. Tây triết đã có câu, « Vérité en deça, fausseté au delà », nghĩa là đứng bên này thì là phải, đứng bên kia thì là trái vậy thì cho rằng nêa cũng phải chỉ tùy cái địa vị của mình mà thôi.

Phàm ở đời, không có một cái chế độ gì là được hoàn toàn, tận thiện tận mỹ. Lấy nhiều vợ cũng là một cái chế độ như những chế độ khác. Nó có nhiều cái hay, mà cũng có nhiều cái dở, chứ không phải toàn là hay cả, để các ông cố cãi lấy nên, cũng không phải toàn là dở cả, để các Bà nhất phải bảo không nên.

Cho được so sánh nên chẳng, câu nhắc phải trái, trước hết ta phải xét đến nơi những cái hay cùng những cái dở của nó, những cái lợi cùng những cái hại của nó, rồi xem mới có thể mong tránh được những sự nhầm đường lạc lối, khiến thành gì hậu họa về sau.

A. — Những cái dở, cái hại của chế độ lấy nhiều vợ. — Loài người vốn là một giống ích

kỷ. Một việc gì mà thiệt người lợi mình, thì dù thiệt nhiều mà lợi ít cũng có người dám làm: một việc gì mà lợi người thiệt mình thì dù lợi nhiều mà thiệt ít, cũng ít người chịu làm. Thế nên cái gì mình quý thì ít ai chịu nhường cho người khác; cái gì mình thích thì ít ai chịu chia cùng người khác. Đồ vật còn thế, huống hồ vợ chồng.

Lòng riêng, riêng những kính yêu,
Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.

Tâm lý liên bà phần nhiều như thế, nên mới sinh ra ghen, vậy thì cái ghen vốn vốn là một điều chính đáng.

Song từ cái ghen cho đến ghét đường lối cũng không sa là bao. Vả lại liên bà phần nhiều là người hẹp lượng ít giáo dục thì cái lòng sẵn ghen ghét kia, sẽ khiến cho trong gia đình sinh ra biết bao nhiêu là sự chẳng may mà cái chẳng may nhỏ nhất trong các sự chẳng may kia, sẽ là sự tiêu diệt cái gia đình lạc thú. Các vợ đã ghen ghét nhau, thì những con khác mẹ sinh ra, cũng chẳng ưa gì nhau, rồi chia ra đảng phái, khuynh loát lẫn nhau, khiến thành gì họa đời đời, không phải là nhỏ. Quà ra nữa, thì những sự li-dị, những điều tội ác, hằng ngày cũng vẫn thấy kể trên báo trưng cái hại không phải là ít.

Cũng có người quá yêu vợ nọ, ghét bỏ con kia, khiến cho một đàn nêo nhóc, không nuôi không giầy cũng có người trước hàm sư tử, đóng vai Thúc-lang, đành chịu để vùi hoa dập liễu. Lũ trẻ kia nó có tội gì, liên bà kia nào có tội gì. Đa mang như thế, mua lấy cái vui cho

minh trong nhất thời, mà gây nên cái hận thiên tru, con trẻ sinh ra không hay giây cho nên người vợ lẽ lấy về, như em đẩy vào địa ngục có hại cho phong hóa, đặc tội với nhân loại là những người này.

Còn có người tài chính không được rồi rào, cũng vợ cả, vợ lẽ, rồi con đồng con đàn, khiến cho sinh kế quần bách, rồi mà gia đạo suy vi. Vả lại ở cái đời này là đời kim tiền, tiền đã kém thì mọi sự cũng kém, ăn mặc đã đắt, học hành lại còn đắt hơn; trước cái cảnh nheo nhóc khốn cùng ấy, hoặc có người đâm ra làm việc bất lương, rồi mắc vào vòng tội lỗi, hoặc có người đành chịu bó tay, để cho vợ không được ăn, con không được học, thử hỏi tội này còn đổ cho ai, cho số phận rủi ro chăng, cho giới đất không công chăng!

Lại có người sức vóc lão yếu, cũng đa mang thê thiếp đôi ba người. Tháng tháng ngày ngày miệt mài trong cuộc truy hoan, đến nỗi tinh thần truy lạc, thân thể suy đồi. Những người như thế việc đời còn gánh vác sao nổi, sinh con khỏe mạnh làm sao được. Không những một đời hư sinh, lại còn gì hại cho nòi giống, cơ uơu bèn chẳng đầy thì đâu?

...

B. Những cái hay, cái có ích của chế độ lấy nhiều vợ.

Đã nói đến cái dở tất phải nói đến cái hay thì mới khỏi thiên. Xin chờ vội mừng cũng đừng vội lo.

Liên bà nhiều hơn liên ông, là một sự hiển nhiên. Không cần phải làm biểu thông kê, ta cứ trông trung quanh mình ta, không kể một số to lớn nghề mãi dâm như hồng lâu, thana lâu, còn biết bao nhiêu là những người làm vợ lẽ cô hầu, thì ta cũng đủ thấy. Nếu cứ một chồng một vợ, thì cái số liên bà thừa hiện nay đã nhiều, lại cứ một ngay một nhiều thêm, tui đề làm gì. Đi tu cả chẳng? chi xin nói rằng không được, mà cũng không nên, vì bất như thế có lẽ trái nhân đạo. Ở vậy cả chẳng? Cũng không nên, vì rằng, theo y học thì sự ở vậy không hề có hại cho sức khỏe, lại có hại cả đến tinh thần nữa. Ngoài một số ít đi tu, cũng một số ít thực lòng ở vậy, còn thì

hoặc vì sinh kế quần bách mà đi làm nghề mãi dâm, hoặc vì không nén nổi lòng giục mà sinh ra vụng trộm, khiến cho phong hóa suy đồi, há chẳng là tội lớn của những kẻ giả đạo đức, buộc người ta phải một vợ một chồng ru? Còn những đứa con hoang thai, người mẹ hoặc vì hổ thẹn mà làm cho chết; hoặc vì không được dừng mà phải bỏ đường cùng cho người ta từ lúc mới lọt lòng, không phải là một sự thương tâm sao? Không phải là một sự đại ác sao? Ấy là không kể những cái hại cho sức khỏe của sự uống thuốc tây, cũng để giấu sinh vụng. Những cái hại ấy, chế độ đa thê tuy không trừ được hết, song cũng làm bớt được nhiều. Hiện nay các nước Âu-Mỹ vốn vốn cấm sự đa thê mà cũng đang hồ hào cổ vũ để xin bỏ cái cấm ấy đi mà đem chế độ đa thê thay vào, thì đủ biết cái chế độ này không phải là giở.

Trên này mới nói qua đến hạng liên bà sinh kế quần bách, đây xin nói thêm, vì hạng này là một số đông, ta nên lưu ý đến. Nước ta vốn trọng nam khinh nữ, liên bà lại sẵn lòng ý lại, cái số vô nghề nghiệp, chỉ biết lúc bé nhờ cha, nhớn lên nhờ chồng, đến già nhờ con (tam ỷ chứ không phải tam tông) rút nhiều. Nếu xảy ra mà trong cái số « tam ỷ » đó không có lấy một (nhất là lúc còn con gái), thì thành ra bơ vơ ngay. May ra mà có của còn khá, nếu lại không có gì nữa thì còn biết nương tựa vào đâu. Thế mà lại thực hành cái chế độ một vợ một chồng, thì những hạng này cũng khó có người lấy đến, vì ở đời không cái gì thoát khỏi được cái « luật cung cầu » (la loi de l'offre et de la demande). Ngoài cái số phận làm lẽ ra, « sẵn nong sẵn né » thì một số nhiều không sao chánh khỏi được con đường ô uế là cái nghề mãi dâm ác nghiệp kia.

Từ đây giở lên mới nói đến bên liên ông. Còn bên liên ông thì thế nào?

Trước hết hãy xin lỗi cùng các nhà quá nghiêm khắc hay lấy cái giây đạo đức buộc người, rồi xin nói rằng: người ta sinh ra ở đời, ngoài cái nghĩa vụ làm người ra thì ai ai cũng có quyền tìm cái lạc thú cho mình, chỉ cốt rằng hành vi cho chính đáng, đừng có làm những việc thương luân bại lý mà thôi. Nếu bảo rằng sinh ra đời là để chịu cực chịu khổ, thì tôi thực không dám nghe.

Vậy thì « cả sông đông chợ, lắm vợ nhiều con » há không phải là một cái lạc thú trong gia đình

sao ? Trong gia đình đã vui vẻ, thì chắc không còn ai phải đi tìm sự vui vẻ ở đâu nữa. Đồ trường, tửu quán chắc sẽ vắng người, các xóm bình khargắt phải ế khách, cả đến những nhà khách sạn (chambres meublées à louer) kia, mục đích mở ra không phải ở sự chứa chọ, mà cốt là làm nơi bợc thương tang trung, không có khách nữa cũng phải đóng cửa dần dần, mà rồi những sự dụ lương vi kỹ cũng phải bợt. Cái hay cái lợi là khiến cho người lền ông yên vui phận sự, mà bao nhiêu những tấn bi kịch khuynh-gia bại-sản, gây nên bởi sự chơi bởi bao nhiêu những cái quái bệnh làm hại cho nòi giống sinh ra bởi điều hoa nguyệt, sẽ dần dần mà dảm số đi nhiều. Vả lại nghề buôn hương bán phấn đã ế, thì số buôn hương bán phấn cũng ít đi, há không phải là một cái hay cho phong hóa ru.

Lại còn đối với việc kế tự là một sự cần nhất ở xã hội ta, thì hẳn ai ai cũng biết rằng từ xưa đến nay cái chế độ đa thê thực đã bở ích ngần nào, (mà các Bà cũng phần nhiều đợi phải dùng đến cái lý cùn này thì mới chịu để cho các ông lấy nhiều vợ) kìa Nã-pha-Luân, vì nhẽ kế tự và chế độ chồng được lấy nhiều vợ mà phải rút lòng ly dị cùng Joséphine là người tri kỷ, để kết duyên cùng người khác là một người không thể yêu, được. Kìa ngay ở nước ta nhiều người vì lẽ riêng bắt buộc chỉ một vợ một chồng nhưng vì không con phải mua hầu, rồi đến lúc cô hầu đã có con lại vì cái bề ngoài mà bắt con còn mẹ thì đuổi đi. Như thế là hay chăng, là dở chăng ? Hí chẳng là một sự vô nhân đạo sao ?

* *

Cứ xem từ đây giở lên trên đã kể ra, thì sự lấy nhiều vợ, cái dở cũng có nhiều mà cái hay cũng không phải là ít. Làm người phải nên tùy cái cảnh ngộ của mình mà tự định lấy phương châm, thế nào cho phải thì theo. Có cái cảnh ngộ nên lấy nhiều vợ, cũng có cảnh

ngộ không nên lấy nhiều vợ. Lấy nhiều vợ mà không gặp những dở thì rút nên, còn trái lại thì không nên, ấy là nói đại khái. Còn như ở đời trăm người trăm cảnh nào có ai giống ai, không thể đại loạt mà cầm bút vạch ra hết như là vẽ địa đồ đường lối giao thông trong một sứ được.

Song phải biết rằng vợ chồng lấy nhau là để ăn đời ở kiếp với nhau. Sách nho đã có chữ rằng :

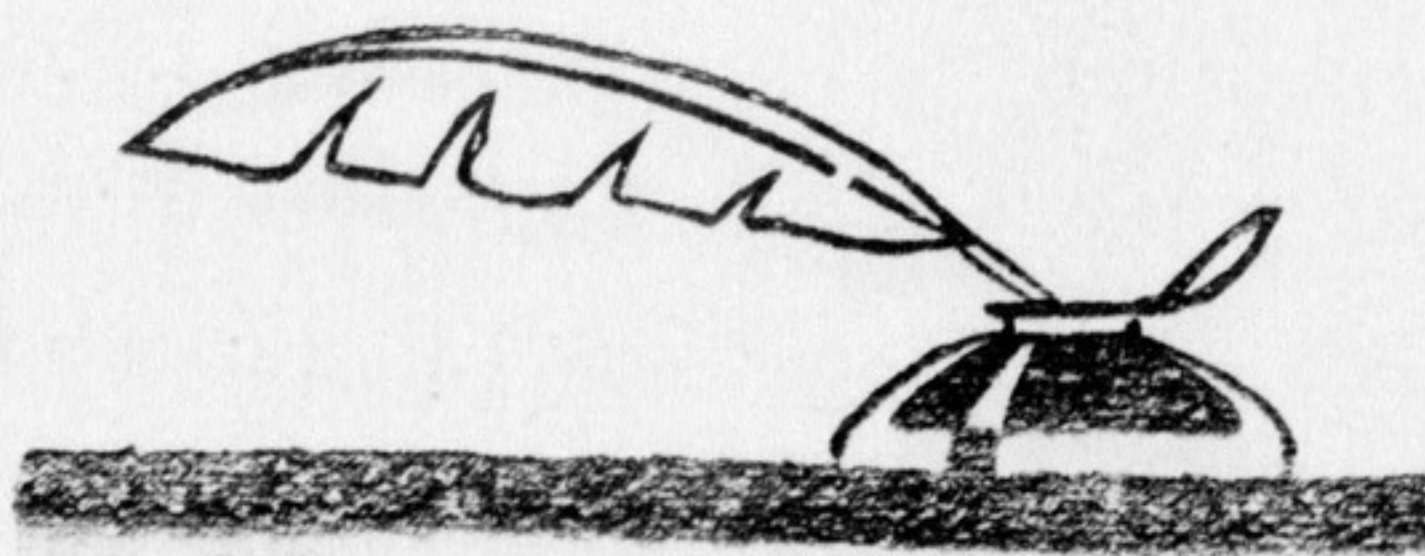
« Phu phụ hòa nhi gia đạo thành »

mà ngạn ngữ ta cũng có câu :

« Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn »
 Làm việc thường còn cần phải cho vợ chồng thuận hòa hưởng hồ việc lấy nhiều vợ lại không cần phải hai bên thỏa thuê cả sao. Làm liền ông thực không nên viện lẽ cần phải lấy nhiều vợ, ôm lấy cái quyền được lấy nhiều vợ, mà không kể đến người vợ tao khang. Mà làm người lền bà cũng không nên khư khư giữ lấy cái ghen vô lý, gàn cổ nói đến hai tiếng bình quyền vô nghĩa, mà làm buồn cho người liền ông là người bạn trăm năm của mình, là người yêu quý. Đã là vợ chồng thì không phải là cừu địch, trong đạo vợ chồng thì chỉ nên nói đến tình chứ không nên nói đến lý, càng lại không nên nói đến quyền nữa. Chồng ăn hiếp được vợ một tý há phải là sự nghiệp anh hùng sao ? Vợ bắt nạt được chồng một lý, há phải là danh dự vẻ vang sao ? Làm chồng mà chẳng may gặp phải người đồ thụ, thì cũng nên gác sự lấy nhiều vợ ra một bên cốt cho êm thấm cửa nhà. Làm người vợ mà nhờ gặp phải người chồng hung bạo thì cũng nên chiều ý thêm hoa, mong cho được xường tùy vẹn đạo.

Đó là nói qua như vậy. « Tùy cơ nhi ứng, ngộ biến tòng quyền » là cái đặc sắc của thức giả. Lấy nhiều vợ nên chăng, không nên chăng, không thể nhất định được.

TRUNG-DONG



CHUYỆN CON LỪA NUỐT MẮT GIĂNG

(Chuyện phương Tây)

Liều-Ông có một con lừa, đặt tên là Tai-Dài. Gần nhà Liều-Ông ở, có một cái ao, nước trong vắt, thường cứ tối đến Tai-Dài một mình mò xuống đáy uống nước.

Một buổi kia, giăng sáng vắng vặc, gió thổi hây hây, Tai-Dài cũng mò xuống ao uống nước như mọi hôm khác. Ngay lúc ấy, từ chân trời có một đám mây to tướng, đang lù lù đùn lên, theo chiều gió mà bay lại.

Trên bờ ao, trong bãi cỏ, Ba-Bu và Đĩ-Đa đang ngồi tình tứ cùng nhau, trên hoa dưới nguyệt. Từ chỗ hai người ngồi mà trông xuống ao, thì thấy khuôn giăng tròn vành vạnh in xuống mặt nước, ngay chỗ Tai-Dài đứng mõm xuống, đang thủng thủng uống từng hớp một. Mỗi lúc lừa ta hớp một hớp nước, thì mặt ao lại gợn sóng, lóng lánh như vàng, vùng ra trung quanh.

Một lúc lâu, khi Tai-Dài uống phỉ bụng rồi, ngừng cổ lên, thì đám mây kia đã ràn ra đầy góc trời, che khuất mặt giăng không trông thấy đâu nữa. Trên mặt ao tức thì tối đen như mực.

Ba-Bu thấy thế bảo Đĩ-Đa rằng :

« Thôi song ! con lừa của lão Liều nuốt mất ông giăng của ta rồi ».

Đĩ-Đa sợ, đứng giậy, chạy về nhà, nói với chị :

« Chị ơi ! con lừa của lão Liều nuốt mất ông giăng rồi ».

Chị nói :

— « Thật chứ ! Kia chị trông xem có phải ngoài sân tối đen như mực ấy không ? »

Chị vội chạy sang láng giềng, bảo Cu-Ất :

« Này anh, có biết gì không ? »

Cu-Ất hỏi lại :

« Gì thế ? »

— « Con lừa của Lão-Liều ấy mà, nó nuốt mất ông giăng rồi. »

— « Nuốt mất ông giăng rồi ? »

— « Thật đấy ! kia trông có phải trời tối đen như mực ấy không. »

Rồi mụ lại nói tiếp :

« Nhưng anh đừng nói với ai nhớ ! »

— « Sao lại đừng với ai ? »

— « Vì đó là một chuyện kín. »

— « Ừ nhỉ ! »

Mu giờ về, Cu-Ất liền chạy đi thăm thì kể câu chuyện kín ấy với Hai-Bè Hai-Bè lại đi kể với Mụ-Cột, Mụ-Cột lại kể với Tư-Bừa, Tư-Bừa kể với Lý-Cát, Lý-Cát kể với Phó-Lộ, Phó-Lộ kể với Hương-Lém, Hương-Lém gặp ai kể với rầy, thành ra chỉ trong một tiếng đồng hồ, mà từ đầu làng đến cuối không còn ai không biết cái chuyện kín ấy nữa. Buổi tối hôm ấy, nhà nào cũng thấy thăm thì bàn đến :

« Con lừa của Lão-Liều nuốt mất ông giăng rồi. »

° ° °

Cũng có người bảo là nói nhảm, mặt giăng xưa nay vốn ở trên trời có xuống ao bao giờ mà con Tai-Dài nuốt được. Song mụ Riệc, lúc bé đã xuống ở mạn bể mấy năm, bảo rằng ở dưới ấy cả đến mặt trời cũng còn lặn xuống bể nữa la. Lại được thêm Lão-Bọ, thừa bé cũng đã có đi đó đi đây, thêm rằng chính lão có được biết chuyện một con bò đã nuốt hết một ông sao vào bụng, đến lúc ông sao chui ra thì hóa ra một hòn sỏi, mà hòn sỏi ấy chính mắt lão trông thấy.

Có người giải rằng đây chẳng qua là mây che mất mặt giăng đi mà thôi, thì mọi người lại bảo rằng từ lúc con lừa của Lão Liều nuốt mất ông giăng đi, thì những đám mây kia không phải như mây mọi ngày nữa, mà cái sự tối ấy cũng không phải là tối tự nhiên.

Có kẻ lo rằng :

« Thế ngộ con lừa của Lão-Liều không nhả ông giăng ra giá thì làm thế nào ? »

Ấy thế mới rầy to. Mọi người lo ngay ngáy.

Tối hôm sau, cái lo lại gấp bội, vì rằng mây càng ngày càng đùn giầy thêm lên, không ai còn trông thấy một tí ánh mặt giăng nào nữa. Có người bảo rằng, lúc tối con Tai-Dài đi uống nước, trông thấy bụng nó to hơn hôm qua, và thấy nó dương đôi mắt lơ lơ nhìn mọi người có vẻ khác thường.

Ở trong làng, đã sầm sý bảo nhau :

« No phải giả ông giăng cho mình mới được chứ ! »

— « Trong cái nhà quái gở ấy, lão chủ đã ghé gớm, nay lại được cả con lừa nữa. »

Xin biết rằng Liều-ông vốn là người đọc nhiều sách và báo chí, biết nhiều cái mà người làng không

biết; súc vật của ông khéo nuôi, béo tốt mà không bao giờ ốm đau; ruộng vườn của ông biết cách bón sới, năm nào cũng được mùa; ít có ai nghe thấy ông phàn nàn than thở; ông không hề phải chịu lụy ai, mà lại sẵn lòng giúp người; ông ít hay nói chuyện với ai, song ai có điều gì không biết đến hỏi thì ông sẵn lòng chỉ bảo. Người làng tuy kính trọng ông song sợ ông như thần thánh, ghê ông như ma quỷ.

Mọi người bàn soạn mãi, không biết làm thế nào. Về sau nhất định kéo nhau đến nhà Liễu-Ông bắt lừa mồi ra để lấy lại ông giăng. Lúc ấy đã gần nửa đêm, ước chừng có gần hai chục người, kẻ vác gậy, người xách dao, đứng trước nhà Liễu-Ông đập cửa gọi.

Liều-Ông đã đi ngủ, thấy âm âm, nằm trong giường bỗng tỉnh ra :

« Ai đấy ? »

— « Chúng tôi đây »

— « Chúng tôi là ai ? »

— « Lý-Cát, Hương Lém, Tư-Bừa, Phó-Lộ, và các người khác. »

— « Anh em muốn gì mà khuya khoắt thế ? »

— « Đến bắt con lừa của ông đây. »

— « Bắt lừa của lão để làm gì ? »

— « Để mồi nó ra. »

— « Sao lại mồi lừa của lão ? »

— « Để cứu ông giăng ở trong bụng nó vì hôm qua nó vừa mới nuốt đi mất rồi. »

Liều-Ông nghe thấy thế ó lên cười, cười rữ cười rọi, sáu mươi năm nay ông chưa có lần nào lại tức cười như thế.

Ở ngoài nói to lên :

« Ông lại còn nhạo chúng tôi phỏng? Hém ngay con Tai-Dài ra đây. »

Rồi thì thấy gậy gộc đập vào cửa âm âm.

Liều-Ông thấy thế, cũng đã chợt giật, không khéo công việc sinh ra to mắt. Ông giở gậy, chạy ra mở cửa cho mọi người vào. Hương-Lém, cả gan đi đầu, tiến vào kể cho Liều-Ông nghe rằng tối hôm trước người ta trông thấy con Tai-Dài lúc uống nước ở dưới ao lại nuốt cả ông giăng vào bụng, những thế nào; từ bấy đến giờ không ai trông thấy ông giăng đâu cả, những thế nào; chẳng tin thì ông thử ra sân mà xem có trông thấy ông giăng đâu không.

Liều-Ông nói :

« Sao anh em ngu thế, nói thế thì ai nghe được

chưa. Thế ai trông thấy con lừa của lão nuốt mất giăng ? »

Hương-Lém nói :

« Chính anh Phó-Lộ. »

Phó-Lộ :

« Không phải tôi đâu. Anh Lý-Cát đấy. »

Lý-Cát :

« Không phải tôi. Tư-Bừa kia kia. »

Tư-Bừa :

« Không phải tôi. Mụ gì đấy... »

Hương-Lém lại nói :

« Thôi, không cần phải hỏi ai trông thấy. Có người trông thấy, thế là đủ. Nghe chưa ! Giờ ông phải đem con lừa của ông ra đây cho tôi. Tôi không nói lời thôi. »

Rồi hất gươm lên, lăm lăm trong tay. Mọi người cũng kẻ gươm người gươm gậy lên.

Liều-Ông biết là không thể lấy nhẽ phải mà bảo bọn họ được. Liên dùng mẹo :

« Im, anh em nghe lão này. Nếu thật là con Tai-Dài của lão đã nuốt mất ông giăng rồi mà anh em lại đem giết nó đi, thì còn gì là ông giăng nữa. Con Tai-Dài chết thì ông giăng cũng phải chết. Thì rồi anh em định làm ra làm sao ? có phải anh em muốn cứu ông giăng mà lại hóa ra giết ông không. »

« Bây giờ lão bảo thế này nhớ. Anh em cứ để cho lão. Lão sẽ bắt nó phải nhả ông giăng ra giả anh em. Nó là lừa của lão nuôi, thì chỉ lão bảo được nó nghe mà thôi. Nếu hai hôm nữa, lão chỉ hẹn hai hôm mà thôi. Nếu hai hôm nữa mà không thấy ông giăng đâu, thì bấy giờ, đấy mặc anh em muốn làm gì thì làm. »

Hương-Lém quay ra hỏi anh em, một lúc giở vào giả nhời :

« Thế thì được. Nhưng ông phải nhớ đấy nhớ »

Rồi chúng quay gót. Ngay bấy giờ, trên gò có đôi ba hạt mưa bay giời xuống. Liều-Ông nói một mình :

« Ất tốt rồi, thế thì được ! »

Một chốc, giời giở lạnh, gió nổi ào ào, rồi một cơn mưa như chút nước xuống, giòng già hai ngày, giời Tồi hôm sau vừa đúng hẹn, thì mưa tạnh, mây tan, trên giời vùng giăng lại sáng vắng vặc.

Thôi, Hương-Lém chẳng thấy, Phó-Lộ cũng không, không thấy ai đến đòi bắt lừa của Liều-Ông nữa.

Từ đấy giở đi, người làng lại càng ghê sợ Liều-Ông hơn trước.

(Trích ở Mon journal)

TRUNG-DONG phiên dịch

AI BẢO GIỐNG VẬT KHÔNG BIẾT THÚ A-PHIÊN

Chuyện phương Đông

Tỉnh Giang-Tô bên Tàu ngày xưa có một anh chàng tên gọi Cả-Ất vốn là một chân kỳ một trong làng « bẹp tai » nên khi đi đâu cũng phải đem theo nào tàu, nào xe, nào tiêm, nào móc để làm bảo bối hộ thân.

Trong khi anh ta nằm trọ trong một phòng tại nhà khách-sạn bên tỉnh Trục-Lệ, ngày nào cũng vài lần nghênh ngang bàn tính để làm cái thú giải phiền.

Một hôm anh ta đương một mình náo náo, hà hà, tiêm tiêm, hút hút, khói bay nghi ngút, ngao ngạt trong một gian phòng bỗng nhiên có một con chuột kéch to bằng một con mèo lớn, cũng nằm phục ở bên giường hít lấy khói thuốc phiện, có dáng không sợ hãi gì người. Cả-Ất trông thấy liền nói đùa rằng : Minh cũng ghen đấy ư ? có muốn hút không ? rồi thở một hơi khói vào chuột, chuột ta cũng hếch mũi lên hít, độ hơn nửa giờ rồi cúp đuôi lủi-thủi lại đi, từ đó ngày nào cũng thế, dần dần thành quen. Cả-Ất bấy giờ không có việc làm, tiền lưng đã cạn, buồn rầu nhẩn nhó, nổi mình biết ngổ cùng ai ! liền cất tiếng vệt đực mà ngâm mấy câu ảo não :

Cực người thay nổi đồng tiền !

Là n cho lúc túng thân tiền cũng liều !

Có tiền kẻ vị người yêu,

Không tiền ai chuộng ai chiều gì ai ?

Ngâm xong nhẩn nhó thở than, chợt ngoảnh lại thì thấy chuột đầu đã lò rò đến, liền thở giải một tiếng rồi bảo rằng : Thôi ta dầy bây giờ túi tiền cạn, mà hộp thuốc đã khô, rột đau như sâu cắn, mình buồn như kiến bò, sỏ mũi hắt hơi, vàng đầu tróng mặt, có lẽ ả-phù-dung kia muốn đưa ta về Tân-đảo, chứ chả được ngày ngày cùng người hưởng thụ cái thú thanh cao này mãi đâu, nói xong lại thở ngẩn than giải mãi. Chuột nghe xong đương hai mắt chó chó lên nhìn, giáng như có ý nghĩ ngợi điều gì, rồi quay mình đi thẳng. Một lát chuột lại đến, trong miệng có ngậm một đồng bạc, đem đến để tại bên gối Cả-Ất, Cả-Ất mừng rỡ bội phần, liền cầm đi mua thuốc, rồi nghênh bàn tính ra, kêu bắc đốt đèn, tiêm tiêm

hút hút khói lại tỏa lên đến tầng mây, tha hồ là phê phỡn, chuột ta bấy giờ cũng châu mãi mồm, hếch mãi mũi lên hít lấy hít để, xem chừng cũng lấy làm hả hê lắm rồi mới đi.

Hôm sau chuột lại đến, lại thấy đem lại ba đồng bạc, Cả-Ất mừng cuống mừng quý thất giác ngậm ngùi mà rằng : « Ai bảo chỉ Quán-Trọng với Bào-thức-Nha ngày xưa mới là tri-kỷ ? » Nay người thấy ta nghèo, đem tiền của cho ta, đó cũng là Bào-thức-Nha của ta vậy. Thế mà ai lại bảo chuột không có nghĩa khí từ đó cùng chuột kết làm bạn chí thiết. Mỗi khi chuột đến thì có ăn cùng ăn, có uống cùng uống, hễ khi hút thuốc thì cùng nằm một bên, đêm thì cùng ngủ một giường. Người chuột yêu nhau không khác gì hai người đồng tâm tri-kỷ, mỗi khi chuột đến, thì tất cũng đem đến vài ba đồng bạc, mỗi ngày vài bốn lần như thế, thấm thoát trong nửa năm giờ, tiền bạc ninh nich, áo quần sang trọng, thuốc từng lang, chè từng chai, bánh ngọt từng hộp, tha hồ phong lưu, chứ không phải vượt bụng thở dài như trước nữa. Bấy giờ lấy làm thâm cảm cái ơn đức của anh bạn chuột rất là chan chứa nồng nàn. Người chủ nhân khách-sạn thấy Cả-Ất phong vận quá, cũng lấy làm ngờ, lắm bầm một mình rằng : Chả biết thằng cha này làm gì mà tiền bạc dủng dỉnh, ăn mặc phong lưu như thế ? rồi cố ý dò xét mãi, thì chỉ thấy ngày nào cũng ăn với hút, hút với ăn, nằm lại ngồi, ngồi lại đứng, chả thấy làm công việc gì, đêm thì đóng cửa hút rồi ngủ, chỉ ngủ với hút, không dời đi đâu bước nào, thế thì quyết không phải canh soáy, không phải soáy ngày cũng không phải soáy đêm, thế thì làm gì mà có tiền nhiều thế ? Thực là một sự lạ lùng !

Cả-Ất có một ông chủ cũ, mới được lệnh trên bỏ đi tri-phủ, khi phó nhậm, có đi qua đó, cũng vào trọ tại nhà khách sạn này, gặp Cả-Ất hỏi Cả-Ất ở đó làm công việc gì. Cả-Ất nói là chưa có công việc làm, còn ở đợi đó để tìm việc. Ông phủ khi mới được lệnh vội vàng đi ngay, nên chưa có người nào mần cán đem theo, liền bảo Cả-Ất đi, Cả-Ất cũng mừng rỡ vâng theo. Sáng hôm sau, Cả-Ất sắm sửa theo quan lên đường.

Khi đi đã được mấy trăm dặm đường, nghỉ vào một nhà hàng, ăn cơm bú thuốc, Cả-Ất chợt nhớ đến chuột thì bất giác buột miệng kêu to lên rằng Thôi chết rồi, trời ơi, bạn của tôi nguy mất rồi! mọi người đều ngạc nhiên, nhao nhao lên hỏi, thì Cả-Ất không nói, rồi liền vội vàng lên xin phép quan để trở lại, quan hỏi có việc gì cũng không nói, chỉ nhất mực xin phép trở lại, quan phủ bắt đắc dĩ phải cho, Cả-Ất lên xe đi suốt ngày đêm, khi đến nhà khách sạn, vội vàng chạy vào hỏi chủ nhân gian phòng tôi trọ đã có ai thuê chưa? chủ nhân nói: Chưa, thì liền mượn chìa khóa vội vào mở cửa, chỉ thấy đầy đường cát bụi, vật gì cũng còn nguyên như cũ, Cả-Ất bàng hoàng tìm quanh bốn phía, đáng như để quên mất vật gì chủ nhân lấy làm lạ hỏi, Cả-Ất không nói rồi xua bảo chủ nhân ra, chủ nhân vừa đi khỏi cửa thì thấy Cả-Ất gọi: bạn thân của tôi ơi!! bạn thân của tôi ơi! gọi luôn hai tiếng, chủ nhân tưởng là gọi mình, quay trở lại, Cả-Ất lại bảo ra, chủ nhân càng lấy làm ngờ đứng ngoài cửa sổ nhòm vào thì thấy Cả-Ất lục lọi tìm tôi khắp trong phòng khi lật chiếu lên thì thấy một con chuột to tướng nằm quèo ra đấy. mó vào thì thấy đã chết cứng từ bao giờ rồi. Cả-Ất bất giác ôm ngay vào lòng mà khóc chu khóc chéo, rên rĩ nỉ non, thực là: đau đòi đoạn ngắt đòi thôi, tỉnh ra lại khóc khóc rồi lại mê Chủ nhân hỏi mãi cũng không nói chỉ bực chuột vào trong bụng rồi ra cửa đi, ra đến chợ nào mua quan tài, may quần áo, rất là sang trọng, đem về nhà hàng rồi giở chuột trong bọc ra khám nghiệm, khóc lóc rất là thảm thương! Rồi cất đám đưa ra đồng, dẫn nên mồ yên mả đẹp, cũng đặt bày bài vị, tế diện vài tuần, vậy có văn tế rằng:

Trước bàn đề khóc mà than rằng:

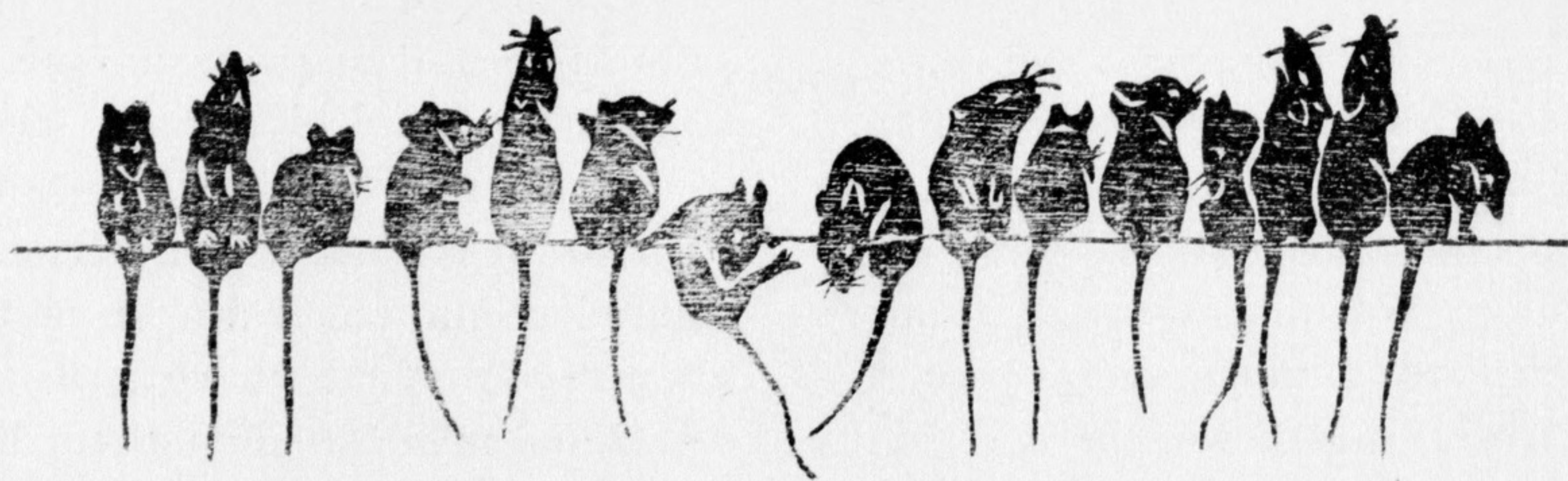
« Âm dương đòi ngả, nhân vật một lòng, nghĩa tất giao vừa bèn tiếng quên hơi, tình khê khóat bỗng người còn kẻ khuất.

« Nhớ bậu xưa tình khi lù nhù, hình thù lủi thủi, khi gặp mặt còn ngờ dị loại, những tưởng khác lòng. Lúc quen hỏi mới biết đồng môn, cùng trong một hội; ngọn đèn lồng bóng, « lộ » là Bào quân ngày xưa. Làn khói sông mây, (xe) lại Bạch, huyền thừa nọ, những tưởng ngày còn giải, tháng còn rộng ở mãi cùng nhau, nào ngờ vật lại đổi, sao lại dời, bỗng nên cách trở! Bận quý hứa từ đây cách mặt, kể lương tru ai kẻ đỡ tay! vào non vàng, dương mắt song-đor, sa chính gạo, thôi hết đường nhì nhất

Nay nhân, làm lễ tổng chung, nhớ tình tri hữu, ô lòng cố phàm, chề nọ vừa chuyên. Nha phiến lương yên thuốc này lại đốt, trên khay vãn mộng kêu ngọn đèn cho tỏ với vong linh, Đầu tàu sà cừ, há hơi khói, để thoả cùng cố cựu. bởi Ơi thương hưởng.

Tế xong, Cả-Ất bèn kể lại đầu đuôi cho chủ nhân nghe và nói rằng: Như tôi đương lúc khốn cùng! gần chết, nếu không có chuột tại tôi đâu được có ngày nay, ngờ đâu tôi một lúc sơ hốt, để tri kỷ phải chịu thiệt thòi! Chuột kia tuy không phải là tay tôi giết, nhưng cũng là thiệt mạng vì tôi, dướ; chín tuổi vàng, phụ lòng tri kỷ, thì tôi còn mặt mũi nào! Nói xong lại chan chứa hai hàng châu lụy! Chủ nhân nghe nói, bấy giờ mấy tiêu tán được hết mối ngờ từ xưa, rồi cũng ngùi ngùi thổn than mãi mãi. Trước kia chuột ăn trộm bạc trong mấy nhà mất bạc, có một nhà mất nhiều hơn nhất, vẫn cho đi dò xét mọi nơi, nhưng vẫn chưa tìm ra manh mối, vật nghị phân vân, cũng nhiều người vì đó mà liên lụy. Đến nay ai ai cũng biết chuyện nhưng cũng không thể làm thế nào được.

Cả-Ất bấy giờ bỏ tiền ra tậu ruộng để sây mồ dựng bia cho chuột, việc xong đầu đầy rồi mới giở về. Khi về đến nơi cũng kể đầu đuôi cho quan phủ nghe, quan phủ cũng than thân rằng: Không quên ơn, là người có nhân, không phụ tâm là người có nghĩa. Chuột mà còn không nở phụ, có lẽ nào nở phụ ta, từ đó càng trọng dụng Cả-Ất. Vũ-M.-Hùng





Souvenir

En vain le jour succède au jour,
Ils glissent sans laisser de trace;
Dans mon âme rien ne t'efface,
O dernier songe de l'amour !

Je vois mes rapides années,
S'accumuler derrière moi,
Comme le chêne autour de soi,
Voit tomber ses feuilles fanées.

Mon front est blanchi par le temps,
Mon sang refroidi coule à peine,
Semblable à cette onde qu'enchaîne,
Le souffle glacé des autans.

Mais ta jeune et brillante image,
Que le regret vient embellir,
Dans mon sein ne saurait vieillir
Comme l'âme, elle n'a point d'âge.

Non, tu n'a pas quitté mes yeux;
Et quand mon regard solitaire
Cessa de te voir sur la terre,
Soudain je te vis dans les cieux.

Là, tu m'apparais telle encore
Que tu fus à ce dernier jour,
Quand vers ton céleste séjour,
Tu t'envolas avec l'aurore.

Ta pure et touchante beauté
Dans les cieux même t'a suivie;
Tes yeux, où s'éteignait la vie,
Rayonnent d'immortalité !

Du zéphyr l'amoureuse haleine
Soulève encore tes longs cheveux;
Sur ton sein leurs flots onduleux
Retombent en tresses d'ébène.

Nhớ thương

Ngày đi, ngày khác cũng đi,
Lần lần lửa lửa còn gì nữa đâu.
Riêng lòng ta vẫn còn sầu.
Mộng tình giấc cũ theo nhau còn giải.

Đoái trông xem lại cuộc đời.
Năm qua sắp lớp sau người phù-sinh.
Khác chi cây cối, khô cành.
Ao ào thấy lá rụng quanh gốc già.

Đầu xanh ngày thấy phôi pha.
Một bầu nhiệt huyết bây giờ lạnh băng.
Tuần hoàn trong cái thân tàn
Lờ đờ như nước dưới làn gió đưa.

Hình em vẫn đẹp như hoa,
Càng thương, càng nhớ bây giờ càng tươi.
Trong lòng hình chẳng phôi phai,
Như hồn, hình chẳng biết thời gia mua.

Lòng này nhớ bạn ngày xưa,
Rầu người đã khuất tưởng như hầy còn.
Dưới trần mất bạn tuy buồn,
Trông giờ còn vẫn thấy hồn khi xưa.

Trông ai vẫn giống bao giờ.
Giống ngày sắp biệt đời hoa về giờ.
Giống ngày bỏ lại cuộc đời.
Lâng lâng dù áo bay vờ tiên cung.

Em ơi, em đẹp lạ lùng.
Hương giờ sả : nước thiên cung còn giải.
Mắt em dù tắt lửa đời,
Long lanh còn sáng hồn người bất tiêu.

Gió giờ hây hây sớm chiều,
Tóc mây như thấy ào ào gió lay.
Hầy còn cuộn cuộn tóc bay,
Mầu đen rung rúc phủ đầy lòng em.

Đêm mờ như thê màn đen,
Còn che phảng phất hình em lơ mờ.
Khác chi nổi sáng sương mù,
Vùng đông khi đã ló ra phương ngoài.

L'ombre de ce voile incertain
 Adoucit encor ton image,
 Comme l'aube qui se dégage
 Des derniers voiles du matin.
 Du soleil la céleste flamme
 Avec les jours revient et fuit;
 Mais mon amour n'a pas de nuit,
 Et tu luis toujours sur mon âme.
 C'est toi que j'entends, que je vois:
 Dans le désert, dans le nuage,
 L'onde réfléchit ton visage,
 Le zéphyr m'apporte ta voix
 Tandis que la terre sommeille.
 Si j'entends le vent soupirer,
 Je crois t'entendre murmurer
 Des mots sacrés à mon oreille.
 Si j'admire ces feux épars,
 Qui des nuits parsèment le voile,
 Je crois te voir dans chaque étoile
 Qui plait le plus à mes regards.
 Et si le souffle du zéphyre
 M'enivre du parfum des fleurs,
 Dans ses plus suaves odeurs
 C'est ton souffle que je respire.
 C'est ta main qui sèche mes pleurs,
 Quand je vais, triste et solitaire,
 Répandre en secret ma prière
 Près des autels consolateurs.
 Quand je dors, tu veilles dans l'ombre;
 Tes ailes reposent sur moi;
 Tous mes songes viennent de toi,
 Doux comme le regard d'une ombre.
 Pendant mon sommeil, si ta main
 De mes jours déliait la trame,
 Céleste moitié de mon âme,
 J'irais m'éveiller dans ton sein!
 Comme deux rayons de l'aurore,
 Comme deux soupirs confondus,
 Nos deux âmes ne forment plus
 Qu'une âme, et je soupire encore!

A. DE LAMARTINE

Mặt giờ le lối vắn soay,
 Cùng ngày mà đến cùng ngày mà đi.
 Tình ta biết tối là gì,
 Vẫn còn sáng suốt đi về với ai.
 Trong mây, trên cát xa-vời,
 Hãy còn phảng phất mặt người như hoa.
 Trong cơn gió thổi bay qua,
 Hãy còn nghe thoảng như là tiếng ai.
 Trong khi đất lặng đêm giai,
 Gió kêu như gọi lòng người nhớ thương.
 Tưởng như sang sáng tiếng vàng,
 Bên tai như kể đoạn trường đôi nơi.
 Nếu đêm khuya ngấm vừng giờ,
 Biết bao tình đầu dĩa nơi âm thầm.
 Tưởng như còn bóng hồn em,
 Trong ngôi sao sáng dĩa đêm sao này.
 Ví dù gió cuốn hương bay,
 Mùi hương ngào ngạt như ngây ngất lòng.
 Tưởng như trong đám hương hồng,
 Hãy còn hơi thở cuối cùng khi xưa.
 Những khi đứng trước bàn thờ,
 Một mình cầu nguyện ngẩn ngơ âu sầu.
 Thương em lệ giổ như châu,
 Tưởng tay em hãy còn lau lệ này.
 Đêm trường trong giấc ngủ say,
 Tưởng em đứng cạnh, canh trầy đêm khuya.
 Hãy còn âu yếm chở che,
 Biết bao mộng đẹp theo về với em.
 Khi say nếu lúc ban đêm,
 Mang dao tuyệt thế nhờ em cắt đời.
 Hồn là khi tỉnh giấc mai,
 Hồn anh đã được cùng người anh yêu.
 Rồi như hai ánh sáng reo,
 Như hai hơi thở hợp vào một hơi.
 Hai linh hồn, hóa một thôi,
 Hả lòng còn hãy thở giai kéo cầm.

LÝ-NGUYỄN-BÁCH

VĂN THƠ

Đêm không ngủ

Một mảnh trần đơn một góc buồng.
Ngủ đi, không ngủ cứ nằm xuống.
Trống lầu khó đuổi năm canh chạy.
Mắt khách khôn mua một giấc vàng.
Mây tạo đương soay thoi bạch nhật.
Lòng người bao tỉnh mộng hoàng lương.
Đêm giải không nhẽ đêm giải mãi.
Kià ánh bình minh đã chiếu sang.

Nguyệt đáy Sông

Lênh đênh một mảnh dĩa trăng giang.
Đáy nước năm canh ngâm đáy vàng.
Tục thủy sao dầm thân ngọc thể.
Ngân hà chẳng tắm lệ ngư lang.
Hay toan dĩa hận tiên cung đó.
Mà muốn vương tình thủy điện chăng?
Rắp lội ra sông mà bắt lấy.
Còn e chú cuội kiện thiên đường.

Mơ ước cảnh nhà quê

Một túp nhà danh mấy góc vườn
Gió giảng thu lại một bầu con
Gác cần, rở rượu, chim mời chén
Thưởng nguyệt ngâm thơ, chúc họa đàn
Lúc hưng bắt trâu làm ngựa cưỡi
Khi buồn bảo vợ luộc khoai ăn
Chẳng ham cát bụi đường danh lợi
Chung đỉnh khôn mua một chữ nhân

Ảnh mỹ nhân cười

Tươi lắm! quanh năm chỉ thấy cười
Yêu nhau sao chẳng lượn ra chơi,
Huê tình hé nửa ngàn thu đỏ,
Sóng sắc đưa chân vạn cổ chơi.
Gương-giá giam chi duyên mỏng mảnh
Trắng đen giả chữa nợ tô bồi?
Động đào giấu kín tim đâu thấy,
Hay tại người tô bớt mất rồi.

Chuyện đời

Đời rằng ta đại với ta ương.
Cái chuyện đời kia mấy chán chương.
Bạc chỉ ba đồng đà sủng soảng,
Văn không một chữ cũng nghênh ngang.
Nhân tình lắm mặt, hờn với trắng,
Thế cục trăm năm, giấc mộng vàng.
Kiếp khác lên giảng ngồi với cuội,
Mà xem quả đất nó quay quồng.

Me tây đi tu

Chốn phồn hoa chi thiếu chỗ thanh-nhàn,
Từ bi cửa Phật đem gửi cái thân hoa thừa.
Ngâm như me đã bấy lọc năm lừa,
Trời nam trọn khắp mới vừa cái mắt ông Tây,
Truyện si-sở giả tỉnh với vờ ngây.
Khi buồn cốt nhất khi say si-gà.
Hàm giảng đen cạo trắng nồn như ngà.
Giầy cườm cao gót lại áo là chít tay.
Lúc đêm buồn to nhỏ truyện Nam Tây.
Lả lơi ông Hộ-Pháp đen vầy một cánh hoa non.
Đến bây giờ me tếch ông bon.
Từ bi mượn cửa để ghé cái con thuyền tình.
Trốn náu sông rặng trắng thể mà sinh,
Răng ngà da phấn cái nợ tình tiên thoát một chầy
chuông.
Sợ cho me chưa khỏi thói dơ tuồng.
Quán đình còn đồ, khói hương chắc gì
Thối đa tình tội-tả chốn từ bi.
Thích ca phá giới thị phi nực cười.
Cửa bồ-đề ai thiết cái thời uoi.
« Bouddha » đâu có độ người lẳng lơ.
Phật tiên gửi cái xuân thừa.

LÝ NGUYỄN BẠCH

Một bức tiên hoa

(Bài tự tình cùng một vị lại già là thân-phụ người
tình nhân)

Tình cuộc vương tròn, rặng trông cơ giới tác
hợp.
Chút lòng đeo đẳng. còn nhớ lượng bể bao dong.
Vị nghĩa sau xưa, liều đem tác cỏ.
Mấy lời ký trú, trình trước án phê.
Nhận từ quán khách lân la, hiền Thúy độ hoa đào
năm ngoái.
Tình đã tuần giảng thấm thoát, trời Liêu này non
nước bao xa.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà, phương giới vò vọ
Biết người nào ai biết mặt, đường cái thênh
thênh.
Văn nghe thơm nức hương lân, một nền Đồng-
tước.
Luống những lẳng tai non nước, nổi tiếng Cầm
đài.
Có khi êm ả chiều giờ, thoát đầu tiêu Kiều thấy
một.
Bên cầu thướt tha tơ liễu, để lòng quân tử đa
mang.

Hỏi mới biết rằng, Tổ-Nga Thủy - Kiều là chị.
 Nghĩ mình chẳng hổ, chằm anh Kim-Trọng vốn nhà
 Ngâm cơ hội ngộ đã đànu, cũng phùng kim môn
 ngọc bội.
 Một lời thủy chung xin tạc, lạ gì quốc sắc thiên tài.
 Gắn bó một hai, có khi thư phòng vắng vẻ.
 Công trình biết mấy, rằng trong lân lý ra vào.
 Nặng lòng sót liễu vì hoa, ngấm nhời phong
 nguyệt.
 Chút riêng thử vàng chọn đá, vừa gắn tất giao.
 Nhà băng tuyết, chất phỉ phong, há ra tường trên
 dâu trong bọc.
 Ngoài hào hoa, trong phong nhã, giá đã đành dưới
 nguyệt trên mây.
 Chén xuân tàn tàn, đủ điều khúc lý.
 Mảnh giảng vắng vắng, hai miệng đình ninh.
 Tiên thề cùng thảo một chương, tóc tơ căn vặn.
 Đêm xuân còn ngờ giấc mộng, mưa gió dập diu.
 Êm đềm chương rủ màn che, tường đông dù mặc
 ai ong bướm.
 Lăn lữa giảng chong gió mát, mái tây đà nên hội
 yến anh.
 Rất mực phong lưu, Ban, Tạ cũng đâu thế ấy,
 Ngâm duyên kỳ ngộ, Thôi, Chương ai lại đẹp tây.
 Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn, vương chòn
 biết có.
 Những ước phỉ nguyên sánh phượng, dải cầu là
 duyên, Nào hay! con tạo soay vần.
 Ông tơ ghét bỏ.
 Sự đâu chưa kịp, nổi nhà tan tóc nổi mình xa xôi.
 Tin đề cho nàng, lòng càng ngăn ngơ, tình càng
 thảm thiết.
 Tuần mưa cũ gió, một ngày nặng gánh tương tư.
 Ngọn nguồn lạch sông, ba sinh nhớ nhời nguyên
 ước.
 Cho hay din vàng dĩ ngọc, đành kẻ chân mây.
 Trong khi sắp cánh liền cành, tưởng người dưới
 nguyệt.
 Đường chia đôi sâu sẻ nửa, một bước một xa.
 Tuần giảng khuyêt đĩa giầu hao, còn về còn nhớ.
 Giảng thề còn đó, quản bao tháng đợi năm chờ.
 Quê người buồn trông, sót thắm năm mưa ăn gió
 Ngọn ngang đường kia nổi nọ, tắc lòng cổ quốc
 tha hương.
 Bơ vơ góc bể bên giới, những ước ngọc đường
 kim mã.
 Gặp cơn gia biến, càng nói càng đau,
 Từ thừa tương tri, nhớ người nhớ cảnh.

Chim giới cá nước, còn chút xa xôi.
 Bèo dạt hoa trôi, sót thân chìm nổi.
 Mưa sa gió táp, của kia còn nhớ đến đàn gương.
 Vật đời sao dôi; tấm riêng những nặn vì non nước
 Chiêm bao đi về lẻo đẻo, một phận ấp cây.
 Tuyết xương ngày một hao mòn, bởi lòng tạc đá,
 Những nhời thề thốt nỗi thương nói chẳng hết nhời
 Chút nghĩa đeo bông, tình sâu luống mong giả
 nghĩa.
 Một nhời là một, rằng mua ngọc đến Lam-Kiều,
 Hai bề vẹn hai, những mong châu về Hợp-Phố.
 Tìm hoa gặp tuần đổ lá, dữ ý dứt dè
 Rút dây sợ nữa động rừng, những là e ấp.
 Tư phục ngộ tôn đài giả.
 Văn chương nét đất, chằm anh giấu nhà.
 Cũng mạch thư hương, giòng nho-gia vốn nền
 phú hậu
 Đã tình bút pháp, trong nha-dịch nhưng lại từ tâm
 Quốc sĩ xưa nay, sau trước mấy người tri kỷ.
 Anh hùng tiếng đã, nửa đường nhẽ để bất bằng.
 Duy sĩ giả.
 Số đã long đông. Tình càng dan diu.
 Những là sợ khi sấm sét. dữ mực dẫn quanh.
 Dầy xin dẹp nhời phong ba, đề cho thừa hết.
 Việc tây giới dám còn bùng bít.
 Thói trẻ ranh chi để chuyện cười.
 Một thiệp thân vào, một nhời trân trọng
 Lòng trên trông xuống, lòng biết có thương
 Tính bài luật đó luận đây, đã nhiều biết tội.
 Ngắm âu bấu này người ấy, xem cũng thương tình
 Đai gương soi đến dấu bèo, cho đành lòng kẻ.
 Bóng cây được nhờ dây cát, muôn đội ơn người.
 Quả mai ba bảy đương vừa, duyên kim phận cải
 Tóc tơ trăm nghìn gửi lạy, nghĩa bể tình sông.
 Trai anh hùng gái thuyền quyên, há rằng tư phong
 bỉ sắc.
 Khách văn chương người yêu điệu, đến ngày khổ
 tận cam lai.
 Nghìn tầm nhờ bóng từng quân, siết chi khắc
 xương chép giá.
 Một nhà lại vầy mai chúc, còn nhiều kết cỏ ngậm
 vành.
 Phúc lộc gồm hai. Công tư vẹn cả.
 Người một hội âu đành quả kiếp.
 Khách qua đường chi để hững hờ.
 Tâm còn vương tơ, trăm chiều nói càng hồ thẹn.
 Lươn bao quản lăm nghìn trùng lạy trước cao thâm
 Vũ-MỘNG-HÙNG

CÂU CHUYỆN THUỐC

Nói về các giông trùng trong người (Tiếp-theo)

Giun sán

Trong thân thể người ta, mà nhất là ở trong tỷ-vỵ (giạ-giầy) trong tiêu-tràng (ruột non) có nhiều thứ trùng, bốn thứ chính nhất là :

Les taenias (ou ténia) con sán. 蟯虫

Les asarides lombricoïdes, con giun 大鞭虫

Les tricocéphales, thứ giun con 鞭虫

Les oxyures vermiculaires, trùng 虫

Bài này chúng tôi hãy nói về thứ nhớn nhất tức là con sán (taenia).

Chữ Pháp Taenia gio chữ Hy-Lạp là Tainia nghĩa chi giải. Mà thực, con sán hình như cái giải trắng. Minh nó thì mỏng mà nhiều khúc vuông - vuông dài dài (chữ nhật) có một đầu, đầu ấy có răng nhọn khoằm và miệng hút để nó bám vào bên trong ruột người ta và ruột loài vật. Có con nhớn thì dài đến 12 thước tây ; mà tùy

con già con non, già nhất thì có được đến 2.000 khúc. Khúc đầu thì nhỏ rồi to dần dần ra từ 0m009 à 0m01 (nghĩa là thoát đầu mảnh như sợi chỉ rồi bèn bẹt dần ra bằng đến móng tay) Càng lâu ngày càng mọc thêm mãi khúc ra cho nên càng già càng dài.

Người ta phân biệt ra cả thảy năm thứ sán, thứ thường nhất là «le taenia solium ou armé» là thứ sán đầu như đầu tiêm có răng móc, và thứ «le taenia saginata» là thứ sán to không đầu không móc gì cả.

Thường thì mỗi người mỗi lượt chỉ có một con sán thôi, vì thế người ta mới gọi là Ver solitaire sán độc, nhưng cũng có khi có một vài bệnh lạ, người ta đã thấy có người một lượt có đến 59 con sán !

Sán thường hay ở trong ruột non. Trong những khúc nó sinh trứng và cả cơ thể được cái cũng một chỗ ấy vì con sán là loài kiềm cả thụ-hùng. Khi những trứng ấy mãn-thời thì những cái khúc ấy hoặc đứt ra từng khúc một, hoặc mấy khúc dính với nhau rồi lẫn vào phân mà ra. Những khúc đứt ra ấy là ở đằng đuôi đứt dần tưởng chừng thế thì tất là con sán phải ngắn đi, nhưng nó là giống trùng phàm lắm nên nó lại càng ăn thêm cổ vào cho bù vào những khúc đứt mà lại có khi lại mọc dài thêm ra nữa, càng già lại càng dài.

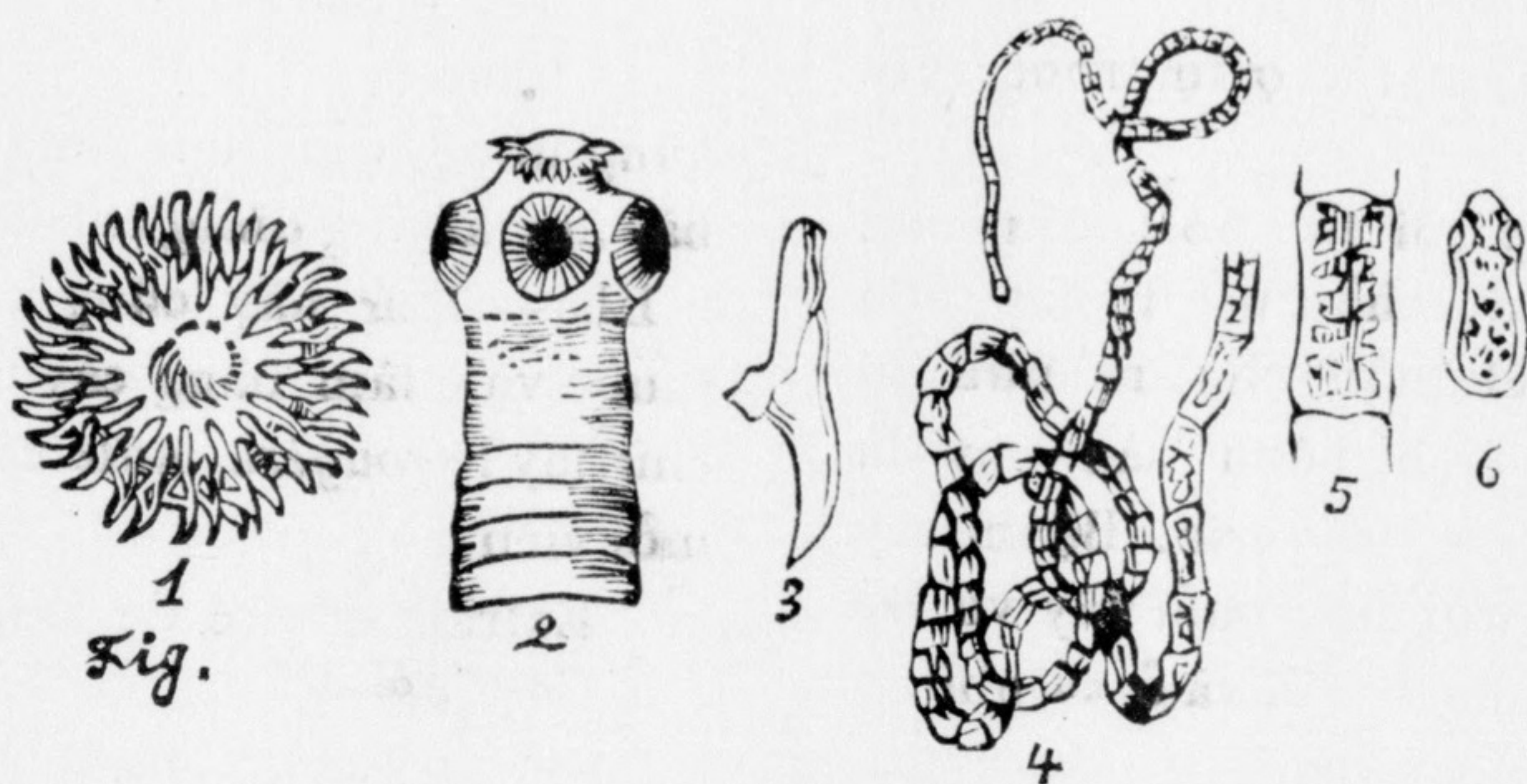
Những trứng sán ra như thế sống được khá lâu để lợn gà trâu chó ăn phải rồi hoặc gián-tiếp,

hoặc trực-tiếp lây vung ra. Những vỏ trứng ấy hễ gặp nước chua để tiêu hóa thì tan ra thế là nở con. Những con ấy nhỏ lắm nhưng cũng đã có sáu răng rồi, nó chui ra ngoài ống tiêu hóa dễ lắm rồi lọt vào huyết quản thế là

đưa thẳng vào tim rồi theo với huyết lưu hành ra các bắp thịt và các cơ thể rồi cứ rúc mãi vào.

Khi nó đến chỗ nào lưu lại là nó ở đấy mà nhớn mãi ra, mau lắm, vào trong ruột, mọc ra một cái đầu có ống hút, chỉ độ vài ba tháng đã thành thân là bào-trùng 胞蟲 vésicules ou cysticerques (nghĩa là hình như cái bong bóng có đuôi). Khi ấy là cứ nó ngổ yên rồi thành hẳn ra sán đấy.

Ấy đấy, nếu người ta ăn phải thịt trâu, thịt bò thịt lợn, thịt chó, có sán ấy, bị một hai cái trứng nó vào, rồi bị nước chua tan vỏ nở sán con ra «scolex» nó hút dính vào trong ruột; nhớn lên dài mãi ra, thế là chỉ hai ba tháng, là đi đại tiện đã thấy những khúc sán ra đấy.



Suy thế thì biết rằng người ở xứ hay ăn thịt sống hay là nấu không kỹ thì thường có sán. Vì vậy, nên ở Abyssinie là xứ rừng núi thuộc về phía đông châu Phi những thổ nhân có sán ngay từ thuở nhỏ.

Trứng sán sống giai lắm. Muốn cho nó ung đi không nở thì tắt phải nóng đến 46 độ mới được.

Có một điều lạ là thịt lợn, thịt chó thì sinh sán có đầu *Taenia solium* mà thịt bò nếu có sinh sán thì chỉ sinh thứ sán to *Taenia saginata*. Xem người bệnh thì đủ biết là ăn phải thứ thịt gì.

Nhưng thịt bò thịt cừu thì lành và bồ, người ta vẫn dùng thịt sống để nuôi những người ốm bệnh lao hay thiếu máu để mau bổ sức.

Người ta không ăn thịt gì mà cũng có thể mắc bệnh sán có đầu được.

1.) Hoặc giả ăn rau sống như củ cải đỏ, quả dâu-tây mà bón phân có trứng sán.

2.) Hoặc giả tự nhiên hô hấp phải trứng sán nuốt xuống ruột rồi gio những lúc ợ tự trong ruột lợn lên gia-giày.

Khi sán nở trong gia-giày rồi thì nó chui ra lọt vào huyết quản, lưu hành đi khắp nơi trong thân thể người ta; hề nó ở huyết quản chui ra nữa thì bọ dâu nó bám đấy. Thế là bị bệnh sâu hay là bệnh có ròi cysticercose ou ladrerie. Bệnh này thì chỉ phát ra ở những người hay phải vầy vò đồ gio bản, như bọn mũi-thung, đồ rác, và ở cả những người hàng thịt lợn, thịt chó nữa.

Những con trùng ấy hay bám ở trong mắt, trong gân trong tử, trong gia, vân vân.....

Bệnh này cũng nguy hiểm lắm, nếu trong mắt có trùng ấy thì mù, mà nếu trong óc có thì đến chết.

Chúng tôi mong rằng các độc-giả hiểu thấu những nỗi nguy hiểm, kiêng sao cho đừng hô hấp phải những trùng độc ấy mà nhất là giữ gìn chớ ăn phải trứng sán.

Nhà nước cho khám thịt các lò ở các tỉnh thành lớn ở Đông-Pháp, các viên thú-y bắt vớt những thịt có bệnh, vì nhất là lợn ở đây hay có bệnh ròi (bệnh gạo) lắm. Việc khám ra cũng dễ, cứ xem những gạo trắng trắng ở dưới lưỡi. Con lợn nào có bệnh tất trong thịt có nhiều những gạo trắng ấy; thường thì có đầy cả trong quả tim. Ấy ăn phải những thịt ấy, mà lại nhất là nấu chưa chín thì ỉnh ra thứ sán có đầu ngay.

Vậy thì ăn thịt chỉ nên ăn rõ chín và đừng ăn những rau cỏ hoa quả rửa không được kỹ.

Thuốc trị bệnh sán

I. — Bài thuốc này giản dị lắm, người ta vẫn thường uống vào buổi sáng trong khi lòng không:

Hạt bí ngô hay bí ử sống (gọt bỏ vỏ cứng ngoài để nguyên cái màng sanh) rửa nhỏ:

trẻ con thì từ 25 đến 50 grammes

người nhớn từ 60 đến 100 grammes

đường 25 grammes

sữa tươi hoặc sữa hộp 60 grammes

uống làm một bận — Rồi độ 2 giờ sau uống một liều thuốc tẩy 30 grammes giàu thầu-giầu « huile de ricin ». — Trẻ con thì cứ tính mỗi tuổi là 2 gr. giàu mà cho tẩy.

II. — Bài này thì hiệu nghiệm hơn. Đến hàng thuốc tây mà cân đơn sau này:

Chloroforme 4 grammes

Sirop de sucre 30 grammes

Eau 120 grammes

cũng uống vào buổi sáng lúc đương đói. Nhưng bài này không dùng cho trẻ được.

III. — Thứ này cũng hay lắm, nó là một thứ thuốc viên làm bằng cây guột, chữ nho là 縮馬 chữ tây là *jougère mâle* các hàng thuốc tây có bán, mỗi viên có:

Extrait éthéré de fougère mâle 0gr.50

Calomel 0gr.05

Cách uống thì phải thế này:

Chiều hôm trước nhin đói rồi thật rửa ruột. Sáng hôm sau lòng không, cứ mỗi 10 phút uống hai viên, cho đến 16 viên. (Trẻ con từ 5 đến 10 tuổi thì uống 3 hay là 4 viên thôi). Cách 2 giờ sau thì uống thuốc tẩy, nhưng phải dùng 20 gr. d'eau de vie allemande, chứ đừng dùng giàu thầu-giầu vì giàu thầu-giầu và giàu guột kỵ nhau thành độc.

IV. — Thứ thuốc này cũng hay, gọi là « la pel-letière » làm bằng tiết vỏ rễ lựu rừng 石榴皮

Cách uống:

Chiều hôm trước thật rửa ruột, chỉ được uống sữa thôi. Sáng hôm sau nhin đói uống:

0gr.30 de sulfate de pelletière

0gr.50 de tannin

100gr. d'eau

hòa lẫn với nhau làm một. Độ 10 phút sau uống thêm một cốc nước lã, 45 phút nữa thì uống 30gr. d'huile de ricin để tẩy.

V. — Lại một thứ thuốc nữa là *le thymol ou acide thymique*. Mỗi giờ uống một viên 1gr, uống cả thầy 3 viên (trẻ con thì chỉ uống 0gr.50 là đủ). Cách một giờ uống một liều thuốc tây bằng 30gr. sulfate de soude.

Ngày nào uống thuốc thì chỉ được uống nước lã thôi vì chất thymol phải rượu vang, rượu bia,

giàu hoặc ê-te cũng tan cả, thì thành độc.

Uống thuốc xong nên nằm nghỉ, kéo mà chóng mặt hoặc hay ợ.

Hễ thấy con sản ra toàn cả mới là thực khỏi nếu còn sót khúc thì nó lại sinh ra được, lại phải đợi hai ba tháng mới uống thuốc nữa.

Một người khán hộ tập sự

TRƯỜNG GIẬY NGƯỜI MÙ

Còn gì thương tâm bằng trông thấy một người mù lòa, không biết sinh nhai cách nào, thế cùng phải giở đường bằng gậy, bay lầy một con chó làm hướng đạo mà đi hành-khất trong các phố. Ngũ quan của ta rất can hệ đến sự sống, nếu thiếu một cũng đủ làm cho người phải chịu nhiều sự thiệt thòi. Vì nhẽ ấy mà các nhà có lòng với nhân loại đã nghĩ hết cách cho người mù lòa chánh được cảnh « hành khất » như ta vừa mới nói đây.

Trong đám người có nhiệt-âm ấy ta cần nhắc đến ông Valentin Haüy là người Pháp đã nghĩ ra, trước nhất một thứ chữ trạm nổi (*caractères en relief*) để người mù cũng có thể học được. Người mù mà học được câu truyện mới kỳ thay. Hiện nay ở các nước đều có trường học người mù, mà nhờ những trường học ấy người mù tuy « hổng » hai con mắt cũng có thể có nghề sinh nhai được. Khen thay cái trí sáng kiến có ích cho nhân loại.



Ta nói truyện các nước có trường người mù thì ít ai tin, nay xin kể ngay truyện nước nhà cho rõ rệt.

Một phóng viên một tờ báo Pháp ở Nam-Kỳ vừa viết bài tường thuật thăm trường người mù trong tờ báo *La Dépêche Coloniale* lược sau đây :

« Những người mù sứ này cả ngày chỉ lang thang ngoài đường, mong người có lòng nhân bố thí cơm gạo cho. đến tối thì lại không biết đem thân gửi vào nơi nào. Thật người mù ở nước Nam không từng được biết đến những việc làm, những việc làm ấy đã khiến cho người ta được sung sướng và thỏa lòng.

« Năm 1899 một người mù tên là Nguyễn-văn Chi nghĩ ra một cách cứu vớt những người tàn tật như mình. Anh ta cũng đem họ về ở chung một nhà nhưng cái lòng biết thương người ấy không sao giữ cho hết được vì anh ta không đủ lực. May thay lúc ấy những quan cai-trị của nước Pháp đem lòng cổ cấp đến. Đến nay trường học người mù nhờ ngân quỹ châu cấp đã thành lập ở trên một khoảng đất rất rộng rãi và đã khánh thành ngày 30 Décembre 1929. — Trường này hiện đã nhận được hơn 40 người mù.

« Trên quãng đường từ Cholon đến Saigon, có một con đường thông cù rộng rãi : ấy là đường Thomson, ven đường có một cái nhà mới dựng rất nguy nga đó là trường học người mù.

« Khi chúng tôi tới nơi ông đốc trường là Luzergues ra nghênh tiếp và đưa vào xem các lớp. Bên tay phải chúng tôi kia mấy cậu học trò đang viết ám-tả, bên tay trái nọ mấy người nhơn đang ngồi nghĩ mấy cái tính đồ. Những học trò đều học bằng tay. Mười ngón tay của họ hình như chạy trên một quyển sách viết riêng. Còn tay ông giáo thì cũng chạy trên quyển sách có bài giầy, ông đốc và các ông giáo đều nói mấy chúng tôi rằng : « thưa ông chúng tôi sở dĩ học được là nhờ lối chữ Braille cả. »

« Ta đừng tưởng cái trường học người mù là
« buồn đâu. Kia ngoài hiên tiếng cười nói, đó là
« mấy cậu học trò súm nhau học đàn rô già. Họ
« không biết có chúng tôi đến mới vui đùa như
« vậy.

« Chúng tôi lại theo ông đốc sang thăm nhà ăn,
« nhà ăn này rất sạch sẽ, mặt bàn ăn đều làm
« bằng đá; rồi qua nhà ngủ, giường kê sắp hàng
« cái nào cũng gọn gàng. Lại có phòng riêng để
« hòa nhạc. Một bọn học trò mù hòa nhạc cũng có
« khi giúp cả cho các hội-hè ngoài tỉnh.

« Một phòng rất nên chú ý là xưởng giấy nghề :
« nào mấy người thợ đang ngồi làm bàn chải, kẻ
« khác lại làm chổi, một bọn nữa đang đan đồ
« bằng mây. Ông Đốc lại có xin được cả máy móc
« dùng trong công việc, khi trước những đồ dùng
« trong trường như chổi, cán chổi v.v. đều phải mua ở
« ngoài. Bây giờ những đồ dùng đều do tay học
« trò chế ra cả, mà những đồ dùng ấy không kém
« gì những thứ ở Âu-châu. Ông đốc lại cho biết
« rằng những chổi và bàn-chải của học trò năm
« vừa rồi đem bán được 75.000f phật lạng (tức là

« 7500\$) ông lại chắc sang năm số tiền ấy sẽ tăng
« lên vì hiện các sở nhà nước đều có đặt cho học
« trò làm.

« Những học trò mù đều có lương, cũng có người
« có gia quyến thì ở ngoài, nhà trường cho làm
« việc để lấy tiền sinh nhai, còn những học trò
« nghèo, phần nhiều là ít tuổi, đều ăn ở trong
« trường.

« Xem thế thì ở Nam-Kỳ, người mù đã có một
« nơi cơ sở, họ có thể có nghề nghiệp khỏi phải
« ngửa tay đi xin. Giữ được cho họ có phẩm giá
« như thế ta cũng tự lấy làm mãn nguyện.

« Chúng tôi bước chân ra khỏi nhà trường trong
« lòng lấy làm vui sướng vì nước Pháp đã ra tay
« dìu dắt được những người mù ở xứ này. »

Xem câu chuyện trên đây thì lập một trường học
người mù tưởng cũng là một cái ý kiến rất hay và
đổi với nhân loại lại là một cái quả phúc rất to vậy

TIỀN-ĐÀM

VỆ-SINH CHỖN HƯƠNG THÔN

(Tiếp theo trang 12)

Rất cách ấy cũng sạch sẽ trắng chẻo chẳng kém
gì rất bằng sà-phòng.

Ấy đây vệ sinh sạch sẽ như thế có tốn gì thêm tiền
đâu. Thực là những thứ rẻ tiền, ta thường sẵn có
ở trước mắt, can chi mà ta lại khinh thường không
dùng.

Nếu ta nhãng việc vệ sinh là ta lười biếng, hoặc
cẩu thả, thế nào xong thì thôi, không chịu để tâm
suy xét. Đâu có bệnh tật yếu đau cũng cho là tự

nhiên phải khi thế, không biết là thiếu vệ sinh mà
thành hại.

« Cổ-nhân đã có câu rằng : Đói cho sạch rách, cho
thơm » như thế thì đủ biết rằng ta từ ngày xưa
cũng cần sự sạch sẽ chứ chẳng phải mới bây giờ.
Sao nhãng đi là tự mình sao nhãng đấy thôi.

Vậy thì vệ sinh là sự rất cần, mà sạch sẽ
cũng không mất tiền nữa. Ta phải nên lưu tâm
mới được.



DƯ LUẬN

TRONG XÃ-HỘI

GIAO - THIỆP VỚI NHAU NÊN DỪNG TIẾNG GÌ ?

Câu hỏi mới lạ thay ! người mình thì lại dùng tiếng gì nữa ! Anglais chẳng ? Allemand, Espagnol chẳng ? Nguyên do câu hỏi đó ở bước đường dở-dang dang-dở của xã-hội ngày nay.

Kìa, đề mắt mà coi, lắng tai mà nghe, ngoài phố thiếu gì áo the thâm « casque » trắng, âu phục răng đen ; thầy quyền chuyện trò với bạn « uầy » (oui) những tiếng to tướng ; trên tàu điện, « toa » với « moa » (toi et moi), người học-thức đối-địch nhau kịch-liệt ; trong nhà « sa va » (ça va) lẫn với câu « buôn bán phát tài, làm ăn thịnh vượng » một cách náo nhiệt lạ lùng.

Ấy là kẻ tạp nham, chứ lắm quang-cảnh tối-tăm, ta không chế vào đâu được : cử-chỉ mạnh bạo, ca-vát phất phới, « mossant » cùng « tirard » lệch vẹo một bên, thuốc lá phì phèo, câu chuyện nhanh tit.

Nước nhà tiến-bộ thật ! Song ta nên bỏ dần con đường vật-chất là con đường ta không tránh-khỏi được nhưng ta kèm-giữ được, mà gắng theo con đường tinh-thần là con đường mà tâm-trí nhân-loại đã bước tới nay.

Ngòi bút tôi đả-động một vấn-đề bao-la rồi ! Tôi xin trở lại mà bàn về thứ tiếng nên dùng trong sự giao-thiệp với nhau.

...

Trong độc-giả hẳn chẳng ai đợi tôi đáp : trong sự giao-thiệp nên dùng Anglais, Allemand hay Espagnol gì đó. Vâng, tôi chỉ trả-lời bằng một câu tâm-thường, tôi chỉ đáp rằng nên dùng Quốc-Văn hơn hầu hết các tiếng khác.

Nên dùng Quốc-Văn, vì dùng Quốc-Văn tức là duy-tri cái tinh-thần của nước, cái tinh-thần mà không phải ta nên giữ cho nguyên-vẹn nhưng ta nên sửa-đổi và tu-bổ cho hoàn toàn.

Nên dùng Quốc-Văn, vì Quốc-Văn còn tập-tễnh, chưa bước vững-vàng được vào con đường chính-dáng, vì còn chằm-nom sâu-sóc, thì Quốc-Văn mới mau tấn-tới được. Nếu được thể nền học

ngày nay là nền học mới-mẻ, mà ta trềnh-mảng, ta nhăng bỏ Quốc-Văn, thì đành Quốc-Văn chịn mãi một số-phận là tiếng nói của một nước thấp-hèn, không bao giờ thành được một cái văn-chương bền-chặt, đã cùng nghìn xuân hơn-hở mà chào mừng dân trong nước, đã cùng những ngọn ánh sáng của trí-khôn gây-dựng mà trồng-trất trong các thư-viện, lan rộng khắp dân-gian.

Nếu dùng Quốc-Văn, vì dùng tiếng khác tức là bỏ qua một cách tu-bổ cho nền Quốc-Văn, mà tiếng « lai » thì nhớ-nhăng nhăng-nhố không ra thể-thống gì.

...

Không phải tôi cho là, muốn tu-bổ cho nền Quốc-Văn, ta chỉ cần trong việc học có một thứ tiếng là Quốc-Văn mà thôi.

Không, không phải thế. Văn-chương một nước là tinh-thần của một nước. Vậy, muốn hấp-thụ cái tinh-thần của một nước văn-minh hơn nước mình, ắt ta phải học cái văn-chương của nước ấy. Nhất một nước giao-tiếp với nước mình và văn-minh hơn nước mình như nước Pháp, thì văn-chương lại càng đáng công ta rèn-luyện mà ta cũng cần rèn-luyện vậy.

Trong lúc này, học cho thâm-thúy cái văn-chương của nước Pháp càng là một việc tiện-lợi và cần-thiết trong việc tu-bổ cho nền Quốc-Văn. Nhà cựu-học không thể lấy cái tài-học của mình mà gánh-vác mọi việc cho thập-phần hoàn-hảo trong buổi tân-thời. Ít ra, ta phải noi bước đường của nhân-loại được ly-chút ; ít ra nhà cựu-học cũng phải có đọc sách « mới » vậy. Ngọn đèn rực-rỡ mà loài người đã trung-đúc lên được nó chia ra từng ngành từng ngọn nhỏ, các ngành các ngọn đều có quan-hệ mật-thiết với nhau. Muốn khảo-cứu một ngành một ngọn, ta cần biết cả đến ngành-ngọn khác, khúc-nhôi nó ra làm sao, những tia của nó thế nào vân vân... Bởi vậy một nhà văn-sĩ thật hữu-ích cho nước, có tài-cán

mà giải-quyết mọi nỗi khó-khăn, cần là một bậc thông-thái nữa, chứ không phải bậc văn-học mà thôi.

Bọn thiếu-niên ngày nay cần phải bước xa vào con đường tinh-thần Châu-Âu, thấu nhận các tia sáng của nước văn-minh, mới đào tạo lên được những tia sáng mà hiện nước nhà sốt lòng mong đợi. Đây là một điều các thiếu-niên yêu Quốc-Văn nên biết, mà nhà văn-sĩ dở-dang cũng nên biết cho đỡ nổi hại đồng bào.

* * *

Đành rằng muốn tu-bổ cho nền Quốc-Văn, ta cần rèn-luyện cả cái văn-chương nước người; đành rằng tiếng nước người là một tiếng cần cho sự tiến-thủ của ta; song đó không phải là một cơ đủ để ta sao-nhăng tiếng nước ta, một cơ bó-buộc ta trong khi giao-thiệp với nhau, cũng phải dùng tiếng khác tiếng nước ta, hoặc chẳng là tiếng nước ta hẳn.

Hiện-thời có những tật sau này, ta cần bỏ ngay đi. Gọi là tật vì ở thói-quen, ở sự a-dua mà ra, song chính là những bệnh ta cần chữa vì nó có hại thấm-thía đến nền Quốc-văn,

Các bậc học-thức, nghĩa là có rõ được nhiều điều có ích cho dân ngu-hèn, thường bày-tỏ ý-tưởng bằng tiếng nước người hơn bằng tiếng nước mình, chơn-chầy, gợn gàng, rành-mạch hơn là bày-tỏ bằng tiếng nước mình.

Hoặc họ ăn-nói hoạt-bát, không vấp vấp, nhưng thường phải đá tiếng nước người vào mới bày-tỏ ý-tưởng của mình cho hết được, đó là một tật,

Ta hằng kể hai tật đó mà kêu to lên rằng hai tật đó ở sự kém luyện-rèn Quốc-Văn, ở sự ít dùng Quốc-Văn hơn dùng văn-chương nước người mà ra.

Muốn bài-trừ những tật đó, cần kiên-gan một chút, cần tập những thói-quen trái hẳn những thói-quen vừa kể trên, nghĩa là tập những thói-quen tốt vậy. Dùng tiếng nước người năm phần

thì dùng tiếng nước nhà ít cũng là năm phần. Viết tiếng nước người được văn nùng-não êm-đềm như văn tiên-sinh Lamartine, hùng-tráng cao-thượng như văn Buffon chẳng nữa, cũng chẳng gở lại được cái tội viết tiếng nước mình nặng-nhọc như kéo gỗ, đọc lên chẳng mấy ai hiểu cả.

Tôi chủ-ý bàn về tiếng nên dùng trong khi giao thiệp với nhau. Vậy tôi kết luận đoạn này rằng: trong khi giao-thiệp với nhau, ta chỉ nên dùng Quốc-văn. Hoặc giả nếu cái « cần » nó buộc ta, nếu ta chẳng muốn ăn nói sai lầm cái tiếng rất cần trong xã-hội, thì ta nên vạch cho ta một cái trượng trình, cứ đó mà theo cơ-hội nào nên dùng tiếng nào, những lúc nào nên tập nói tiếng nào văn văn ... Thiết-tưởng đó cũng chẳng có hại gì, xã-hộ cũng lượng-xét cho ta vậy. Ta chẳng học văn-chương nước Pháp, đọc sách viết bằng văn-chương nước Pháp viết tiếng nước Pháp hàng ngày sao?

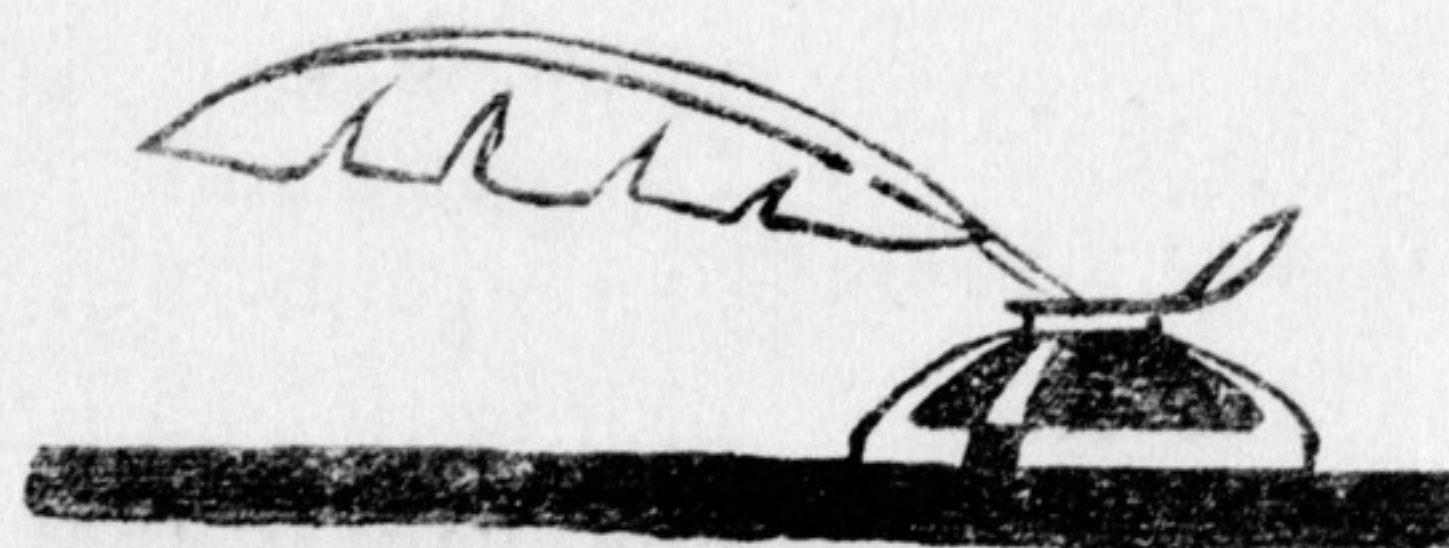
...

Tôi xin thú thật rằng tuy tôi viết bài này mà tôi cũng có những thói quen kể ở trên. Thói quen thường mạnh hơn sức muốn, đó là nghĩa câu tiếng Pháp: « L'habitude est souvent plus forte que la volonté » Hỡi ai là người đồng-bệnh, mau mau tìm phương cứu chữa!

Ta nên biết rằng trong xã-hội ta người ăn nói đứng-mực, chơn chầy, không hề run-rẩy luống-cuống ở trước công-chúng bất thình lình, thì thật là hiếm. Người ăn nói đứng đắn mà có duyên dằm thắm cái vẻ mặn-mà nó làm ta phải ham-mê say đắm câu chuyện, lại càng hiếm nữa. Ta nên coi đó là một cái yếu hèn của ta, yếu hèn vì giáo dục còn kém cỏi.

Ước mong rằng Quốc-văn ngày một hoàn-hảo, lắm vẻ đáng yêu, đáng trọng. Dùng toàn Quốc-văn mà giao-thiệp với nhau cũng là một cách tu-bổ cho nền Quốc-văn vậy.

Bạch-nang-Thi



NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHO TA HANG NGAY

Công-Nghệ

Thuốc đánh đồng hồ

Máy đồng hồ dù nhỏ hay lớn, vì có lẫn cả thép và đồng cho nên lúc đánh cần phải trộn thuốc cẩn thận, nhất là các máy nhỏ.

Thứ thuốc chế theo bài sau này dùng rất tốt và không có hại :

Nước mưa..... 80gr.
Acide oxalique (thảo toan).... 3 »
Rượu mạnh..... 20 »
Ammoniaque (nước đại quý). 10 »
Sà phòng đen. 15 »

Đem bấy nhiêu vị hòa lẫn với nhau thì thành thuốc đánh đồng hồ.

Cách dùng như sau này :

Đem các bộ phận máy đồng hồ ngâm vào đó trong 15 phút vớt ra, lấy bàn chải hoặc bút lông đánh qua rồi rửa. Sau hết ủ vào một cửa nóng cho khô.

Khoa học nhật-dụng

G ấ y vàng in thạch bản

Trong nghề in thạch-bản, cần phải có một thứ giấy có tráng thuốc, thường sắc vàng dùng để ấn nét chữ hoặc nét vẽ lên mặt đá.

Thứ giấy ấy Tây gọi là Papier autographique. Cách làm như sau này :

Thí dụ định làm 20 thước vuông giấy thì lấy
Bột lọc..... 180gr
Keo (a giao)..... 25 »
Nước..... 4 lít

Trước hết ngâm keo vào nước cho mềm rồi đun cho tan hết.

Trong lúc ấy hòa bột vào ít nước lạnh cho nhuyễn ra, rồi đợi khi keo tan hết thì vừa quấy vừa đổ vào, cho đều.

Đề thuốc đó nguội hẳn, lấy một nắm bọt - bễ (éponge) hoặc cái bút lông. tẩm thuốc ấy quét lên mặt giấy; quét cả thầy ba lượt. Mỗi lượt quét lại phải để cho thật khô.

Nhưng nếu để như vậy thì khó phân biệt mặt phải mặt trái. Vì lẽ ấy cho nên thuốc nên hòa ít nước ngâm đẳng-hoàng (tức là thứ nhựa cây sắc vàng. Dùng phẩm vàng gì cũng được miễn là phải tìm thứ tan được vào nước và không có hại đến thớt thì thôi).

Chỉ quét thuốc có một mặt giấy. Nếu nhà có sẵn bàn in thạch thì nên kẻ ngang dọc theo như của Tây để tiện viết và vẽ.

Gia-dình công-nghệ

Vải đánh đồng

Ở Âu-châu người ta thường hay bán một thứ vải có tẩm thuốc sẵn, chỉ việc mua về là dùng đánh các đồ đồng ngay được.

Cách làm thứ vải ấy như sau này :

Trước hết nấu 175gr. sà-phòng trắng bào nhỏ với 1 lít nước. Đun cho tan hết ra rồi quấy thêm 175gr phấn tripoli vào.

Đánh đều lên. Lấy vải dúng vào rồi đem phơi.

...

Xi gắn bao thơ

Xi này làm rất dễ : chỉ việc đem các thứ nhựa đun chảy lỏng, rồi quấy một thứ phẩm bột vào, cho thành ra màu.

Có ba bài sau này:

	Thượng Hạng	Hạng chung bình	Hạng thường
Cánh kiến.....	500	200	200
Nhựa thông.....	250	100	150
Cánh kiến trắng »		15	15
Đất thó trắng »		50	150
(tán nhỏ)			
Phẩm	250	100	75

Muốn màu đỏ thì dùng son Tàu. màu lam thì dùng phẩm bleu de Prusse. v. v.

Muốn làm xi vàng, xi bạc thì cho nhũ kim bột aluminium.

Đun xong đem đổ vào khuôn. Hết xi đặc rồi thì đem hơ lên lửa cho mặt ngoài nó nhẵn bóng lên và đóng giấu hiệu.

Trần-văn-Hựu

CHUYỆN TIỀN

Một phép tính lạ

Phép tính lạ nói đây không phải là tính cộng, không giống tính trừ, không như tính nhân mà cũng không là tính chia. Phép tính lạ này gồm cả bốn phép cộng, trừ, nhân, chia. Tuy nhiên không phải là một phép tính đổ.

Đến đây tạm đánh cái dấu hỏi. Xin độc-giả thử đoán trước xem sao? Phép tính này đầu gọi là lạ, là vì không mấy người để ý tính đến; nhưng thật là một phép tính phổ thông trong tư-dân ta không nên thử tính đến vậy.

Muốn giải bày cho rõ rệt phép tính lạ này, xin hãy lấy một tỉnh Hanoi làm con số nguyên-nhân. hãy tạm đặt là số một.... 1

Thứ chi, đến đây các nhà ca-lâu tửu-quán ở xung quanh Hanoi này ước chừng bao nhiêu nóc? Ký giả chưa được hết vào làng chơi sành sỏi nên chỉ sẩy tạm một con số đoán phỏng chừng thôi. Muốn tính cho thật đúng xin nhường các bậc làng chơi lịch-duyet cho biết đích cái số nhà trò trong mấy óm Bình-khang ở xung-quanh vùng Ha-nội là bao nhiêu và những nhà cao-lâu Khách, café Tây, tiệm thuốc phiện của ta là bao nhiêu? Nay tôi xin tạm dùng những số sau này:

Sóm Bình-khang Thái-Hà-Ấp.....	20	nhà trò
Phố Khâm-Thiên.....	100	—
Hai-mươi-bốn-gian.....	15	—
Hàng-mã, Vạn-thái và chợ Mơ.....	100	—
Ngã Tư-sở và những nơi gần thành		
Thăng long, các quan-viên Hanoi có		
thể mò đến được luôn, độ.....	30	—
Tổng-cộng..	265	nhà trò
Cao-lâu Khách Hàng-buôn.....	10	hàng
Hàng cơm tây mà ta đứng chủ.....	5	—
Các tửu-quán khác.....	10	—
Tổng-cộng....	25	nhà

Các tiệm thuốc phiện	5	tiệm
Đồ đồng trong một tối đầu tháng		
lương mỗi một nhà trò thu được		
15 \$ thì 265 nhà là :	$15 \times 265 = 3975$	\$ 00
mỗi hàng cơm thu được 50 \$		
thì 25 hàng là :	$= 1250$	»
Mỗi tiệm thuốc phiện thu		
được 10 \$ 00 thì 5 tiệm là :	$= 30$	»
Tổng cộng	5275	\$ 00

Đó là không có kể những ông « Hoàng » nông chơi rôm coi tiền như rác, nhân lúc cao hứng vút ra vô ngần! Lấy một tỉnh Hanoi mỗi tháng một đêm đầu tháng lương đã mất 5275 \$ 00. Trong một năm 12 tháng mất : $5275 \times 12 = 63300$ \$ 00. Mất sáu vạn ba nghìn ba trăm đồng trong một năm ở riêng một tỉnh Hanoi này valại là lấy số tiêu đồ đồng trong mỗi tháng có một tối đầu kỳ lĩnh lương. Một số lớn thay! Xin các quan-viên trong làng chơi biết cho rằng : cái số 63.300 đồng đó chỉ là mất số phỏng ít đấy thôi. Chắc còn mất nhiều hơn thế nữa. Nhưng tôi cũng tạm trừ đi một nửa mà kể có 63.300 đồng chia đôi nghĩa là có 31.650 đồng. Còn một nửa kia là để nhường phần các bạn làng chơi còn phải tiêu đến trong một năm. Vì có làm phải có ăn chơi, chơi để tiêu sầu khiến hưng. Vậy trong một thành-phố Hanoi trong một năm bỏ phí ra 31650 đồng đã là quá lắm rồi. Còn một nửa 31650 đồng kia xin các quan-viên làng chơi cúng vào. Viện Tế-bần hay cơ-quan-cứu tế khác để tế-độ những kẻ nghèo khó lâm cơn tai nạn bất kỳ. Hay là đem dùng mở một xưởng thợ hay công-ty buôn nào để mộ người làm cứu vớt những hạng học thức dở dang trong nước đại đa số lông bông không công việc gì. Hược như thế thật là một sự hạnh-phúc cho tương lai nước nhà lắm lắm ! Các nhà du-tử nghĩ sao?

CÂU TRUYỆN VUI

Một con chó kỳ khôi

Quan nguyên thủ tướng Pháp Clémenceau có một con chó giống foxterrier rất khôn ngoan.

Con chó ấy có tính thích đi giông một mình và thời thường chốn nhà đi đến 4, 5 hôm có khi đi xa mãi đến những miền lân cận kinh thành Paris. Khi nó đã mệt thì không tự nó đi chân về, nó khôn ngoan kiếm cách cho khỏi mỗi chân, nếu có cái xe ngựa nào chở hành khách qua đây mà đồ cho khách xuống là nó chèo lên chui vào trong sẽ nghiêm nhiên như một người hành khách. Người đánh xe, có bắt gặp, đuổi xuống xe, một chốc lại thấy nó ở trong xe, sau dần chịu để vậy. Đến khi nhìn cái vòng gia ở cổ thấy tên và chỗ ở của quan nguyên thủ tướng là một người có danh tiếng trong nước, anh đánh xe, nhân dịp đem giả con chó cho chủ mà lĩnh tiền thưởng

Thường quan thủ tướng Clémenceau nói truyện với bạn rằng: con chó fox của tôi đã làm cho tôi mất bao nhiêu tiền phí tổn về những cuộc ngao du của nó

TIÊN-ĐÀM thuật

Truyện âm - phủ

Dưới Âm-phủ, có sở Đàng-trần, làm việc phát giấy thông-hành cho các giống được đầu-thai lên Dương-thế. Người nào kiếp trước tu-nhân tích-đức, hoặc giống nào đã mãn-hạn làm kiếp súc-vật thì Diêm-Vương cấp cho một bản nghị-định cho đầu-thai lên làm người; còn kẻ nào khi xưa bạc-ác bất-nhân thì lại phải đầu-thai lên làm súc-vật để trả nợ đời.

Người hoặc vật được lên Dương-Thế phải mang nghị-định của Diêm-Vương cấp cho, đưa trình ông « sếp » sở Đàng-Trần để ngài áp triện, sai các viên-chức dưới quyền vào sổ, rồi truyền cho quỷ-sứ dẫn lên, chỉ cửa cho mà đầu-thai.

Các viên-chức sở này, chẳng rõ vì vô ý hay hữu tình, giấy má cứ vào sổ nhầm luôn luôn. Thành thử có người đáng lẽ phải lên làm súc-vật lại được lên làm người, mà có vật đáng lẽ được lên làm người, lại phải tái hồi làm súc-vật một kiếp nữa.

Trên đời ta thường có lắm kẻ mặt dạng thì là người mà bụng dạ thì là thú. Có lẽ cũng bởi các viên-chức sở Đàng-Trần dưới Âm-phủ vào sổ nhầm chăng?

Xin có bức thư ngỏ trong Tứ-Dân-Tạp-Chí, cùng đức Diêm-Vương, yêu cầu ngài « Khiển trách ghi hồ-sơ » những viên làm vậy, để dân trên Dương-Thế được toàn người tử-lẽ cả.

H. T. H.

MỘT CŨ MỘT MỚI



Trông người lại ngắm đến ta,
Đủ ngần ấy nét mới là người soi!
Hắn có như nhời?





Cậu bé cau - đàm

8 giờ tối, sau khi con quạ lửa bay về ẩn ở non tây, mà khí nóng mùa hè vẫn còn nung nấu người trần rứt là u uất khó chịu. Bông đầu ở mé đông một đám mây đen đùn đùn từ chân trời khua lên rồi kể đến gió thổi âm âm, mưa như chút nước, sấm sét vang động cả một góc trời.

— Nắng lâu gặp chận mưa rào khí trời nóng nực bông hóa ra mát mẻ ai ai cũng vui mừng rằng đêm nay sẽ được ngủ ngon giấc đề bù lại mấy đêm hôm trước. Cậu Dũng Sinh đương đứng rửa chân ở đầu hè, vẫn vợ nói chuyện một mình như vậy. Chợt nghe tiếng chó sủa ngoài ngõ hình như có người gọi cửa. Cậu vội vàng vớ cái nón đội lên đầu chạy ra. Thôi té ra anh phu trạm đưa cái giấy thép ở trạm phủ mới mang về.

Nhận gấy xong, đóng cửa lại cậu tắt tả chạy vào nhà dờ lên bóng đèn dờ ra xem thời thấy :

« Ông Hoàn mất hồi ba giờ chiều »

— Chết rồi chú ta chết mất rồi ! thày để ta ra tỉnh vắng. Em ta còn bé, biết tính sao bây giờ ai đi báo tin này cho cô ta biết được.

Nguyên cậu Dũng - Sinh có một người cô lấy chồng ở làng Hiếu-hiệp tên là Lê - đình - Hoàn vẫn buôn hàng chuyển lên Laokay bán. Không may lần này bị cảm nên chết ở trên ấy.

Làng Hiếu-hiệp cách làng Thương-nghĩa (làng cậu Dũng-Sinh) một cánh đồng khá giải đến ngoài 2 kilômetre.

Được tin giữ dội này, cậu nhanh trí nghĩ vội dỗ em đi ngủ. rồi cậu đầu đội nón dứa vai khoác áo to, tay trống cái gậy tre, khóa chái cửa lại rồi rảo cẳng ra đi.

Đi đâu ?... Đêm tối như mực, giờ vẫn mưa gió vẫn thổi, sấm chớp vẫn âm âm vang động, cậu Dũng-Sinh chẳng hề dưng sợ chút chi, quyết lần đem được bức điện tín này sang báo tin cho cô hay.

Đường đi vừa chơn vừa lội cần phải dò từng bước, thỉnh thoảng nhờ có chớp sáng cậu mới nhận được lối đi. Khá khen thay cậu bé con mới 13 tuổi đầu, dám bạo gan xông pha mưa gió tối tăm mà đi. Tuy vậy cậu không khỏi nghĩ :

— Quái lạ ! mọi khi mình đi không mấy chốc đã tới, mà sao lần này đi lâu dữ vậy, hay là ta bị ma dữ chẳng ?

Nói đến tiếng ma cậu dợn cả tóc gáy dừng chân ngay lại tiến lên cũng dờ, lui về cũng tội cậu đành đứng phơ thân giữa trời mưa đêm tối mà trù trù nghĩ ngợi. — Văng vẳng lại nghe có tiếng thở hồng hộc đuổi theo sau lưng, cậu lại càng kinh sợ bộ phận.

Bông đầu một tia ánh sáng từ trong óc cậu lờ ra, làm cho cậu định thần lại mà bụng bảo dạ rằng :

— Thần hồn nát thần tính, chứ chẳng có ma quỷ nào cả ; sở dĩ mình đi chậm là vì có hai cơ :

1. — Trời mưa đêm tối, đường đi chơn lội, phải dò từng bước mới đi được.

2. — Bởi bụng mình muốn chóng tới nơi, nên càng nghĩ lại tựa hồ càng xa hơn lên.

Cậu nghĩ tới đây đánh bạo bước tiến lên thời vừa thấy con chó mực to kèch sù của nhà cậu đã chạy đến chân cậu, ve vãn quẩn quýt hình như có dáng tình nguyện làm quân hướng lộ cho cậu.

Cậu mới vững dạ tiến lên, không bao lâu đã tới nhà Cô-Cậu mở giấy thép ra đọc cho cô nghe. Bà cô lăn khóc vang nhà cậu phải lấy nhời yên ủi cô rồi xin phép cô trở về, vì nhà vắng em bé không tiện ở lại.

Khi cậu trở về mới ra khỏi đầu làng Hiếu Hiệp thời đã thấy con chó của cậu đi trước dẫn đường.

Nhưng lần này về kuông giống như lúc đi, hạt mưa lấm tấm, ngọn gió hiu hiu, cậu thấy trong người khoan khoái dễ chịu lắm, phần thời đã làm chọn nghĩa vụ mình, phần thời đã làm được một việc mạo hiểm mà ít đứa trẻ bằng tuổi cậu có thể làm được.

Cậu đương đắc chí mãi đi quên mệt, mà có lẽ quên cả mọi sự sợ hãi xảy ra. Không bao lâu đi gần tới cái quán gạch bên đường, thời cậu xa xa trông thấy 3, 4 người lực lưỡng đương đánh chó con chó của cậu rồi khiêng vào trong quán. Con chó bị đau kêu dều dỉ, cậu nghe uểng động mới thương tâm, muốn chạy ngay lại để cứu. Xong lại sợ sức mình bé yếu địch sao nổi bọn họ, nên đành gạt lệ chào người bạn quý đã vì mình thác oan.

Nhưng cậu vẫn băn khoăn không hiểu bọn này là tuần phiên đi tuần hay tại ăn xương hợp tập

ở đây. Cậu tò mò muốn biết tung tích bọn ấy, lại nhân lúc chúng đang mải về việc đánh chó, cậu liền lén tắt xuống bờ ruộng đi ra đằng sau quán, ngồi lắng tai nghe :

Một đứa nói.

— « Hôm nay may quá ! vừa vớ được : món bỏ lại đánh được con chó này. Của thời chia, chó thời làm thịt đánh chén, còn gì khoái hơn ».

Đứa khác nói :

— « Con chó này giao cho anh Chích đem về nhà làm thịt, chốc nữa chúng ta lại đánh chén. Còn bọn đồ này ta phải chia tay. Của ai đem về nhà nấy, kéo ở đây nhớ gặp người qua lại không tiện.

— Quái! động người sau này nói nghe quen lắm Cậu Dũng-sinh lại càng bội phần hồ nghi.

Sau bọn họ chia tay mỗi người một ngã. Trong số đó có một anh người dong dỏng cao, do đường cái lớn đi về làng Thượng - nghĩa. Cậu lén nhẹ bước theo chân người ấy. Nhờ được giới mưa đêm tối: mà người đi trước cứ cầm đầu đi một mạch, nên không nhìn thấy cậu, cậu thời vẫn hăm hụi không biết người ấy là ai ?

Xa xa đường trước mặt cậu vẫn nhìn theo hút người ấy thời thấy cái bóng đen ấy đi rẽ vào ngõ Đình. Cậu vội chạy theo cho kịp. Tới nơi không thấy bóng hút đầu nữa.

Bấy giờ cậu quên hẳn mọi sự sợ hãi, chỉ nghĩ thương con chó của mình và đem tâm suy nghĩ cái sự hành động của ba người lạ ấy. Nghĩ vợ nghĩ vẫn bắt đầu đã tới nhà rồi. Cậu đóng cổng lại, rồi vào rửa chân tay, thay quần áo lên giường nằm ngủ với em cậu. Nhưng cậu có ngủ được đâu, biết bao sự mừng sợ thương hãi vẫn vương trăn trở bồn lòng, mà nhất là sự thấy ba đứa ăn trộm chia của trong quán lại càng làm cho cậu áy náy suy nghĩ không ra.

Sau cùng cậu mới nhận ra rằng hình dáng, tiếng - nói của anh ở xóm Đình là một anh thợ cày tên là Thân đã nhiều phen đến làm ruộng cho nhà cậu. Nhưng không biết chúng ăn trộm của nhà ai. Nghĩ mãi thành ra ngủ quên đi mất, lúc mặt trời mọc mới dậy thời nghe tiếng người nói sồn sào ngoài đầu xóm rằng đêm qua nhà ông Lý - Thiện bị mất trộm. Cậu đã đoán đích là bọn trộm tối hôm qua rồi, mới vội vàng chạy ngay lại nhà ông Lý Thiện kể lại việc trộm chia của ở quán đồng cho

ông lý nghe. Cậu lại xin cùng ông lý đến tường Hội đồng xin cho tuần đến khám nhà anh thợ cày kia và hiệp cùng Hội đồng làng Hiếu-hiệp đến khám nhà tên Chích thời quả nhiên tìm đủ tang vật và bắt cả 3 tên trộm ấy đem giải quan.

Khuê - Văn



LÚC ĐI HỌC

Con đi học, đi cho mau-mắn,
Chớ lững-lờ thờ-thẩn chơi đùa.
Thời giờ kia giống thoi đưa,
Hăm-tư giờ hết, ngày vừa hết thôi.
Giờ đã hết, ấy thời mất thật,
Chẳng thể nào mà giật lại đâu.
Con ơi, chớ có nô nhau,
Con không nên tạt vào đầu ngang đường
Phải đi thẳng đến trường mà học,
Phải gắng công miệng đọc tay biên.
Phải nghe thầy giáo giảng khuyên.
Phải làm mọi việc cho tuyền phận con.
Con ơi, đó, hãy nom con bướm,
Nó là loài bay lượn chơi không.
Thực đồ vô-ích vô dùng,
Có ai ưa giống chơi dong xuốt ngày ?
Con ơi, hãy xem nay con khoái,
Nó là loài thật đại hữu-công.
Lấy hoa-hị khắp Tây. Đông,
Làm thành sáp-khoái, mật-ong đó mà.
Ai thấy khoái cũng là yêu thích,
Vì siêng-năng làm ích cho đời.
Con ơi, ấy bấy nhiêu lời,
Khuyên răn con chớ có đời nào quên.
Mai sau con hẳn làm nên.

Yên-khe Đỗ-ngọc-Phượng

Trường thiên Tiểu-thuyết

ĐỀ VÍT CỐP PHIN

Nguyên văn bộ DAVID COPPERFIELD của Charles Dickens

NGUYỄN-TRUNG-DONG dịch

TÔI BỊ TỔNG ĐI KHỎI NHÀ

(Tiếp theo)

Ông Cơ-Lịch gật đầu bảo tôi:

« Lại đây, cậu! »

Người chân gỗ cũng bắt chiếc gật đầu và nói.

« Lại đây! »

Ông Cơ-Lịch nấn tai tôi, thì thảo mà rằng:

« Tôi có được biết ông bố dượng anh. Ông thực là một người đạo đức, và thẳng tính lắm. Ông biết tôi, tôi biết ông. Ông bẹo tai tôi mà chơi một cách độc ác, rồi nói tiếp: « Thế anh biết có tôi không, hử? »

Tôi đau quá, rụt ra và nói:

« Thừa ông, chưa, ạ! »

Ông Cơ-Lịch:

« Chưa, hử? Rồi thì anh sẽ biết tôi, hử? »

Người chân gỗ lại lặp lại:

« Rồi thì anh sẽ biết tôi, hử? »

Về sau tôi mới hiểu là anh chàng chân gỗ muốn dùng cái tiếng to của anh để làm cái loa cho ông Cơ-Lịch đối với học trò.

Tôi sợ quá, nói tôi cũng mong sẽ được biết ông nếu ông vui lòng cho. Suốt buổi ấy, tại tôi cứ như phải bồng, vì ông bẹo mạnh quá.

Ông Cơ-Lịch mãi mới chịu bỏ tai tôi ra, lại còn vịn thêm đi một vòng trước khi buông tay, làm cho tôi phải ứa nước mắt ra. Ông lại thì thảo mà rằng:

« Tôi sẽ bảo cho anh biết tôi là người thế nào. Tôi là một vị hung-thần. »

« Một vị hung-thần. »

Ông Cơ-Lịch:

« Tôi đã bảo tôi làm cái gì thì tôi làm. Tôi đã bảo phải làm cái gì cho tôi thì phải làm. »

Người chân gỗ lặp lại:

« Bảo phải làm cái gì cho tôi thì phải làm. »

Ông Cơ-Lịch:

« Tôi là người có tính quả quyết, đó là cái tính của tôi. Tôi làm bốn phận của tôi, đó là cái làm

của tôi. » Ông vừa ngoảnh trông Bà vừa nói tiếp:

« Người ruột thịt tôi mà nghịch với tôi, cũng không phải là ruột thịt tôi nữa. Tôi thì sẽ từ. » Hỏi người chân gỗ: « Thế cái thằng ấy nó có giở lại nữa không? »

Hắn đáp: « không. »

Ông Cơ-Lịch:

« Không à, khôn hồn lắm! Thôi để nó séo đi cho rảnh. » Ông nắm tay dấm xuống bàn, ngảnh mặt nhìn Bà: « Tôi đã bảo để nó séo đi cho rảnh, vì nó biết tôi mà. Nay cậu, giờ cậu cũng đã hơi biết tôi rồi đấy, thôi cho cậu ra. Đem nó đi. »

Tôi được lệnh cho ra, xướng quá, vì đã thấy hai mẹ con bà Cơ-Lịch chùi nước mắt. Kể không những tôi lấy làm khổ, mà hai mẹ con Bà cũng lấy làm khổ nữa. Nhưng mà trong lòng tôi còn đang muốn yêu cầu một việc nó quan thiết đến tôi lắm, khiến tôi không thể đứng được mà nói rằng mà cũng lạ, sao lúc ấy tôi lại được cái can đảm như thế):

« Thừa ông, tôi muốn . . . »

Ông Cơ-Lịch thăm thì: « Ừa gì đó nữa? » rồi cúi đầu, trợn mắt nhìn sát vào tận tôi, hình như ông muốn nuốt sống ngay tôi đi.

Tôi ngập ngừng mà rằng:

« Thừa ông, tôi muốn, thưa ông cho phép tôi (dạ thưa ông, tôi thực lấy làm hối hận về cái việc tôi đã làm) xin phép ông cho tôi bỏ cái biển này đi trước ngày học trò giở về trường. »

Không biết rằng thực ông Cơ-Lịch phát câu lên hay là ông chỉ ra thế để cho tôi sợ, tôi thấy ông đang ngồi nhẩy trồm lên tức thì tôi quay gót, không đợi người chân gỗ đưa ra nữa, và chạy một mạch về đến tận buồng ngủ. Về đến nơi, không thấy có người đuổi theo, tôi liền lên giường nằm, vì cũng đã đến giờ đi ngủ rồi. Tôi cứ nằm mà run đến hơn tiếng đồng hồ.

Sáng hôm sau ông Xạp giờ về. Ông Xạp là thầy giáo nhất, ở trên ông Mên. Ông Mên phải ăn trung với học trò, còn ông Xạp thì ngồi ăn với ông Cơ - Lịch.

Ông Xạp, người óng ả, trông có vẻ thanh lịch, cái mũi khá to, ông có cái kiềng ngoẹo đầu về một bên, hình như đầu của ông khi nặng quá, ông mang không nổi. Tóc ông mền và quăn như làn sóng; song ngay anh học trò giờ về trước tiên bảo tôi: ắt đây là tóc giả (mà lại là đồ cũ mua lại), và cứ chiều thứ bảy nào ông cũng đi cho thợ uốn.

Chính là Chắt-Dan, hắn đã cho tôi biết cái việc bí mật ấy. Hắn là người giờ về trước tiên trong bọn học trò. Hắn tự giới thiệu với tôi rằng tôi sẽ thấy tên hắn ở trên góc cửa về mé tay phải, bên trên cái danh trên cùng. Nghe thấy thế, tôi bảo: « Chắt-Dan phải không? » thì hắn đáp: « Chính hắn. » Rồi đẩy hắn hỏi tôi rành rọt về thân thế và cha mẹ tôi:

Ấy cũng là may cho tôi, mà Chắt-Dan lại giờ về trước tiên. Hắn thấy cái biển của tôi, thì hắn thích quá, bất cứ người học trò nào khác về đến, dù nhón dù nhỏ, hắn tức thì giới thiệu tôi bằng một câu: « Trông đây này! », thành ra cũng đỡ cho tôi, khỏi phải do dự không biết nên phô ra, hay là nên giấu đi. Mà cũng may nữa, phần nhiều học trò giờ về trường đều mặt ủ mày chau, nên cũng không trêu giỡn tôi lắm, như là tôi vẫn sợ. Trong bọn cũng có mấy người nhẩy múa trung quanh mình tôi như là quân mọi đen, và phần đông cũng không thể trống lại được cái lòng muốn gọi tôi là chó, kẻ thì vỗ về tôi, kẻ thì vuốt ve tôi, kéo sọt tôi cắn chằng, miệng thì bảo rằng: « Năm xuống, cậu! », rồi lại gọi tôi là Mực. Như thế kẻ cũng sáu hồ thực, vì họ thuần là những người tôi không quen biết bao giờ, đã có lúc tôi phải phát khóc; song rút cục lại, cũng còn khá hơn nhiều, không đến nỗi như tôi đã tính trước.

Vậy mà tôi chưa được thực coi là học trò của nhà trường, còn phải đợi đến lúc Tỷ-Phước giờ về. Tỷ-Phước có tiếng là học trò giỏi ở đây, người giỏi giai, nhón hơn tôi chừng sáu, bảy tuổi. Khi hắn đã về, tôi phải đến trình diện cùng hắn, như là vào hẳn quan vậy. Lúc ấy hắn ngồi dưới một cái mái hiên ở ngoài sân trường, hắn bảo tôi kể những làm sao mà phải chịu cái hình phạt ấy cho hắn nghe, rồi hắn ra giáng vui vẻ mà gọi là « một

việc ác có thú vị ». Vì một câu này, khiến tôi từ đấy về sau liên lạc với hắn mãi mãi.

Khi Tỷ-Phước đã phán đoán xong công chuyện của tôi như thế, hắn sánh vai cùng tôi đi chơi ngoài sân. Hắn nói:

« Cốp-Phin, anh có được bao nhiêu tiền? »

Tôi bảo có bấy xin linh.

Hắn nói:

« Anh nên đưa cả đây tôi giữ cho thì hơn. Ấy tôi nói thế đấy chứ anh muốn đưa thì đưa, không đưa thì thôi. »

Tôi vội vàng chiều theo cái ý tốt ấy của hắn, mở cái ví của Bạch Cốt-Thị cho tôi ra, có bao nhiêu giốc hết cả vào trong tay hắn.

Hắn hỏi tôi:

« Thế anh có muốn tiêu cái gì bây giờ không? »

Tôi đáp:

« Không ạ, tôi xin cảm ơn, »

Tỷ-Phước nói:

« Không việc gì mà, anh có muốn mua gì cũng có thể được cả, Cứ nói thử cái gì xem nào! »

Tôi lại nói:

« Không ạ, tôi xin cảm ơn ông. »

Tỷ-Phước nói:

« Thế anh lại không muốn mua lấy một chai rượu nho, chừng hai xin linh, chốc nữa đem lên trên buồng ngủ uống, hay sao? Anh về địa phận buồng ngủ của tôi đấy nhỉ? »

Thực trước tôi chưa từng nghĩ đến thế, song tôi cũng nói:

« Vâng, tôi cũng muốn thế. »

Tỷ-Phước nói:

« Được lắm. Thế hắn anh lại muốn mua độ một xin linh bánh bạnh nhân nữa chứ? »

Tôi nói:

« Vâng, tôi cũng muốn thế nữa. »

Tỷ-Phước nói:

« Lại độ một xin linh bánh bích quy, và một xin linh hoa quả nữa chứ hử? Thế là đủ đấy, anh Cốp-Phin ạ! »

Tôi nhoẻn mép ra cười, vì tôi thấy hắn nhoẻn mép cười, chứ thật trong lòng tôi cũng hơi lấy làm áy náy.

(Còn nữa)

NHẤT THIÊN NHẤT GIA THOẠI

MILLE ET UNE NUITS (Tiếp theo)

Chuyện Tề-tướng mắc tội

Vua nghe nói cũng muốn biết cái sự lạ lùng ấy ra thế nào, thuận hoãn cho đến hôm sau sẽ hành hình, rồi cho áp giải thầy lang về nhà.

Trong khi ấy, thầy lang thu xếp các công việc; tin đồn vang ra rằng thầy lang bị chết rồi tất có sự lạ, nên các quần thần vẫn võ đến hôm sau vào cả trong điện để xem sao.

Một lát thì thấy thầy Đức-Bản đến, tay cắp một quyển sách to đi đến tận dưới ngai vàng. Thầy lang xin mang lại cho một cái bệ con rồi lấy tờ giấy bọc ngoài bìa sách ấy giải vào trong cái bệ ấy; xong rồi thì giăng quyển sách lên vua mà tâu rằng: « Xin Bệ-hạ cất lấy sách này; khi nào đầu tôi rụng rồi thì Bệ-hạ cho đặt lên trên tờ giấy bọc sách trong bệ này tức thời máu thôi không chảy nữa; Bệ-hạ mở sách này ra, thế là phán hỏi câu gì cái đầu Hạ-thần sẽ tấu đối phân minh ». Thầy lang lại tâu thêm rằng: « Bệ-hạ cho hạ-thần khề-thủ đốn-thủ kêu lãn này nữa, xin lượng thánh bao dung cho, thực là oan hạ thần lắm ».

Vua phán rằng: « Người kêu ca chi nữa mà vô ích; họa chẳng chỉ có bao giờ người chết rồi; mà cái đầu người nói thì ta mới nghe, ta muốn cho người phải chết ». Ông vua vừa phán vừa cầm lấy quyển sách, rồi truyền lệnh chăm quyết ngay.

Thị-vệ chém thực khéo, cái đầu ấy rơi ngay vào bệ; vừa mới để lên cái tờ giấy bọc ấy thì máu thôi không chảy nữa. Vua cùng các người ở đấy đều phải lấy làm lạ lắm vì thấy cái đầu ấy mở mắt ra rồi cất tiếng lên nói rằng: « Tâu hoàng-Thượng mở sách ». Vua bèn giở sách ra thì thấy tờ đầu như hình dính vào tờ thứ hai. Vua bèn đề ngón tay lên miệng nhắm nước bọt để đỡ cho dễ. Mở mãi đến tờ thứ sáu, tờ nào cũng làm như thế, nhưng cũng chẳng thấy có chữ gì cả. Vua bèn hướng vào cái đầu ấy mà hỏi rằng: « Kia thầy lang, chẳng có chữ gì cả. — Cái đầu đáp ngay rằng: « Xin mở mấy tờ nữa ». Vua lại cứ nhắm nước bọt ngón tay mà mở mãi cho đến khi những thuốc độc tẩm sẵn ở các tờ giấy ấy ngấm vào làm

cho ông vua thỉnh linh thấy chóng quay cả mặt hoa cả mắt, ngã gục ngay xuống dưới ngai.

Thầy lang Đức-Bản, — nói cho đúng thì là cái đầu thầy lang, — thấy thuốc độc đã ngấm rồi mà ông vua chỉ còn chốc lát nữa mà thôi, thì kêu lên rằng: « Hòn quàn, đẩy các bức vua chúa ý quyền hại người vô tội, bị như thế là đáng kiếp. Không công bình và độc ác thì kíp chầy thế nào giờ cũng sẽ phạt ». Cái đầu ấy nói xong câu ấy thì ông vua băng-hà, mà cái đầu ấy cũng tắt hơi.

* * *

Kể đến đây thì bà phi Sĩ-chế-rã-Giật lại tiếp luôn rằng: « Tàu bệ-hạ, tên thuyền chài kể hết cái chuyện vua Hy-lạp với thầy lang Đức-Bản rồi, thì lại soay vào vị thần mà tên ấy đã thu vào trong vò, mà nói rằng: « Nếu vua Hy-lạp đề cho thầy lang sống thì giờ cũng đề cho vua sống; nhưng vua không nhận nhờ anh ta kêu cầu thăm thiết, nên giờ phạt. Đẩy thần xem, nếu lúc này ta kêu ca như thế mà người nghe, thì nay ta cũng thương người bị cầm hãm, nhưng người đã chẳng biết cái ân phóng thích rất to của ta đối với người, người lại còn nhất định giết ta, thì ta nay cũng phải không thương người được. Ta sẽ cứ để cho người trong vò này mà vút người xuống biển để cho người không hoạt động được xuất đời, đấy chính là người tự tác tự thụ đấy.

Vị thần lại bảo lão thuyền chài rằng:

Ngư-ông ơi, xin ngư-ông chớ làm việc độc ác như vậy. Ngư-ông biết cho rằng sự giả thù là sự bất lương, mà lấy ân báo oán mới là cao, Ngư-ông chớ học thói Y-ma (Jmma) dãi A-tê-ca (Ateca) khi xưa.

Lão thuyền-chài hỏi lại rằng Y-na dãi A-tê-ca ra làm sao?

Vị thần nói, nếu Ngư-ông muốn rõ chuyện ấy hay xin mở cái vò này cho tôi dãi. Ngư-ông nghĩ mà xem, như tôi phải giam cầm chật hẹp thế này liệu có bụng dạ nào mà kẻ cổ-tịch được chăng? khi nào Ngư-ông phóng thích được cho tôi thì

Ngư-ông muốn nghe gì tôi cũng xin kể.

Lão thuyền-chài đáp rằng: không ta không tha cho người đâu; người tán đã nhiều rồi, ta vứt người xuống đáy biển đây. — Vị thần vội kêu lên, xin Ngư-ông hãy cho tôi nói nhờ này, tôi xin đoán rằng không những tôi không giám hại Ngư-ông mà tôi lại hiến Ngư-ông một cách làm nên đại phú-gia nữa.

Lão thuyền chài đương mong mỗi cho khỏi cảnh bần hàn, nghe thấy thế bèn siêu lòng ngay mới gan rằng: Nếu có điều gì tin được thì ta cũng nghe; người hãy thề, có giới chứng-minh rằng người nói sao lại cứ như nhờ, thì ta sẽ mở vò cho người ra. Chắc người chả giám cả gan mà phạm nhờ thề độc thế. Vị thần thề liêu, thế là lão thuyền chài mở nút vò. Một làn khói ở trong bay toả ra, vị thần lại hiện nguyên-hình như khi trước. Trước hết vị thần đá hắt ngay cái vò ấy xuống biển đã. Thuyền-chài ta thấy vậy thất kinh bèn hỏi rằng: «Thần làm thế là nghĩa lý gì? Liệu thần có giữ nhờ thề không, hay là lại để tôi phải dùng đến câu thầy Đức-bản kêu nài với vua Hy-Lạp?» Thánh-huống để tôi sống thì giới cho Thánh thọ vô cương».

Vị thần thấy lão thuyền-chài sợ hãi bật cười nói rằng: «không, không, Ngư-ông cứ yên tâm, sở dĩ tôi đá cái vò đi là để cho thoả và xem Ngư-ông có sững sốt không; này đây thế này thì Ngư-ông tin tôi nhé, Ngư-ông mang chài lưới đi theo tôi đi. Nói rất nhờ thì vị thần đi ngay, lão thuyền-chài ôm lưới theo sau, trong lòng vẫn bán tín bán nghi, đi qua tỉnh rồi chèo lên một ngọn núi cao, xuống bên kia núi thì có một cánh đồng rộng rãi, qua cánh đồng ấy đến một cái đầm ở vào chính giữa bốn gò chung quanh. Vị thần bảo lão thuyền-chài buông lưới xuống dưới đầm ấy mà đánh cá. Lão thuyền-chài không còn hồ nghi chi nữa vì chính mục kích thấy trong đầm lắm cá, chỉ duy có một điều lấy làm rất lạ là trông thấy cá tứ sắc: trắng, đỏ, xanh vàng. Lão quăng chài xuống kéo lên được bốn con cá mỗi con một mùi.

Lão ta chưa từng thấy cá thế bao giờ, cứ ngắm mãi không thôi, trong bụng chắc mẩm rằng sẽ bán được đắt, vui mừng quá đỗi.

Vị thần bảo rằng: «Ngư-ông cầm lấy cá, mang lên mà tiến vua rồi vua sẽ cho một món tiền to mà cả đời ngư-ông chưa từng được mó trong tay bao giờ. Rồi ngày ngày ngư-ông lại đến đầm này

mà đánh cá nhưng ta dặn trước rằng mỗi ngày chỉ được quăng chài một bận thôi, nếu sai thì tất không hay, xin ngư-ông cần - thận. Ngư-ông theo được y như nhờ thì gặp hay lắm.» Nói xong vị thần ấy rầm chân xuống đất; bỗng nhiên đất hé to ra thế là vị thần xuống đáy rồi đất lại liền như không.

Lão thuyền trái nhất định theo y như nhờ vị thần truyền không giám thả lưới lần thứ hai nữa. Vội vàng thu xếp ra về tỉnh, trong lòng mừng rỡ nghĩ ngợi vẫn vơ đến hàng nghìn thứ. Lão ta đi thẳng ngay đến cung nhà vua để tiến cá.

Hoàng-hậu Sĩ-chế-Rã-Dzật nói thêm rằng: Tâu Thánh thượng đoán xem rằng ông vua ấy thấy tên thuyền-chài tiến cá quý thế thì thấy là lạ là nhường nào.

Nhà vua cầm lấy từng con, ngắm hết con nọ đến con kia một hồi lâu rồi phán cho tể - tướng rằng: Khanh đỡ lấy cá này rồi đem xuống cho mục sư-thiện của Hy-Lạp hoàng-đế mới gửi đến cho chằm ấy; chằm chắc rằng cá đẹp như thế này tất phải ngon lắm.

Ông Tể tướng thân - chính sách cá xuống giao tay cho mục bếp mà dặn rằng: «Bốn con cá này của người ta mới mang vào tiến, nhà vua phán mục phải nấu cho khéo» nói xong lại lên châu. Vua sai Tể tướng lấy ra 400 đồng tiền vàng có niên hiệu nhà vua mà cho tên ngư-phủ. Tể - tướng phụng mệnh đếm đủ cho người ấy! Chàng ta xuất đời chưa hề có món tiền to như vậy, mừng rỡ khôn cầm, tưởng chừng như trong giấc mộng. Hồi lâu mới biết là sự thực, rồi đem về dùng vào những việc ích lợi cho vợ con được xung xướng.

Hoàng-hậu lại nói luôn: «Thần thiếp đã tâu về chuyện tên ngư-phủ, nay lại xin kể đến mục đầu bếp, mục gặp nhiên nổi lòng túng khó khăn.

Mục bếp nhận lấy cá rồi, đem rửa ráy lau chùi sạch sẽ, rồi mới bỏ vào chảo đồ dầu vào rán. Liệu chừng rán già mặt kia thì mục lại lật sang mặt này. Nhưng lạ chả là lạ! Mục vừa lật xong cá thì thấy bỗng nhiên tường nhà bếp hé ra một người thiếu phụ cực kỳ nhan sắc, bận tinh đồ gốm, vóc hoa Ai-cập, tai đeo đôi hoãn, cổ đeo hạt chuỗi tay đeo vòng vàng khảm mã não và cầm cành lá cứ lừ lừ đi đến tận cái chảo cá. Mục bếp thấy thế làm lạ chờ cả người ra. Người thiếu phụ đập vào một con cá nói rằng: «Cá ơi cá, số kiếp mày thế ư? Cá cứ im, thì người thiếu - phụ ấy lại hỏi câu

ấy. Cả bốn con cá ngóc đầu lên một lượt và nói phân minh rằng: « thừa vâng, cô nương tính thì chúng tôi cũng biết tính, cô nương trả nợ chúng cũng phải trả; nếu cô nương bỏ chốn này mà đi, thế là chúng tôi thắng thì chúng tôi bằng lòng lắm » mấy con cá vừa nói dứt lời thì người thiếu phụ đồ ngay cái chảo ấy xuống rồi lại đi vào trong chỗ tường vừa hé ra ấy. Tường lại liền y nguyên như trước.

Mụ bếp thấy sự lạ lòng thế lấy làm khiếp sợ, hồi lâu lại hồn mới đến bới than gio ra nhặt lấy cá; nhưng con nào con nấy đã đen như than không thể đun lên Ngự-thiện được. Mụ lo sợ đau đớn vô chừng, phát khóc òa lên, và than rằng: Chao ôi! Tôi còn đến nỗi nào nữa? Nếu tôi tâu vua hay đầu đuôi thì chắc rằng Ngài không khi nào tin được; mà Ngài nổi giận đình lên đến đâu!

Trong khi mụ đương lo nghĩ vẫn vậy thì ông Tề-Tướng vừa đến, mà hỏi ngay rằng món cá đã xong chưa. Mụ phải đem câu chuyện kể hết cho Tề-Tướng nghe. Tất ai cũng đoán được rằng Tề-Tướng cũng lấy làm lạ lắm. Tề-Tướng không đem chuyện tâu lại vua hay, bèn phải thu xếp bịa đặt thế khác để vua đẹp lòng. Ông ấy cho đi gọi lão thuyền-chài ngay lập tức và bảo lão đánh cho bốn con cá khác như thế, vì vừa mới xảy ra sự chẳng may không thể mang mấy con cá này lên Ngự-thiện được.

Lão thuyền-chài không nói gì là vị thần dặn một ngày không được đánh hai bận, chỉ bảo rằng đương xa đi không kịp, xin đến sáng mai sẽ đem nộp.

Về nhà rồi lão ta đi ngay ban đêm để kịp đến đêm ấy. Lão quăng chài xuống kéo lên lại được ngay bốn con cá cũng như bốn con hôm trước mỗi con mỗi sắc. Lão vội vàng mang ngay về nộp, cho Tề-Tướng cho kịp bện.

Tề-Tướng nhận lấy rồi lại thân hành đem xuống giao cho mụ bếp rồi đứng luôn ở trong bếp ấy. Mụ đem cá ra làm rồi bắc chảo rán ngay trước mặt Tề-Tướng, cũng làm y như hôm trước. Đến khi cá được một mặt thì mụ lại gần giở mặt này. Bỗng dưng lại thấy tường hé ra, lại người thiếu-phụ ấy hiện lên, tay vẫn cầm một cành lá, cũng lại gần chảo cá, cũng đập vào một con mà hỏi y như câu cũ, bốn con cá lại ngóc đầu lên giả như thế. Người thiếu-phụ ấy lại lấy cái cành

ấy mà lật bắt ngay cái chảo xuống rồi lại biến vào trong cái hồng tường ấy.

Lần này chính Tề-Tướng mắt trông thấy đầu đuôi, cũng phải nói lên rằng quái gỡ lắm thay, đề ta phải tâu lên vua rõ mới được. Tề-Tướng lên tâu ngay vua y như những sự mắt đã thấy quả tang.

Nhà vua nghe tâu cũng lấy làm lạ, muốn mục, kích xem sao. Bèn phán đi đòi tên thuyền-chài đến mà bảo rằng: « người có thể mang lại cho chằm bốn con cá khác cũng bốn sắc không? » Lão Thuyền-chài tâu: « Nếu nhà vua cho hạn ba ngày thì xin khâm mạng được. »

Vua cũng thuận cho. Lão thuyền-chài lại đến cái đầm ấy lần thứ ba nữa. Lần này cũng may như hai lần trước, vừa vớt lưới xuống, kéo lên lại được ngay bốn con cá mỗi con một sắc. Lão vui sướng bội phần vì lão không ngờ rằng nhanh chóng như vậy, lão lại sẽ được thêm một món bốn trăm đồng tiền vàng khác.

Nhà vua nhận được cá rồi, bắt phải đem đủ đồ lên cả trên diện để nấu ngay ở đấy. Chỉ có nhà vua và Tề-Tướng ở trong ấy thôi. Chính Tề-Tướng làm cá rồi bỏ vào chảo bắc lên rán. Đến khi rán được một mặt, Tề-Tướng lại giở mặt khác. Tự nhiên, tường trong điện mở ra, nhưng lần này thì không phải người thiếu-phụ, chỉ thấy hiện ra một người đen sì sì bước ra. Người đen ấy ăn mặc quần áo nô lệ, to lớn lạ thường, tay cầm cái gậy xanh. Người ấy sẵn ngay lại chảo cá, cầm gậy chọc vào một con mà quát to lên rằng: Cá cá ơi, số kiếp mày phải thế à? Mấy con cá đều ngóc đầu lên mà ứng thanh rằng: « Vâng vâng, chúng ta đến thế thôi. người biết tính ta cũng tính, người phải trả nợ ta cũng phải trả nợ, nếu người bỏ mà đi đi là chúng ta thắng, chúng ta lấy làm bằng lòng. »

Cá nói chưa dứt lời thì người đen ấy đã bắt cả chảo xuống đĩa điện, mà cá đã thành than cả. Làm xong rồi thì người đen ấy vênh vênh vào vào đi vào trong tường, tường lại liền lại y nguyên như trước.

Vua phán bảo Tề-Tướng rằng: « Cứ như chằm mục kích sở thị, thì chằm không khỏi không nghĩ ngợi được. Cá này tất có cái gì bí hiểm đó, chằm muốn rõ ra sao ». Bèn sai ra đi gọi tên Ngự-phủ. Lúc quân lính dẫn Ngự-phủ vào thì vua phán rằng: « Người đem tiến cá chằm làm cho chằm

sinh ra nghi-ngại, vậy thì người đánh những cá ấy ở đâu thế?»?

— Tàu Hoàng-Thượng, chúng con đánh ở trong đầm bốn cồn ở bên kia quả núi trông thấy đây.

— Vua ngảnh lại Tề-Tướng hỏi rằng khanh có biết cái đầm nào đấy không?

— Tề-Tướng tâu rằng: «Hạ-thần không nghe nói có cái đầm ấy bao giờ, vả Hạ-thần trong 60 năm nay vẫn đi săn bắn ở vùng này và bên kia quả núi ấy.

— Vua lại hỏi Ngự-phủ rằng đầm ấy cách Hoàng-cung độ bao xa.

— Lão Ngự-phủ tâu rằng đi không đến hơn 3 giờ.

— Thấy lão nói chắc như vậy, và giờ còn sáng có thể đến đấy vẫn chưa tối, vua ban sắc cho cả quần thần đều cưỡi ngựa đi theo anh Ngự-phủ dẫn lộ.

Mọi người chèo cả lên núi, đến lúc xuống bên kia thì thấy một cánh đồng bằng rộng rãi, xưa nay chưa ai biết bao giờ, thì ai nấy đều lấy làm lạ cả. Rồi đi đến một cái đầm quả nhiên ở vào giữa bốn cái gò y như nhời lão Ngự-phủ. Nước đầm chong vắt, ai ai cũng trông thấy bao nhiêu cá dưới đầm giống như cá mà tên Ngự-phủ đã đem tiến.

Vua dừng lại trên bờ ngắm cá hồi lâu lấy làm ngoạn mục lắm, rồi hỏi cả quần-thần cùng thị-vệ hộ giá có thực là các người chưa biết cái đầm này không, mà đầm thì gần đô thành thế. Mọi người đều tâu rằng thực quả cũng chưa từng nghe thấy nói rằng có nữa.

Vua phán rằng các người đều chúng khẩu rằng không nghe nói có cái đầm này bao giờ, vậy chẫm cũng lấy làm lạ như các người cả, chẫm nhất quyết rằng nếu chưa rõ là vì sao mà nay cái đầm này lại hiện ra ở đây, lại có cá tứ sắc như thế, thì chưa về cung vội. Vua xuống chỉ tức thì hạ trại ở đấy. Nháy mắt là cung vua ngự cùng trại các quần-thần cắm cả trên bờ đầm xong ngay.

Tối đến vua vào cung an nghỉ rồi phán riêng cho Tề-Tướng rằng: «Chẫm lấy làm nghi ngại lắm, nào là: đầm này dy lại đây, nào là cái người đen ấy hiện ngay ra trên điện, cá biết nói, mọi sự kỳ quái ấy khiến cho trẫm không thể nhịn được, muốn cho biết rõ ngay.

Vậy chẫm đã quyết một kế, chẫm muốn thi hành ngay. Nay chẫm đi xa ra một mình - khanh khá

giữ kín không cho ai biết. Khanh ở lại trong cung một mình. Sáng mai bá quan đến chầu thì khanh bảo họ đâu hãy về đấy vì chẫm hơi mệt không muốn cho ai vào chầu cả. Nếu chẫm chưa trở lại thì ngày nào họ đến chầu khanh cũng cứ thế mà bảo họ về.

Tề - tướng tâu vua nghe này nghe khác đề mà đừng thi hành kế ấy. Phận trần mọi nhẽ nguy hiểm, khó nhọc thánh - thể mà vì tất đả ích gì. Tề - tướng đã hết sức can gián nhưng vua nhất định không nghe, quyết thi hành ngay.

Lập tức ngài vào thay bộ y phục gọn gàng để tiện vi hành, đeo một thanh bảo-kiếm, đợi khi trong các doanh trại ngủ yên cả, Ngài một mình đi bộ ra. Vua ngắm một cái gò chèo lên, thấy dễ dàng không khó nhọc gì. Đến lúc xuống lại càng ung dung lắm. Đến khi ra cánh đồng thì cứ bước bộ cho đến mặt gò mọc. Chợt thấy nẻo xa có một cái nhà lớn thì lấy làm mừng lắm, chắc là vào đấy hỏi thì rõ chuyện. Vua đứng ngắm nghía hồi lâu thấy quả là một cái cung điện rực rỡ, không thì cũng là một cái lâu đài kiên cố, tường bằng đá hoa đen đánh bóng lợp bằng những tấm thép loáng như gương. Trong lòng vua lấy làm khoan khoái lắm vì đi chưa bao lâu mà đã được thấy một cảnh đáng ưa, bèn đứng ngay phía trước cái lâu đài ấy ngắm kỹ càng lắm. Một lát ngài đi đến cửa thì thấy cửa hai cánh, một cánh mở một cánh khép.

Giá đi luôn ngay vào cũng được nhưng Ngài cũng gõ trước cẩn thận. Ngài gõ khe khẽ, không thấy ai ra cả, thì Ngài nghĩ rằng tại gõ khẽ quá nên không ai nghe gì chẳng. Lần này thì Ngài gõ mạnh hơn nhưng cũng không thấy gì cả. Ngài lại gõ bồi nữa nhưng cũng vẫn chẳng có gì. Vua lấy làm nghi ngại không lẽ một cái lâu đài phong quang đến thế mà lại không có người ở. Sau rồi vua tính thầm rằng «nếu không có người thì ta không còn ngại gì mà giấu cho có ai chẳng nữa thì ta cũng đã có bảo kiếm để phòng ngừa». Nghĩ vậy rồi vua cứ việc bước vào rồi nói to lên rằng: «trong nhà có ai không, có khách lạ qua đường muốn vào xin nước uống đây»? Ngài nói đi nói lại hai ba lần thực to mà cũng không thấy có tiếng người giả nhời. Vua càng lấy làm lạ lắm. Đi suốt hàng hiên rồi ra đến một cái sân rộng rãi.

(Còn-nữa)

CHUYỆN LẠ

Một tờ báo tây đang tin rằng có ông lão thổ-nhĩ-kỳ tên là Zaro Agha năm nay thọ 156 tuổi hiện nay sang ở Nữ-Uớc là kinh thành Hoa-kỳ. Cụ vui tính thường hay kể chuyện thừa bé cho mọi người nghe. Một hôm một nhà báo đến thăm cụ ở khách-sạn Commodore là nơi cụ chợ đề hỏi chuyện cụ. Thấy cụ tóc vẫn còn tốt bèn hỏi cụ rằng cụ có rụng tóc bao giờ không?

Ông cụ đáp rằng có rụng lắm chứ, nguyên cụ đã sới nhẵn cả đầu thế mà năm cụ 150 tuổi thì tóc lại mọc ra. Người ấy lại hỏi cụ làm thế nào mà giữ được răng khỏi rụng. Cụ lại giả nhời rằng: «tôi có giữ được đâu, răng tôi đã rụng tới ba lần, nhưng năm tôi 110 tuổi thì lại mọc đầu vào đầy cả».

Xem như vậy thì ra hai cái tật sới tóc và rụng răng của người đời, chẳng ít thì nhiều ai cũng có mắc, giàu uống bao nhiêu hà thủ ô, sâm, nhung, quế phụ cũng không thoát, thế mà cũng có lúc lại khỏi được, nhưng phải thọ đến một trăm tuổi dĩ thượng thì mới hưởng cái hạnh phúc cái lão hoàn đồng mọc răng mọc tóc lại ấy được.

Các cụ già má lại mọc răng mọc tóc là việc thực Ta tin được.

Ông tôi khi xưa, năm ngoài 90 tuổi cũng có mọc răng mọc tóc. Răng ấy cũng trắng lắm mà cũng to mạnh như răng mọc lúc mới, duy có tóc thì cũng

đen nhưng sợi mảnh hơn mà không được giả bằng tóc trước.

Tôi lại xin kể một cái bằng cứ hiển sắc nữa để độc giả dễ xét sự thực là ta vẫn thường nói rằng các cụ già mà mọc răng mọc tóc lại thì con cháu khó làm ăn. Tuy câu đó là cái thói tin nhầm của ta, nhưng vốn đã quen đi thành một cái tục truyền ai ai cũng cứ thế mà nói chứ không kinh nghiệm gì, nhưng cũng đủ làm chứng rằng nếu đã có câu đó thì tất cũng có nhiều các cụ già mọc răng mọc tóc lại.

Cứ như câu truyền khẩu này thì có thể tin được là người mình bất hiếu, mong cho cha mẹ ông bà gia mau chết chẳng?

Tưởng không có lẽ đến nỗi thế thì phải. Nước ta vẫn là một nước lấy hiếu đạo làm trọng nhất, phần nhiều người thực là rất hiếu. Chẳng qua chỉ là một cái nhẹ giả để tin lại nguyên đã chịu tiếm nhiễm cái thói mê tin dị đoan nên ai nói làm sao báo hao làm vậy, nhắm mắt tin liều, không còn phân phải trái chi nữa.

Tôi xin chứng thực rằng việc các cụ mọc răng mọc tóc lại là một cái hạnh phúc hiếm có. Sách đã có câu rằng 百歲爲奇 «bách tuế vi kỳ» nghĩa là trăm tuổi là ít. Vả chẳng các cụ mà đã được đến mọc thêm răng thêm tóc, tức là chân Tiên-thiên khỏe lắm vô tật bệnh mới đủ sức như thế.

Vậy thì không có lẽ nào mà lại là một cái điềm gở cho con cháu khó làm ăn được.

CUỘC ĐẤU SẢO THUỘC ĐỊA NAM 1931 TẠI PARIS.

Cuộc đấu xảo thuộc-địa nam 1931 tại Paris (Ba-lê) bắt đầu mở cửa từ ngày 15 Avril tới 15 Octobre 1931.

Hiện nay các ủy viên các xứ ở Đông-dương đương sửa soạn để khởi hành sang Pháp dự cuộc đấu xảo Paris.

Vậy cỡi Đông-dương ta có những gì sang dự cuộc đấu xảo năm nay:

Xứ Bắc-kỳ có chừng 30 cửa hàng cùng các thợ đôi mồi, thợ ngà thợ thêu, thợ dệt, thợ làm đồ đồng, đồ gỗ, đồ thiếc, đồ mã.

Xứ Nam-kỳ sẽ cho sang một bọn 15 con hát.

Xứ Ai-lao có 33 người đàn ông và 22 người đàn bà cùng các đồ dụng cụ sang để làm một khu nhà kiêu Lào.

Xứ Cao miên sẽ có 50 người vừa là khiêu vũ và âm nhạc.

Những người được đi dự cuộc đấu xảo này đều được nhà nước cho tiền ăn và nơi ở; nếu có yếu đau thì đã có những viên Giám-thị Tây dưới quyền quan Wintrebert trông nom.

Những người này sẽ đáp chuyến tàu nào sang đến Pháp thì vừa tới ngày mở hay vài ngày sau khi mở để đỡ phải rét và đỡ tốn tiền ăn ở.

Ngoài những hạng thợ thuyền và kỹ nghệ đã kể ở trên lại còn có một đội lính khố-xanh gồm có 150 người lấy ở trong 4 xứ: Bắc-kỳ; Nam-kỳ, Ai-lao, Cao-mên do một quan Giám binh chỉ huy cùng một đội nhạc binh ở Huế là 45 người thì chừng đến cuối tháng Mars này sẽ đáp tàu sang Pháp.

Một hội chuyên nghề việc chữa bệnh lao ở Bắc-kỳ

La Ligne antituberculeuse du Tonkin

Trên đây chúng tôi đã nói đến bệnh lao và phương thuốc của hai nhà bác-sĩ Calmette và Guérin; nay lại sức nhớ ra ở Bắc-kỳ ta các nhà nhiệt tâm với khoa học cũng có lập ra một hội mục đích là dùng hết cách để trừ bệnh lao cho dân. Cao thay cái mục đích ! mà vẻ vang thay những nhà từ thiện đã chịu để tâm đến xã hội.

Hội này, chắc bà con ta ai cũng đã biết, thành lập từ ngày mồng một tháng chín tây năm 1928 (1er Septembre 1928) người sáng lập ra đều là những quý quan đã từng làm việc ở sứ ta lâu năm, am hiểu tình hình và thủy thổ cõi Đông pháp như những quan Bác-sĩ Le Roy des Barres, Degosce, quan nguyên Khâm-Sứ Trung kỳ Tissot, các quan Annam thì có quan Thiếu Hoàng-trọng Phu, những ông nghị-viên Lê-văn Phúc, Nguyễn Lễ, Trịnh-xuân-Nghĩa, Nguyễn - văn - Vĩnh, Vũ-văn-An, Phạm-Quỳnh, lại được bà đốc học Changeant là tổng thư ký của hội gần ấy nhà hăng tâm. hữu hăng sẵn đã tìm cách cho hội đạt được mục đích cho khỏi phụ cái chí sở nguyện của hội và cái lòng sở vọng của quốc dân. Thật là một hội mà nước ta cần phải có, vì chứng lao ở nước ta đã làm hại biết bao nhiêu người nhất là những anh em học sinh, mong giả nợ sách đèn đêm ngày cố sức, nhiều người vì mắc phải bệnh ấy mà giở dang cả một đời, thật là một câu truyện rất thương tâm. Lại những người làm các công việc quá sức cũng thường mắc phải, ghé thay bệnh lao; ta nên bảo nhau mà đi cho khỏi sự lo ngại. Hội chữ chữ bệnh lao tức là một cơ quan tiện lợi cho ta.

Nói đến hội trừ bệnh lao, tưởng cũng nên bàn qua xem công việc của hội nên làm, làm sao cho hữu ích. Mục đích của hội là dùng hết cách mà trừ bệnh ấy, vậy hội cần phải có một cái phòng cho thuốc có đủ các thứ thuốc về đề châu cấp cho người nghèo lại nên tổ chức những nhà nghỉ mát (sanatorium) cho các trẻ con được ra nơi bờ hồ hóng gió hoặc cho bệnh nhân ra đấy tỉnh dưỡng lại cần phải xin các quan địa phương ấn hành những trương trình cách đề phòng bệnh lao cùng là cho hội biết những nhà có người phải bệnh, để

hội đồng trông nom cho. Chúng tôi xin bàn qua mấy vấn đề ấy.

Nói về phòng cho thuốc bệnh lao. — Phòng này sẽ lập ở các tỉnh to, những nơi mà nhà nước đã có đặt nhà thương, mỗi nhà cho thuốc cần phải có một nhà y-sĩ để xem bệnh cho các bệnh nhân và một hay hai người khản hộ để giúp việc. Nhà thăm bệnh ấy phải có tủ thuốc có sẵn những thuốc trừ lao vaccin B. C. G. và các đồ dùng cho khi cần đến khỏi phải nhờ nhằng công việc. Nói tóm lại là phòng này sẽ do những nhà y khoa bác-sĩ của hội kiểm-soát và ở tỉnh xa nên xin nhà nước giao một phần trông coi cho quan y-khoa bác sĩ hạt ấy. Hội lại nên xin chính phủ lập ra một ngạch nữ khản hộ riêng để phòng khi cha mẹ đưa bé mắc bệnh thì những người ấy trông nom những trẻ con cho khỏi lây bệnh của cha mẹ chúng nó sang.

Nói về lập nhà nghỉ mát (sanatorium). — Trong các tỉnh thành đông người ở không khí có mấy khi được trong sạch, những người phổi yếu ở tỉnh thường khi dễ mắc chứng lao — không bằng ở những bờ hồ như Sầm-sơn, Đồ sơn, những chỗ gần núi mát mẻ như Tam-đảo nên lập ra những nhà mát, hoặc cho những người phổi yếu ra đấy dưỡng tinh thần, hô hấp không khí trong sạch, sau là cho các trẻ con mà nhất là học trò trong khi nghỉ hè ra nghỉ mát để hô hấp gió bể, lại những nhà có con mà muốn gửi ra nghỉ mát hội cũng nên nhận trông nom chứng nhà mát ấy sẽ chia làm hai khu, một khu cho người ốm ở biệt, và một khu cho các trẻ ở gần với các nhà mát khác, về sự trông coi sẽ cử một người y sĩ hay một người nữ khản hộ và thời thường sẽ có các Y-khoa bác sĩ của hội kiểm soát.

Trương trình nói về bệnh lao. — Hội nên xin quan trên cho phép ấn hành những trương trình nói rõ nguyên nhân bệnh lao và các cách đề phòng; mỗi khi hạt nào có người mắc bệnh thì quan địa phương phải cho hội biết, hoặc người ấy là nhà dân nghèo thì hội sẽ cho thuốc và giúp cho về tỉnh dưỡng.

Lược qua công việc của hội nhưng tóm lại muốn cho hội theo được hết trường trình, cần rằng quý hội phải rời rào thì sự tiến hành mới có thể mau chóng được, chúng tôi mong rằng quốc dân nên lưu tâm đến việc trừ bệnh lao, nghĩ cách giúp cho nền tài chính hội này để cái kết quả được ích lợi cho cả nước.

Cách dúp đỡ nền tài chính của hội hiện nay trong học giới đã thấy lưu tâm đến. Các sinh viên trường Cao-Đẳng Y-học ở Hanoi vừa mới xin phép tổ chức một cuộc diễn kịch vào hạ tuần tháng hai

tây (Février 1931) để quyên tiền giúp hội ấy. Khen thay các ông sinh viên trường thuốc đã nhớ đến câu « ăn cây nào rào cây ấy », cái ý kiến ấy ta nên hoan nghênh. Bản kịch sẽ đem ra diễn nhan đề là « Đời thiếu niên » soạn theo lối mới, đều do các tay học sinh trường ấy đóng cả. Dầu bản kịch chưa diễn ra sân khấu nhà hát tây nhưng cái lòng sốt sắng vì nhân loại, vì khoa-học của các bậc thiếu niên ấy cũng đáng cho ta chú ý mà tán thành cho kết quả được mỹ-mãn.

Tiên-Đàm

Bắc - đầu bội - tinh

Các viên chức sau này đều được thưởng Bắc-đầu Bội-tinh :

NGƯỜI PHÁP :

Đệ Tam hạng Bắc-đầu bội-tinh :

M. Bose Khâm-sứ Ai-lao ;

Tứ hạng Bắc-đầu bội-tinh :

M.M. Cremazg Phó-chưởng-lý hàm ;

Dielhem. Đông-dương tài-chính tổng-trưởng

Ngũ hạng Bắc-đầu bội-tinh :

M.M. Alinot, trắc địa giám định.

Bardel, Thanh-tra Thương-chính.

Brachet, Thanh-tra Học-chính.

R. P. Cadère, Linh mục.

Foounier, quan Cai-trị.

Guillemet, nguyên giáo học.

Lalaurette, quan cai-trị.

Maraul, Y-sĩ thượng hạng.

Rieus, chánh kỹ sư thượng hạng.

Striedter, quan cai trị.

Tajasque, Chủ sự

Troude, nhà thương-mại.

Vincilloni, giám binh

NGƯỜI BẢN SỨ

Đệ nhị hạng Bắc-đầu bội-tinh :

S.E. Hồ-đắc-Trung, Lễ-bộ-Kiểm, Học-bộ-

Thượng-thư.

Đệ tứ hạng Bắc-đầu bội-tinh :

S.E. Tôn-thất-Đàn, Hình bộ thượng thư.

Vũ-rợc-Hoánh tổng đốc tại tòa Thượng thẩm.

Đệ ngũ hạng Bắc-đầu bội-tinh :

M.M. Lặng-v-Ngọc thư ký thượng hạng ngoại-hạng.

Huỳnh-mai-Liêu chủ sự tại sở Tài-chính.

Văn Giáp, Đốc-phủ-sứ.

Văn-Long, Lãnh-binh.

Văn-Miêu, Đốc học trường trung học Trung kỳ.

Nguyễn-kim-Phan, Tham tá thượng hạng ở Lào.

Phan-Trang, tham tá thông ngôn tại tòa thượng thẩm Hanoi.

Trần-trạch-Trà, Đốc phủ sứ Nam-kỳ

Bản chí xin có lời mừng các ngài.

TIN BÁO GIỚI

Báo Annam Nouveau đã xuất bản.

Bản chí nhận được số đầu báo Annam Nouveau mới xuất bản do ông Nguyễn-văn-Vĩnh chủ nhiệm báo Trung-Bắc-Tân-Văn chủ chương.

Báo xuất bản mỗi tuần lễ 2 kỳ, thứ năm và thứ bảy.

Bản chí có nhời chúc mừng bạn đồng nghiệp mới và giới thiệu cùng độc giả.

Bản chí đã nhận được mấy số thời báo mới xuất bản, ông Phùng-văn Long chủ nhiệm tòa Báo ở Rue des Stores N° 20 Hanoi. Báo ra mỗi tuần lễ ba kỳ vào ngày thứ ba thứ năm và thứ bảy.

Bản chí có nhời chúc mừng bạn đồng nghiệp trường thọ.

SỐ BÁO MÙA XUÂN

NHÂN DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN BẢN CHÍ SẼ RA SỐ BÁO MÙA XUÂN ĐỂ CÔNG HIẾN CÁC QUÝ ĐỘC GIẢ.

Câu chuyện thú bầu

Tháng chạp năm Canh-Thân, mưa rầm ri rạch, gió bắc vo vo; ngồi trong nhà gạch, khoác áo mền bông, vừa còn thấy rét buốt đến tận xương; trông ra đường cái làng, kẻ đi người lại, bùn lầy trên mặt cá, môi sấm run lật bật, rất là bần thủ, khổ sở.

Ở giữa làng, có một túp lều ranh tiêu tụy, gió mưa rầu rĩ đã đổ sô về một bên. Hai mái ra thủng nát, trông thấy giới mây, trong nhà không khác gì ngoài sân. Bốn vách đất tả tơi trơ ra một hàng nan rưng, lại chỗ đồ chỗ gãy. Cửa ngõ trống không, gió hút vào như qua cánh đồng rộng. Trong nhà giường chõng không có một cái, trên mặt đất ở trong một góc, chỗ ít ướt nhất, có giải một manh chiếu rách; trên chiếu có một người nằm co, tác chừng trên dưới ba mươi; quần áo rách như tổ đĩa, không đủ che thân. Đến gần mà xem, thì thấy da vàng như lá úa, mặt bủng tưa mình xén, khiến cho người trông thấy phải ghê mắt mà lại thương tâm.

Gió ào một cái, mưa bắt đến nửa nhà. Người nằm đó hai đầu gối lật bật đập vào nhau, hai hàm răng kêu lắc cắc, miệng thở chẳng ra hơi. Cố lấy tay trống lại đằng sau, hết sức nhồm giầy, rồi sẽ lê sát đến tấm vách nát, giữa lưng vào đấy; hai tay lầy dầy nung cái manh chiếu rách lên che ngọn gió bất nhân thổi đằng trước mặt. Song được kín chỗ nọ lại hở chỗ kia.

Lúc bấy giờ tuy mới độ năm giờ chiều, song mùa đông ngày ngắn, mà hôm ấy giới lại u ám cả ngày, trong làng đã thấy sấm sấm tối. Một vài người nghèo khổ, đi mò cua bắt ốc ngoài đồng, đã dần dần kéo nhau về hết. Đến độ sáu giờ giới tối mịt, thì ngoài đường thật vắng tanh. Thỉnh thoảng chỉ còn thấy tù và rúc hồi, chó cắn gióng một, nghe mà rùng mình. Trên cánh lá rung sào sặc, gió thổi ào ào, giọt mưa thánh thót, như khóc như than, trách ông giới sao có ngặt với sinh linh làm chi thế! Còn ngoài ra thì không nghe thấy gì nữa.

Tuy nhiên, nếu bấy giờ, ai đi qua cái túp ranh tiêu tụy kia, mà cố ý lắng tai nghe, thì sẽ thấy vắng vắng bên trong có tiếng người rên rĩ, chen lẫn với tiếng gió hú, tiếng rên rĩ than rằng:

Bụng đói rết rết, khổ sở đến thế này là cùng!... Mẹ ơi! đem con đi với cho rồi!... Giới ơi! giới đầy đoạ chi cái thân tôi lắm mấy chi thế này!...

Bố mẹ chết sớm, anh em cũng không, được hai ông chú ruột.....»

Đến đây, thấy tiếng nức lên khóc, không còn nghe rõ gì nữa. Mỗi mỗi, một tiếng thở dài, rồi lại thấy:

«Lúc khỏe mạnh, hai tay làm nuôi miệng, tuy rằng bữa đói bữa no, song cũng còn được qua ngày... Giờ ốm đau phù sưng ra thế này, không rạch được một bước, chết giờ sống giờ, còn ai mượn đi làm nữa!... Chú ơi là chú ơi! Lúc mẹ cháu chết đi rặn chú những gì, chú còn nhớ không? Cha cháu không có gì để lại cho cháu thật, song chú không nghĩ đến những lúc cháu khỏe, cháu làm cho chú vất vả quá con trâu con ngựa, mà đầu gạo công cươg như người ngoài. Lại thường khi thím quá phũ phàng, vết đòn gánh hầy còn đầy trên lưng, này chú xem!... chú không nghĩ đến cha cháu khi xưa, tình anh em ruột, bây giờ cháu ốm nõ nào chú bỏ cháu thế này!... Rầu chú có giúp cho cháu mấy hào bạc để lấy vài thang thuốc, cùng là rằm bát gạo, mười đấu ngô, thì đến lúc cháu khỏi cháu đi làm cho chú, chú sẽ lại chừ công, chú cũng chưa đến nỗi thiệt, nào cháu đã ăn báo chú bữa nào!... Giá chú không có như chú Khóa, thì cháu cũng chẳng giám trách gì... Song chú thân danh là một ông chánh, giàu có nhất làng!... Chú ơi, chú nõ lòng nào mà nhắm mắt bỏ qua cho đành!... Mặt nào còn giám sau này gặp cha mẹ cháu dưới xuôi vàng nữa chú! Chú có nhớ câu hứa với mẹ cháu những gì lúc mẹ cháu lâm trung không?....»

Giới trước mặt đen như mực, gió bên tai hú vo vo, như muốn đưa nhờ ai oán của đứa cháu khổn cùng này đến tai ông chú giàu diếc kia. Song nhà ông chánh, ngoài thì tường gạch sây cao, trong thì cửa bức bàn đóng kỹ; lại còn màn the vây phủ quanh giường, chăn bông chùm đầu kín mít, gió nào còn giám lọt đến tai.

Đêm canh khuya, gió càng mạnh, rét lại càng già; người kia đã mệt, tiếng rên rĩ nghe nhỏ dần dần;

« Ồi đói ơi là đói ơi !... Ồi rét ơi là rét ơi !... Nghe ơi là Nghe ơi, sao hôm nay mày đi lâu thế này, mà mãi không về ?... Giờ tối đã lâu rồi, lại vừa mưa vừa gió... Khốn nạn, giờ thế này mà mày cũng chịu khó lê khắp làng, để kiếm cơm nuôi bạn... Cám ơn mày không nề lao khổ, giúp anh em trong lúc khốn cùng... Khốn nạn, bây giờ còn ai cho nữa... Vì tao mà khổ lây đến mày... Đã bảo giờ hôm nay thế này thì đừng đi nữa. Còn một ít cơm thiêu chia nhau ra mà ăn, rồi ta ngồi than thở cùng nhau, cho qua quít ngày giờ, cũng đỡ ít phần khổ sở... Mày cứ nằng nằng nhất định mày đi... Tao thật không đành. Nghe a !... Chú ơi là chú ơi ! chú cũng biết thằng Nghe đấy nhỉ !... Nó què, nó có hai chân cũng như không, chỉ còn lê được mà thôi... Nào nó với cháu có họ hàng gì đâu ; chẳng qua người cùng một làng lại cùng một cảnh mà thôi... Taẽ mà nó thấy cháu què nó còn biết thương... Chú ơi, nhưng mắt lên mà coi, thằng què đi ăn xin về nuôi thằng ốm, mà thằng ốm ấy với chú là thế nào, với thằng què ấy là thế nào ?... Từ ngày nó nuôi cháu đến giờ, thường thường nó vườn phải nhin cho cháu ăn ; bữa đói bữa no, đắp đổi qua ngày »... »

Người rên nghe chừng đã mệt, chỉ còn thấy hơi thở khò khè. Bên ngoài gió vườn ào ào, mưa vương lách tách. Một lúc lâu, người kia chừng đã hồi hồi, lại nghe thấy rì rỉ rằng :

« Chú ơi, thôi cháu cũng thoát cái vòng khổ sở này rồi đây... Mẹ ơi là mẹ ơi ! mẹ đâu cho con đi với ! »

Một luồng gió mạnh bỗng nổi lên ùng ùng làm cho túp ranh chuyển động, tre trong bụi kêu két két, lá trên cành reo lao rao, còn bên trong kia thì tiếng rên rĩ nhỏ dần dần rồi thấy im hẳn.

...

« Cu ơi, ngủ rồi à ! Cơm đây giầy mà ăn. Cơm nóng đây, cố ăn đi cho tróng khỏe mà đi làm. Cu ! Cu ! giầy ! »

— « Ờ, ờ, ờ... ai gọi đấy ? Mẹ ơi, con lạy mẹ cho con đi với !... Con còn sung sướng nỗi gì mà mẹ đuổi con về !... Ờ, ờ, ờ ! mẹ, mẹ ẹ... ẹ, mẹ ơi ơi !... Ờ, ờ, ờ ! ờ !... Nghe đấy a !... à !... có gì không ?... Rét mướt thế này, tội nghiệp !... Mày có ướt lấm không ? »

— « Cũng khá, hơn chuột !... Có cơm nóng đấy, ăn đi. Hôm nay tao đến đăng quan Cũ, được bữa no nê. Chỉ nỗi đường lội, lê khổ quá. Một tay tao còn phải giữ bát cơm, chỉ còn một tay, thành ra rạch mãi mới được một bước, nên mãi bây giờ mới về đến đây. Mày đợi lâu, có đói không ?... »

— « Đưa đây ! »

Vừa nói, vừa đưa tay chái ra lơ quờ cầm lấy bát cơm, tay phải bốc một nắm, sắp sửa đưa lên miệng. Gió ào một cái, rùng mình xuất từ đầu đến chân mồ hôi toát ra đầy mình, lạnh ngắt, hai tay lẩy bẩy, đánh rơi cả cơm lẫn bát xuống đất. Một tiếng thõ ra :

« Nghe ơi, thôi tao đi... đi đây ! vừa rồi tao đã đi ra đến đầu làng gặp mẹ tao, mẹ tao lại đuổi tao về... hừ... ừ... hừ... Cám ơn mày, nuôi tao bấy nhiêu lâu biết bao cực khổ... Mẹ ơi là mẹ ơi, cho con đi với, tội nghiệp !... Đợi... đợi con đấy !... »

Rồi kêu lên thật to :

« Ồi, giời... giời... giời ôi !... »

— « Cu, Cu ơi, Cu ! Kia, chết thật đấy à !... Hừ, hừ, hừ, Cu ơi !... cũng tưởng rằng anh em đùm bọc lấy nhau, hừ, hừ, hừ... « vừa khóc vừa lê lại gần, hai tay ôm lấy cái thầy chết : »... cho qua lúc này, rồi mày khỏe lên đi làm, cũng mong còn có lúc khá... Bây giờ mày đi thoát thân lấy một mình, nỡ bỏ tao chơ vơ ở lại thế này !... Cu ơi, là Cu ơi !... rầy rằng khổ sở, song có anh em cũng còn có lúc khuây khỏa... Bây giờ tao còn độc trọi một mình... lúc buồn bực biết lấy ai bạn bầu !... Cả ngày đi xin, tối về thui thủi một mình, cơm còn biết để ai ăn !... Cu ơi là Cu ơi !. Hừ, Hừ !... »

Bốn hè lặng lẽ, ở đầu nhà có con chim lợn kêu lên ba tiếng rồi hay thẳng về tây ; rữa làng bỗng một con chó cắn lên mấy tiếng, tức thì xuất làng chó các nhà rộ lên cắn theo, một lúc rồi im.

Lung giời gió hú vo vo, trên mặt đất mưa sa lách tách.....

T. D.

NGUYỄN-MẠNH-BÔNG

Chủ-nhân nhà thuốc « Hương-Hát-Dược-Phòng »
Đông-Phương Hồng-liệu bệnh-viện Phân-viện trưởng

HỒNG-LIỀU-HỌC-SĨ

Tổng-cục: 92, Boulevard Bonnal, Haiphong

Có mấy thứ thuốc linh-nghiệm do cụ Mai-Lộc Nguyễn-Mạnh-Hương thân-sinh ra ông Nguyễn Mạnh-Bông chế ra như sau này :

I

BỒ “TRUNG ICH KHỈ HOAN”

Thuốc bổ thận cố tinh

Mỗi lọ 1\$20

Thông-trị các trứng dân ông chơi bởi quá-dộ, lo nghĩ nhiều đường, làm ăn nhọc mệt, ốm yếu vừa xong. Lậu làm mới dứt, ăn yếu ngủ ít, xấu máu da vàng. Rất bổ rất tốt !

II

HỒ CỐT MỘC QUA TỬU

Rượu tề thấp ngâm với hồ-cốt.

Mỗi chai 1\$00

Thông-trị các chứng đòn đánh, tê-bại, đau mình đau xương.

III

NỮ-PHỤC-KIM-ĐAN

Thuốc điều kinh bổ huyết đàn-bà.

Mỗi lọ 1\$20

Thông-trị các chứng đàn-bà xấu máu, dễ xong bị bệnh, con gái không điều kinh, hiếm con, ốm yếu còn gầy, khí hư, băng huyết.

IV

THUỐC LẬU SỐ 1

Thông-trị các bệnh lậu nhẹ nặng

Mỗi hộp 1\$00

Các thứ thuốc như ho, hen, dờm, xuyên, tả, lỵ, cam-tích, cảm sốt, còn nhiều. Xin đến số nhà 87 Phố Lamblot Hanoi ngay ngõ Huyện trông ra, nhà có cây cối um tùm, ta gọi là Phố nhà thờ cũ.

QUẢNG CÁO

Thị thành, Thị thành

Hỏi những tay sành

Lỗi đời bết của

Ốc đã rền rũa

Học vẫn rộng xa

Nước mắt hạt nhà

Sao mà đen thế :

Đề tôi xin kể

Cách họ âm hàng

Pha thính gạo rang

Hoặc chưng nước mật

Pha phách nhiều chất

Xương lợn là dầu

Quế chỉ lấy mẫu

Vừng rang lấy vị

Ta người thành thị

Khác kẻ quê mùa

Tiền việc thì mua

Không hay suy sết.

Chắc ai cũng biết

Cá có đen đầu !

Muối cũng một màu

Trắng tinh ở bề

Họ pha họ chế

Ra đỏ ra đen

Khuất mắt không xem

Nên không biết tởm

Còn cách ghê (ởm

Vỏ dứa chua me

Nước hàng đỏ nhoè

Nước Giành Hoàng bá

Nước mắt không cá

quen ắt mà dùng

Một sự lạ lùng

Người đời dễ quích

Nếu bảo sở thích

Lại đáng buồn cười

Phàm sự ở đời

Ưa đen hay trắng ?

ĐOÀN-ĐỨC-BÁN

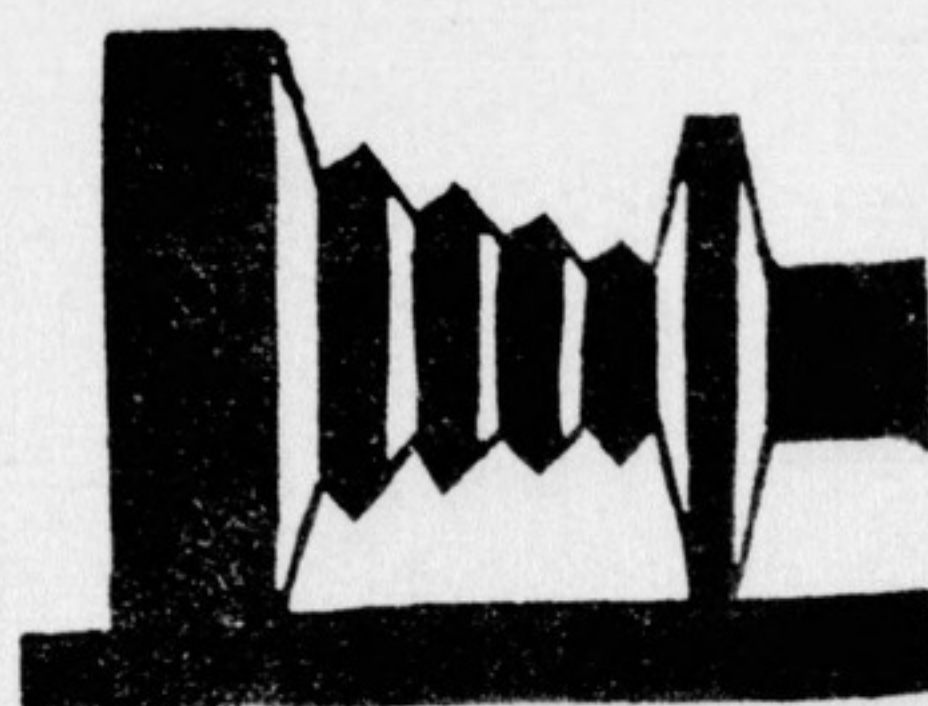
Chủ nhà nước mắt Vạn-Vân cửa hàng :

số 2 phố bến tàu Haiphong

32 phố hàng Nâu Hanoi

Hiệu ảnh CHÂN-DUNG

SỐ 43, PHỐ CHỢ HÀNG GIA — HANOI



MỸ-THUẬT ĐÃ
ĐƯỢC ĐỨC ĐẠI NAM
HOÀNG ĐẾ VÀ ĐỨC
KIM BIÊN HOÀNG-
ĐẾ NGỰ TỬ CÁC
HẠNG HUY TRƯỞNG
CHUYÊN NGHIỆP CHỤP
ẢNH VÀ BÁN ĐỦ
ĐỒ DÙNG VỀ VIỆC
ẢNH.

SOCIÉTÉ INTERNATIONALE D'ÉPARGNE

(Hội Vạn-Quốc để dành tiền)

Công-ty nạc danh của người Pháp giúp sự góp tiền để dành cho thành vốn.

Tổng cục ở số 7, phố Edouard VII, Thượng-hải

Vốn của công-ty là 65.000 lạng bạc Thượng-hải (một nửa đóng rồi)
và 2.000.000 quan tiền Pháp (một phần tư đóng rồi)

Tiền trừ bị đến ngày 30 Novembre 1929 : 34.437.746.00 đồng bạc Thượng-hải,

Quản lý cõi Đông-pháp : 25, đường Guynemer. — SAIGON — Téléphone 571

Quản lý Trung - Bắc - Kỳ : phố Bognis Desbordes. — HANOI — Téléphone 659

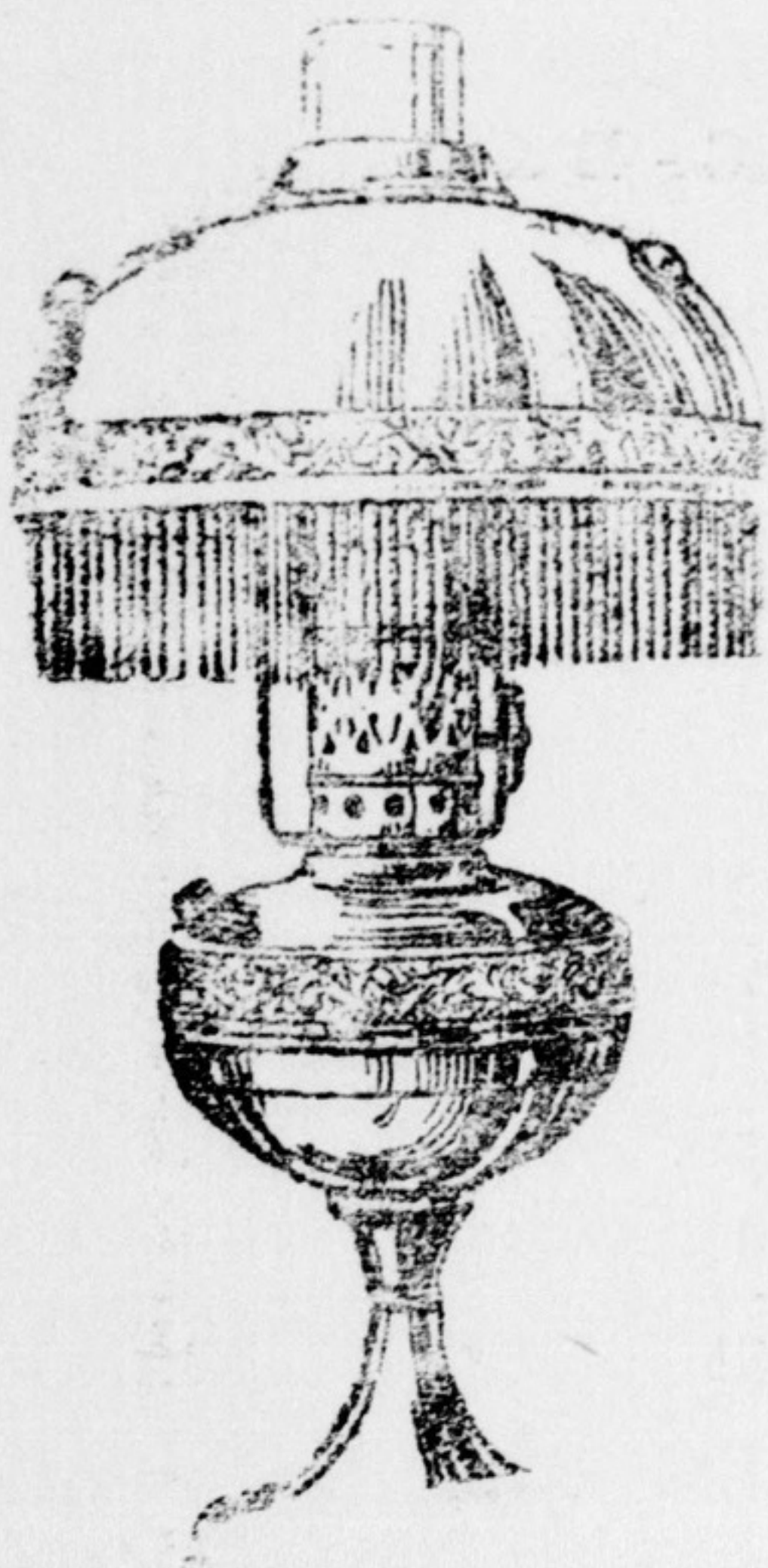
Hội thuộc quyền kiểm-duyet của phủ Toàn-Quyền Đông-Pháp. Tiền hùn lưu-trữ nhận được ở Đông-Pháp thì ký lại nhà Ngân-hàng Đông-Pháp ở Saigon

• Muốn tiết kiệm, muốn gây lấy tư-bản, muốn cho con gái có tư-trang hồi môn nên lấy một phiếu để dành

CÓ HAI CÁCH GÓP VỐN THỜI HẠN KHÁC NHAU :

Một cách góp trong 10 năm và đến cuối năm thứ 12 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi

Một cách góp trong 5 năm và đến cuối năm thứ 8 thì lấy tiền ra là 1000\$ và lãi



Ai sành chơi đèn thì
chỉ dùng đèn manehon

ASIATIC

và đèn đun **SVEA**

Vừa tiện vừa rẻ
có đèn đun nội
hóa. Bán, chữa các
thứ đèn, đèn pile.

Ở XA VIẾT THƯ VỀ
LẤY CATALOGUE Ở

Dang-van-Tan

— Lampiste —

ĐÃ GIỎN LẠI 29

Hàng Bông Đèn Hanoi

THINH - HƯNG

27, RUE DU COTON, HANOI

Bản-biểu bán đủ các thứ nệm chần,
màn, màn gọng, chần, gối và các thứ
ghế mây kiểu **thonet**.

Bán sơn, mắc áo, vân vân...

Kiểu đẹp hàng tốt, giá rẻ.

ARTICLE POUR LITERIE — CHAISES

GENRE THONET — TABLES ET

PORTÉ-MANTEAUX EN BOIS ET EN

— ROTIN LAQUÉS —

Cuối năm trục sổ

Năm cũ gần qua, chiếu lệ thường, bản chí cũng như các nhà buôn cần trục lại sổ sách. Ngài nào mua tạp chí dài hạn chưa giả tiền, xin kíp gửi mandats về cho bản chí; Ngài nào đứng đại lý bán dùm Tạp-chí Tự-Dân, xin cũng tính toán gửi relevé về cho chúng tôi tiện việc sổ sách cuối năm. Xin đa tạ.

T. D. T. C.

Imp. Spéciale du TỰ-DÂN TẠP-CHÍ

Le Gérant : TIẾT-NHƯ-NGỌC

(and) the right that he

河內行昂街第三號
電話第四百捌拾號

THE KIM THAI

名茶



金泰

海防華人街卅號
電話二百七十二號



Kim-Thái mười một hạng trà
Mùa nào trà ấy, mọi trà mọi ngon
Lâm-Mậu, Kim-Mậu, Tam-Nguyên
Long-Thái, Công-Thái, giá tiền ngang nhau
Như ý, Thiên-Thái cũng màu
Song-Hỉ, Tam-Hỉ dễ hầu kềm thua
Ngũ-Phúc, Minh-Thái cũng ưa
Sành trà cho mấy cũng vừa ý ngay

Vệ-sinh, khoa-học ngày nay
Bao nhiêu phương pháp Hiệu này tinh thông
Chế ra Hải-nội mua dùng
Đã vừa ích khí lại lòng Lỗ trung
Mỗi khi gặp buổi thung dung
Chén trà tiêu khiển vui cùng giai-nhân
Hoặc khi hiếu hỷ khoản tân
Dùng trà Kim-Thái mọi phần mọi hơn
Kính cáo đồng-nhơn

ĐẠI LÝ CỦA BẢN HIỆU Ở NAM-ĐÌNH M. HÀNG-MẬU PHỐ KHÁCH N° 512

Phạm nhìn thấy bức ảnh nào đẹp mà
có giá trị thì thấy có chữ ký

Huong Ky HANOI